

BÁCH KHOA

SỐ 66 — NGÀY 1.10.1959

Trong số này :

- HUỖNH-VĂN-LANG Phương-diện hành-chánh của sự hoạch-định kinh-tế.
HOÀNG-MINH-TUYNH Liên-bang Xô-viết và Trung-hoa Cộng-sản: đồng tình hay tương khắc?
NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA Phương pháp phân định từ loại.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ Óc thăm-mỹ và cái đẹp.
ĐOÀN THÉM Trở lại vấn đề tiến bộ.
NGUYỄN-TRINH-DZOANH Ngày tận thế.
TRẦN-VĂN-KHÊ Hát chào.
NGUYỄN-HUY-KHÁNH Luận nhân vật đời Tam-quốc.
LƯU-NGHI } Ý-kiến về truyện ngắn
NGUYỄN-THỊ-VINH } Việt và ngoại-quốc.
Yã-Hạc }
NGUYỄN-VĂN-TRUNG } Danh từ địa phương.
NGUYỄN-ANH-LINH } Diễm sách: «Triết-lý văn-hóa khái luận» (Ng.-Đ.-Thục).
GIẢN-CHI Biệt cổ-nhân trên sông Hoài (thơ dịch).
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA Tôi đóng phim tại Pháp.
NGUYỄN Trong đồng hoang (truyện dịch).
PHAN-LẠC-TUYẾN Nét vẽ (thơ).
TẦN-VŨ Đi trong đêm (truyện ngắn).
KIM-THU Hương chiều (thơ).
Yã-Hạc }
NGUYỄN-VĂN-TRUNG } Dư hương (thơ).
DIỄM-NGHI } Diêu-vợi (thơ).
VƯƠNG-TÂN } Xa-xôi (thơ).
HOÀI-DƯƠNG Thương về thôn-bản (thơ).
VÕ-PHIẾN Thác đồ sau nhà (truyện ngắn).

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh *Eau de Vie cu* " 40° và 50°
— Rượu Tàu *"Lào-Mạnh-Tươi"*
— Rượu Tàu *"Tích-Thọ-Tươi"*

SI-RÔ *"Verigoud"* :

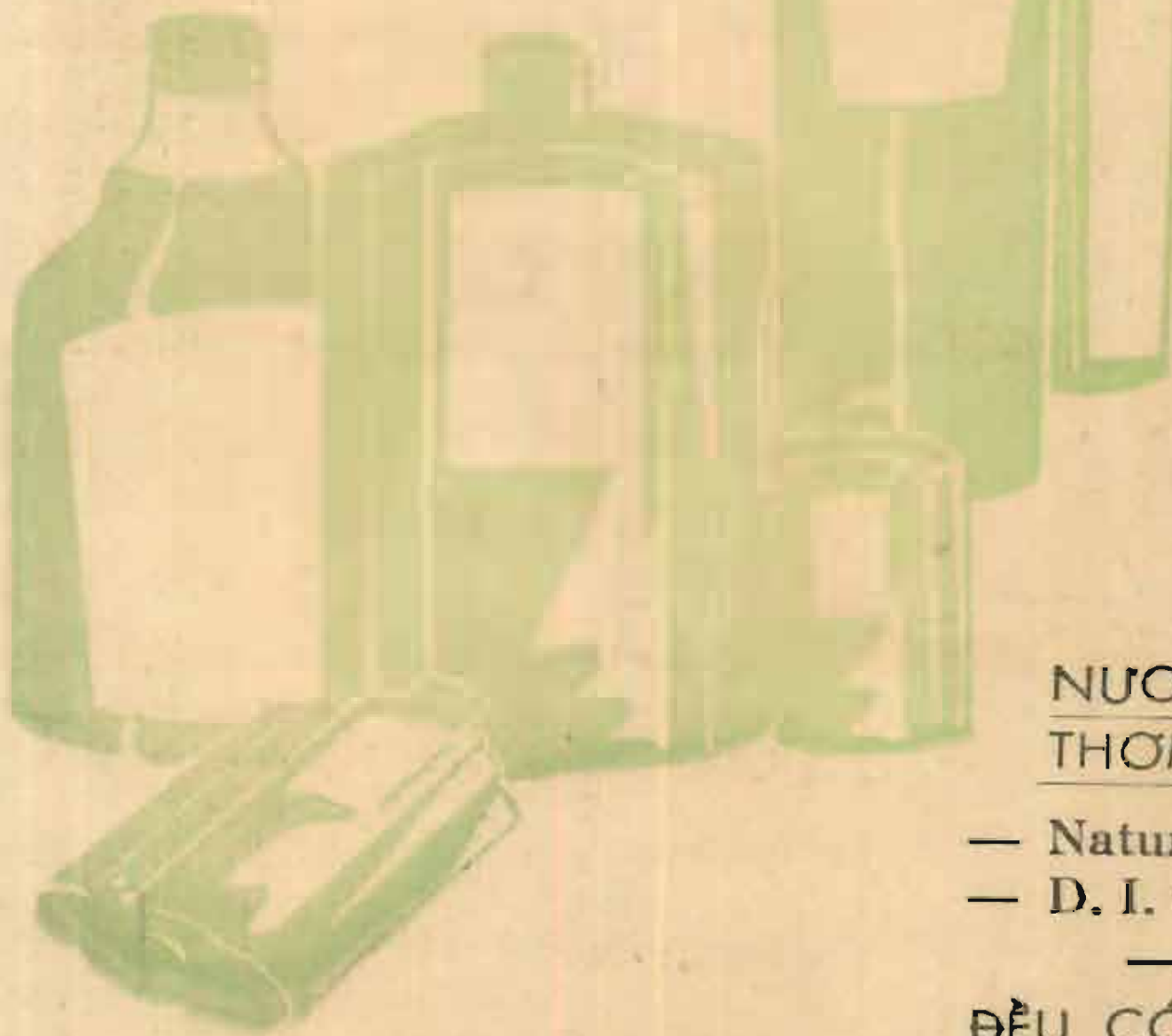
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

Distilleries

de l'Indochine



NƯỚC HOA và DAU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

& NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

& TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

DU LỊCH NHA-TRANG... DU LỊCH NHA-TRANG...



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

XIN HIỂN QUÝ KHÁCH

- *Chuyến bay đặc - biệt cuối tuần đi NHA - TRANG.*
Khởi hành tại Sài Gòn mỗi trưa **Thứ Bảy 13g. 30**
Ở Nha-trang trở về sáng sớm **Thứ Hai 06g. 45**
- *An nghỉ tại khách-sạn Hôtel Frégate hay Hôtel Nautique.*
- *Có những cuộc du-ngọan do VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG tại NHA-TRANG tổ-chức.*



XIN HỎI CHI-TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

CÓ **DẦU** TRONG ĐỜI SỐNG CỦA TA



*Ngay những khi ta cầu
nguyện, dầu cũng góp
phần vào việc đó.*

*Hầu hết đèn nến là pho-
sân của dầu cũng như
chất nhựa keo với các
vật-dụng bằng nhựa vậy*

*Hàng ngày dầu được
dùng trong khắp lãnh-thổ
Việt-Nam... trong đồng
quê... trong gia-đình...
trong nhà sở... trong
xí-nghiệp.*

*Dầu góp một phần quan
trọng vào đời sống của ta.*



HÃNG DẦU STANVAC
Giúp Ta Sống Đời Vui Tươi

STANDARD-VACUUM OIL COMPANY VÀ CÁC SẢN-PHẨM MOBILGAS, MOBIL OIL, MOBIL DIESEL V.V...

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ V (từ số 49 đến số 60) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 105 đ.

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Từ 1 - 60 : 5 tập : 525 đ.



Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**



SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration : dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*). Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome, 3 h 30 — d'Istanbul

* Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire : après les "Caravelle", mise en ligne des quadiréacteurs Boeing 707 "Intercontinental".

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RÉSEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES OU AIR FRANCE 122-130 RUE TU-DO SAIGON TEL. 20.981 à 84

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

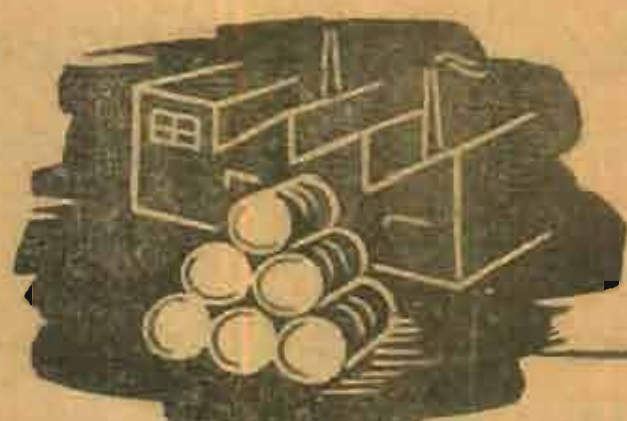
Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MNOTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

NHÀ THUỐC

LÀ THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tin LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

- LEDERLE (Huê-Kỳ)
 - GLAXO (Anh-Quốc)
 - LILLY (Huê-Kỳ)
 - SQUIBB (Huê-Kỳ)
 - PHILIPP ROXANE (Hòa-Lan)
 - SCHERING (Huê-Kỳ)
 - AMBRINE (Pháp-Quốc)
 - DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)
 - DON BAXTER (Huê-Kỳ)
 - ỔNG CHÍCH
 - và
 - KIM CHÍCH
- } « IDEAL »
(Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

- IODOPHEDRINE « MUS »
(Thuốc suyễn)
- BANCAMYD (Trị ban căn trẻ em)
- ELIXIR ANTICHOLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS »
(Trị tiêu chảy, thiên thởi, đau bụng, ỉa mửa kiết lỵ, kiết dâm, kiết máu)
- SIROP PECTORAL « MUS »
(Thuốc ho)
- MUSTONIC (Thuốc bổ)
- SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)
- ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lông ben)
- VERMI « MUS » (Trị sán lải)
- HEPATOMUS (Trị bệnh gan)
- LINIMUS (Dầu thoa bóp)
- CORRICIDE « MUS » (Trị mắc cá)
- CORTAL
(sous licence STERLING)

Tiếp đãi ân cần — Bảo chế kỹ lưỡng theo toa Bác-sĩ
CÓ ĐU : Dược-phẩm — Dụng-cụ y-khoa — Hóa-học phẩm



BÁCH-KHOA

Số 66 — Ngày 1 - 10 - 1959

HUỖNH-VĂN-LANG
HOÀNG-MINH-TUỖNH
NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA
NGUYỄN-HIẾN-LÊ
ĐOÀN-THÊM
NGUYỄN-TRINH-DZOANH
TRẦN-VĂN-KHÊ
NGUYỄN-HUY-KHÁNH
LƯU-NGHI, NGUYỄN-THỊ-VINH
Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG
NGUYỄN-ANH-LINH
GIẢN-CHI
TRẦN-NGUYỄN ANH-CA
NGUYỄN
TẦN-VŨ
KIM-THU
VŨ-PHIẾN
PHAN-LẠC-TUYỄN
Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG
DIỄN-NGHI
VƯƠNG-TÂN
HOÀI-DƯƠNG

Trang

<i>Phương - diện hành - chánh của sự hoạch-định kinh-tế.</i>	3
<i>Liên - bang Xô - viết và Trang - hoa Cộng - sản : đồng tình hay tương khắc ?</i>	9
<i>Phương-pháp phân định từ loại.</i>	15
<i>Ôc thâm-mỹ và cái đẹp</i>	18
<i>Trở lại vấn-đề tiến bộ</i>	25
<i>Ngày tận thế.</i>	34
<i>Hát chèo</i>	37
<i>Luận nhân-vật đời Tam-quốc.</i>	42
<i>Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại- quốc</i>	45
<i>Danh-từ địa-phương</i>	51
<i>Điểm sách : « Triết-lý văn-hoá khái luận » (Nguyễn-Đăng-Thục)</i>	55
<i>Biệt cố-nhân trên sông Hoài (thơ dịch)</i>	66
<i>Tôi đóng phim tại Pháp</i>	69
<i>Trong đồng hoang (truyện dịch)</i>	73
<i>Đi trong đêm (truyện ngắn)</i>	85
<i>Hương chiều (thơ)</i>	87
<i>Thác đổ sau nhà (truyện ngắn)</i>	91
<i>Nét vẽ (thơ)</i>	99
<i>Dư hương (thơ</i>	101
<i>Diệu-vợi (thơ)</i>	102
<i>Xa-xôi (thơ)</i>	104
<i>Thương về thôn bản (thơ)</i>	106

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HUỲNH-VĂN-LANG

: *Phương-diện hành-chánh của sự hoạch-định kinh-tế.*

LÊ-LINH

: *Vấn-đề sử-dụng đất đai tại Việt-Nam.*

N. T. M.

: *Con đường mới tại Trung - hoa Cộng-sản.*

PHẠM-NGỌC-THẢO

: *Vấn-đề tập-trung và phân tán lực-lượng chiến-đấu.*

ĐOÀN-THÊM

: *Tề-gia nội-trợ.*

NGUYỄN-HÙNG-CƯỜNG

: *Sự phân loại sách và các hệ-thống thư-viện trên thế-giới.*

LÊ-NGỌC-TRỤ

: *Nỗi thắc-mắc của bạn đọc về bản Chính-phụ ngâm.*

CHÂU-HẢI-KỶ

: *Bàn lại bài thơ của Bà huyện Thanh Quan.*

TRẦN-VĂN-KHÊ

: *Hát chèo.*

VŨ-ANH-TUẤN

: *Thôn-dã (truyện dịch).*

KHÔNG-NGHI

: *Dưới tấm bao lơn (truyện ngắn).*

VŨ-HẠNH

: *Người nữ tỳ (truyện ngắn).*

THÀNH-TÂN

: *Đầu cá lóc (truyện ngắn)*

KIỀU-YIÊU

: *Thần Ếch (dịch Liêu-Trai).*

ĐÔNG-HỒ

TRỌNG-MIÊN

: *Ý-kiến về truyện ngắn.*

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà In : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-Văn-Lang

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

Thuyết-trình của Ông Huỳnh-Văn-Lang, Chủ-nhiệm Tạp-chí
Bách-Khoa, đọc tại Học-viện Quốc-gia Hành-chánh ngày 15-9-59.

PHƯƠNG-DIỆN HÀNH-CHÁNH CỦA SỰ HOẠCH-ĐỊNH KINH-TẾ

HUỲNH-VĂN-LANG

TRONG bản thuyết-trình ở một nơi khác, chúng tôi đã có dịp trình bày rằng sự phát-triển kinh-tế điều-hòa là điều-kiện cần kíp để phát-triển kinh-tế mau lẹ và vững vàng, mà dụng-cụ để phát-triển kinh-tế điều-hòa là một kế-hoạch, nếu không được một kế-hoạch tinh-vi, hoàn bị thì ít ra cũng phải có một kế-hoạch tối thiểu nhưng rõ ràng. Hôm nay, chúng tôi không nghiên-cứu xem một kế-hoạch có cần kíp hay không, mà chỉ xét xem giả thử muốn có hay phải có một kế-hoạch phát-triển kinh-tế, tất nhiên phải cần một cơ-quan hành-chánh chuyên biệt để quan-niệm, thành-lập và theo dõi sự thực hiện kế-hoạch, thì trong guồng máy hành-chánh quốc-gia, cơ-quan kế-hoạch ấy phải đặt vào đâu, phải tổ-chức thế nào, sẽ được liên-lạc với các Bộ, các Nha Sở ra sao... Đó là nội-dung bản thuyết-trình này. Trước

khi nói đến chính cơ-quan kế-hoạch, chúng tôi sẽ sơ-lược trình bày kế-hoạch phát-triển kinh-tế là gì, cùng những vấn-đề do kế-hoạch ấy nêu lên về phương-diện hành-chánh. Trong phần kết-luận, chúng tôi sẽ đề-cập tới vài ba đặc-tính mà cơ-quan kế-hoạch cần phải có, nếu muốn làm được việc một cách hiệu nghiệm.

Tóm lại, bản thuyết-trình của chúng tôi sẽ gồm ba phần như sau :

1.— Kế-hoạch phát-triển kinh-tế và những vấn-đề về phương-diện hành-chánh do kế-hoạch ấy nêu lên.

2.— Cơ-quan kế-hoạch phải đặt ở đâu, tổ-chức thế nào, liên-lạc với các Bộ, các Nha Sở khác ra sao.

3.— Kết luận : đặc tính cần phải có của cơ-quan kế-hoạch.



PHẦN THỨ NHỨT

Kế-hoạch phát triển kinh-tế là gì
và những vấn-đề về phương-diện
hành-chánh do kế-hoạch phát-triển
kinh-tế nêu lên

Xét về phương-diện hành-chánh, kế-hoạch phát-triển kinh-tế là một khí cụ để phối trí và điều-khiển những cố-gắng, những động-tác của các Bộ, các Nha Sở, các công-chức qui về những mục-dịch kinh-tế đã được thỏa-thuận. Kế-hoạch là một phương-tiện để hướng-dẫn những viên-chức trách-nhiệm về Chánh-phủ và những viên-chức hăng ngày quyết-định việc làm của Chánh-phủ. Kế-hoạch đặt ra những chủ đích kinh-tế của Chánh-phủ (có khi là những mục tiêu cụ-thể, có khi là những chánh-sách tổng quát) và nêu ra những giải-pháp để đạt được những chủ-đích ấy (có khi Chánh-phủ trực-tiếp hoạt-động, có khi gián-tiếp ảnh-hưởng những hoạt-động của kẻ khác). Những nhiệm-vụ hành-chánh liên-quan tới kế-hoạch :

— là làm sao cho các Bộ, các Nha Sở, các công-chức thỏa-thuận với nhau về những chủ đích của Chánh-phủ đưa ra,

— là thành lập hay chọn lựa những chánh-sách, những giải-pháp phù-hợp

— là điều-khiển các Bộ, các Nha Sở của Chánh-phủ thế nào để thực-hiện được những chánh-sách, những giải-pháp ấy. Đó là những nhiệm-vụ tưởng như rời rạc và biệt lập, nhưng chính thực rất liên-quan chặt chẽ với nhau.

1. — Các nhiệm-vụ kể trên đây thực hiện sẽ không có gì khó khăn, nếu cái tầm của nó nhỏ hẹp, vừa cho một người hay một nhóm nhỏ người làm việc trong một quốc-

gia nhỏ bé và mới mẻ, chưa dính bén gì với lịch-sử, với cồ-lệ truyền thống và với sự hiện diện của các cơ-quan hành-chánh đã có từ trước. Các nhiệm-vụ ấy sẽ hóa ra đơn giản dễ dàng, nếu có một người có đủ khả năng am-hiếu toàn-diện kế-hoạch và đủ khả năng thực hiện kế-hoạch lấy một mình. Nhưng khốn nỗi là trên thực-tế lại không thế như thế được. Mà trái lại, một mặt thì sự chọn các chủ đích, các mục tiêu thường hay thay đổi và có rất nhiều luân-lưu. Mà những yếu-tố cần phải lưu ý trong việc thiết-lập kế-hoạch thì lại có lắm cái bất-định, cùng tùy thuộc ở bao nhiêu trường-hợp, bao nhiêu hoàn cảnh mà Chánh-phủ không sao kiểm-soát hết được, và chẳng có một ai một mình dám tự hào có đủ khả năng để am-hiếu, để chọn lựa cái gì cho hoàn toàn chắc chắn được. Mặt khác, thì có vô-số công-tác chuyên-biệt phải làm, để thực hiện kế-hoạch và biết bao nhiêu là quyết định, do cá-nhân và về chi-tiết, phải làm ở mọi cấp bậc, đến nỗi cần phải có một sự ủy-quyền rộng rãi trong tất cả guồng máy hành-chánh. Ở một nước rất nhỏ thôi, thì chỉ riêng một việc thành-lập kế-hoạch đã là phức-tạp rồi và cần kíp phải phân phối việc thực hiện cho biết bao nhiêu cơ-quan trong Chánh-phủ.

Nếu quốc-gia càng rộng lớn, kế-hoạch càng phức-tạp, thì các cơ-quan liên-quan trong việc thực hiện phải càng nhiều. Cho nên khi phải có nhiều người, nhiều cơ-quan liên-quan, thì tất nhiên dễ có xung-

đột, bất-đồng ý-kiến và có vấn-đề là làm sao giữ được các cơ-quan hành-chánh, các cá-nhân... đứng trong đường lối của kế-hoạch.

2. — Các nhiệm-vụ nói trên hóa ra phức-tạp, vì một lẽ nữa là không có một kế-hoạch nào được thành-lập từ số không mà ra, hoàn-toàn mới nguyên với một tổ-chức để thực-hiện hoàn-toàn tình-khiết. Chánh-phủ đã có trước kế-hoạch phát-triển kinh-tế. Từ trước, Chánh-phủ đã có những cơ-quan để giữ an-ninh, trật-tự, để thu thuế và để thực-hiện bao nhiêu nhiệm-vụ ước-định khác nữa. Trừ nhiệm-vụ ngoại-giao ra, những nhiệm-vụ truyền-thống kể trên thường được thi-hành theo một nề nếp quen thuộc cũ, không trông xa thấy rộng là bao nhiêu. Nhưng một khi Chánh-phủ chủ-trương phát-triển kinh-tế, thì nhiệm-vụ mới lại này sanh và nhiều cơ-quan mới phải được thành-lập. Trong việc phát-triển kinh-tế các cơ-quan cũ cũng đóng một vai trò hết sức quan-trọng. Mỗi cơ-quan cũ hay mới đều có nhiệm-vụ của nó do Hiến-Pháp hay Hành-Pháp quy-định, và mỗi cơ-quan sẽ đặt ra kế-hoạch riêng để thi-hành nhiệm-vụ của mình. Nhưng kế-hoạch và động-tác của các cơ-quan lại thường khi chẳng những không ăn-khớp với nhau mà có lúc lại còn không ăn-khớp với đường lối chung của Chánh-phủ nữa. Những cơ-quan cũ thì thường hay theo đường lối cõ-hủ của mình, bất chấp đến phương-diện dài hạn, toàn-diện kinh-tế và không lưu ý đến vấn-đề đầu-tư là những đặc-tính phân biệt kế-hoạch phát-triển kinh-tế với những-chánh-sách kinh-tế khác. Còn các cơ-quan mới thì lại đặc-biệt chú trọng đến vấn-đề phát-triển kinh-tế, nhiệt thành với kế-hoạch

đã khai sanh ra nó, đòi hỏi nhiều tài-nguyên để thi-hành những nhiệm vụ mới của mình để rồi có khi lần lần bớt quan tâm đến kế-hoạch kinh-tế chung.

3. — Hơn nữa, nhiều khi chính cơ-cấu tổ-chức do Hiến-pháp quy-định lại làm cho nhiệm-vụ hành-chánh thêm phiền-phức. Như ở Mỹ hay Ấn-độ chẳng hạn, quyền hạn của Chánh-phủ Trung-ương bị quyền hạn các tiểu-bang, các xứ, giới hạn, mà quyền hạn nào cũng mật thiết liên-quan đến cái quá-trình phát-triển kinh-tế chung.

4. — Kế-hoạch phát-triển kinh-tế chẳng những là có ảnh-hưởng đến các cơ-quan hành-chánh mà còn ảnh-hưởng đến cả quần-chúng nữa. Trừ phi chánh-quyền chỉ dùng võ lực để thực hiện kế-hoạch kinh-tế, kỳ dư chánh-quyền phải dựa nơi sự hưởng-ứng của quần-chúng về những mục tiêu và chánh-sách chung đã nêu ra. Ví dụ : muốn chuyển tiết-kiệm từ lãnh-vực này qua lãnh-vực khác, muốn thay thế tiết-kiệm tự ý bằng tiết-kiệm bắt buộc, muốn chuyển đầu-tư từ canh-nông qua kỹ-nghệ... chẳng hạn, thì phải dè dặt và phải thăm dò phản-ứng của quần-chúng. Nếu phản-ứng của quần-chúng không thuận tiện cho sự thi-hành, thì nhiều khi phải chuyển-hướng hay thay đổi cả chánh-sách lẫn dự-án.

Trong lúc chiến-tranh, thì mục-đích « thắng trận » thật rõ ràng và dễ được mọi người hưởng-ứng, nhưng kế-hoạch phát-triển kinh-tế có tánh cách hòa-bình và xây dựng, không phải là một việc đơn-giản như thế nên khó lòng được mọi người hưởng-ứng dễ dàng. Kế-hoạch phát-triển kinh-tế còn có phương-diện chánh-trị của nó nữa : có Chánh-phủ sụp đổ hay đứng vững được cũng vì đó, bởi vậy sự thành

công của một kế-hoạch có thể thay đổi được quyền hạn chánh-trị và kinh-tế của chánh-quyền. Có những nước mà quần-chúng không thể có một dư-luận mạnh mẽ đối với kế-hoạch kinh-tế, nhưng ít ra cũng có hai thành-phần quần-chúng mà sự hưởng-ứng — (không phải chỉ là công - nhân thôi) — rất mực quan-hệ :

a) Quốc-Hội theo nguyên-tắc là cơ-quan đại-diện quần-chúng. Vai trò của Quốc-Hội tùy thuộc cơ-cấu tổ-chức do Hiến-pháp qui-định và tùy theo tình hình chánh-trị của một nước, nhưng trong việc phò-biến kế-hoạch ít ra Quốc-Hội cũng có thể là một cơ-quan môi-giới để thông-tin, giải-thích, hầu thúc đẩy quần-chúng tham-gia và ủng-hộ kế-hoạch.

b) Lãnh-vực tư của kinh-tế quốc-gia ở các nước đều gồm một phần lớn các người sản-xuất và những người tiêu-thụ. Sự thành công của kế-hoạch là do ở sự hưởng-ứng rộng rãi của họ, sự hưởng-ứng này tùy ở bản chất của kế-hoạch, nhưng nếu quần-chúng tham-gia vào việc thảo-luận và thành-lập kế-hoạch, tất nhiên sự hưởng-ứng sẽ có phần dễ dàng hơn. Điều này ta có thể làm được qua các Hội-đồng tư-vấn và các chương-trình giáo-dục.

5. — Vai trò của quần-chúng trong việc phát-triển kinh-tế rất quan-trọng, cho nên quần-chúng đòi hỏi người công-chức phải có một thái-độ tương-xứng với vai trò mới, nhất là trong những nước mà người ta chưa có thói quen tin tưởng nhiều ở Chánh - phủ, hay ở các nước mà công vụ là độc - quyền của giai - cấp quý phái, bao giờ cũng tự cao tự đại, khinh thường những người sản-xuất của xã-hội. Ngoài nhiệm - vụ cổ - truyền là

làm cố-vấn cho vị Bộ-trưởng của mình và thi-hành chỉ-thị của vị đó, người công-chức mới còn có nhiệm-vụ tham-gia công-việc lập kế-hoạch, quản-lý kế-hoạch một cách có ý-thức ; đối với người dân, cũng một phần phải dựa theo khả-năng nguyện-vọng của họ mà thực-hiện kế-hoạch thế nào để họ vui lòng hợp-tác với mình hơn là bắt buộc họ phải theo. Vai trò mới ấy đòi hỏi sự tuyển dụng, huấn-luyện công-chức một cách đặc-biệt về tài-năng, đạo-đức, và sự lựa chọn công-chức phải được thi-hành một cách dân-chủ.

6.) Người ta cố - gắng giải-quyết các nhiệm-vụ hành-chánh liên - quan đến kế-hoạch phát-triển kinh-tế bằng cách vẽ đi vẽ lại đồ-biểu tổ-chức, chỉ rõ ràng tôn-ti, trật-tự, thượng cấp hạ cấp, đề-nghị của ai đưa lên, do ai quyết định chấp-thuận và những ai có nhiệm vụ thi-hành v.v... chỉ hiềm là đồ-biểu không thể chứng-minh được một tổ-chức có chạy hay không, mà nếu chứng-minh được nó chạy chẳng nữa thì cũng không nói được là nó chạy thế nào. Nếu Chánh-phủ có thể dùng được hệ-thống hành-chánh thường, thì vấn-đề hành-chánh quan-hệ nhứt liên-quan đến kế-hoạch kinh-tế không phải là tìm cho được một tổ-chức hoàn-bị, mà là thiết lập làm sao được một hệ-thống liên-lạc hợp-lý, giữa những người có thẩm-quyền ra những quyết-định có tính-cách tổng-quát về mục-tiêu và chánh-sách, những cố-vấn của họ, với những người quyết-định hằng ngày về chi-tiết cùng thi-hành công việc thường xuyên của chánh quyền. Đặc-biệt là phải quan-tâm đến những vấn-đề sau đây :

— Khi thiết-lập một kế-hoạch, các cơ-quan có những kinh-nghiệm thực tiễn

và cụ-thể ra sao, các sự va chạm giữa các cơ-quan xảy ra thế nào, đề có thể dàn-xếp nhằm lợi ích cho chánh-sách chung.

— Làm thế nào đề mục tiêu và chánh-sách của kế-hoạch được thấm nhuần vào các cơ-quan có nhiệm-vụ thực hiện kế-hoạch ?

— Làm thế nào đề các cơ-quan ấy theo dõi và biết được những quyết định về chánh sách hầu việc làm của họ được qui-hướng đúng lối ?

— Làm thế nào đề sự thông-tin từ dưới đưa lên được đầy đủ đề những người quyết định chánh-sách luôn luôn biết được những tiến thoái của công việc, như vậy khi cần đến, họ có thể thay đổi chương-trình kịp thời, và nếu các cơ-quan có đi ra ngoài kế-hoạch thì cũng biết kịp thời mà sửa chữa.

Một hệ-thống thông-tin bắt buộc, không phải là một giải-pháp ở đây. Nếu là một giải-pháp thì phải mặc sức báo-cáo và buộc lòng kiểm-soát mọi trường-hợp. Nhưng như thế cũng chưa chắc gì các sự cố-gắng của mọi cơ-quan đã được phối-hợp đều-hòa hầu thực hiện kế-hoạch.



Trong khi thiết-lập và thực hành một kế-hoạch, ở các nước tiền tiến cũng như hậu tiến, Chánh-phủ phải đương đầu với những vấn-đề đã kể trên. Có lẽ ở các nước tiền tiến càng khó khăn hơn, vì lẽ với một nền kinh-tế càng rộng lớn và phức-tạp, thì càng cần có một guồng máy hành-chánh tinh-vi phù-hợp. Trái lại, Chánh-phủ các nước kém mở mang, thoát tiên phải lãnh bao nhiêu là nhiệm-vụ mới vào cái tổ-chức cồ-truyền và phương-pháp

hành-chánh cũ : trình-độ kiến-thức nói chung còn thấp và những chuyên-viên cần kíp cho những nhiệm-vụ chuyên biệt có rất ít, nhiều Chánh-phủ phải đương đầu với các vấn-đề rất mới mẻ mà những người quyết-định chánh-sách của họ tương-đối ít kinh-nghiem (nhiều người chỉ vừa mới biết kế-toán quốc-gia là gì), hơn nữa, chánh quyền nhiều nước kém mở mang lại phải cáng đáng những công việc mà ở các nước khác, chỉ do tư-nhân làm lấy. Tóm lại, sự thiếu sót về hành-chánh là một trở ngại lớn cho sự phát-triển kinh-tế cũng như thiếu tư-bản hay thiếu năng-lực vậy.

Trách-nhiệm điều-khiển và phối-trí thuộc về kẻ đứng đầu hành-pháp, hoặc một người hay một Hội-đồng. Trách-nhiệm của họ là làm cho các tầng lớp quần-chúng, làm cho các thành-phần xã-hội hưởng-ứng và làm sao cho chương-trình thực hiện được. Đó là điều cần kíp phải cố-gắng không thể tránh được. Một điều nữa không thể tránh được là nếu Chánh-phủ không phải là một chánh quyền mạnh thì thường cũng không định-đoạt được kế-hoạch, mà dù có kế-hoạch cũng không thực-hiện được một cách hiệu nghiệm. Chánh-phủ có mạnh mới nắm vững được các Bộ, các thành-phần của mình, đề cùng hướng theo một chánh-sách chung, và có mạnh mới thu thuế được của dân-chúng và bài-trừ được gian-lận v.v...

Thường khi nhiệm-vụ của kẻ đứng đầu hành-pháp quá nặng nề (nhứt là khi phải đặc-biệt quan-tâm về quốc-phòng và ngoại-giao), nên họ không thể đề cả thì giờ lo về kế-hoạch phát-triển kinh-tế được. Một đôi khi — như ở Nam-tur — người ta cố giảm bớt phận sự của họ bằng

cách phân-biệt hẳn giữa sự quyết-dịnh chánh-sách và công việc hành-chánh, việc hành-chánh thì thuộc về hệ-thống thừa hành, các chỉ-thị từ trên đưa xuống do những người điều-khiển không cần bận tâm đến công việc hành-chánh. Sự phân biệt như thế trên thực-tế không mấy khi có được. Một ông Bộ-Trưởng vẫn phải bận bịu với việc quyết-dịnh chánh-sách cũng như với việc hành-chánh. Và nếu người quyết-dịnh chánh-sách mà cách biệt hẳn đối với hành-chánh thì có lẽ họ sẽ mất liên-lạc với thực tế và sẽ đi sai-lạc đường lối, kế-hoạch của họ. Cách thức thông thường hơn hết là kẻ đứng đầu hành-pháp nếu thấy cần có kẻ khác giúp đỡ mình thì ủy-nhiệm một ít trách nhiệm cho người khác hay cho một cơ-quan chuyên biệt để thi-hành những trách nhiệm ấy. Dù sao đi nữa thì cũng có thêm một vấn-đề hành-chánh mới đối với các Bộ các cơ-quan khác của Chánh-phủ. Đó là vấn-đề qui-chế của người hay của cơ-quan được ủy-nhiệm.

Dù kẻ cầm đầu hành-pháp điều-khiển kế-hoạch trực-tiếp hay gián-tiếp qua một người khác, thì họ cũng cần phải có một guồng máy hay một cơ-quan đặc-biệt để thiết-lập kế-hoạch. Họ cần có cơ-quan ấy

không phải chỉ để am-hiếu tin tức để làm căn-bản cho kế-hoạch của mình hay để trình cho họ các luân-lưu thực-tế làm căn-bản cho họ quyết-dịnh, hay làm cố-vấn giúp đỡ họ, mà còn vì một lẽ nữa là cần phải có một cơ-quan có một tầm mắt rộng rãi không bị quyền-lợi riêng biệt của Bộ mình chi-phối ít nhiều, mà đó là đặc-điểm của cơ-quan kế-hoạch: Ví dụ xem xét lại kế-hoạch của các Bộ và coi xem ảnh-hưởng trên kinh-tế thế nào, ăn khớp với nhau làm sao.

Loại cơ-quan trung-ương nào và tổ-chức tinh-vi làm sao, đó là tùy ở bản chất của kế-hoạch mình phải làm. Nếu kế-hoạch gồm nhiều mục - tiêu sản - xuất từ những máy cày đến những nút áo thì tất nhiên là cần phải có một tổ-chức tinh-vi thay vì một kế-hoạch hay một chương-trình chỉ giới hạn hoạt-động của Chánh-phủ trong những lãnh vực căn-bản. Nếu cần phải lập kế-hoạch đầy đủ với những chi-tiết tỷ-mỉ thì cơ-quan ấy phải tổ-chức tinh-vi hơn là một kế-hoạch lo những chánh-sách đại-cương, để các Bộ lo về chi-tiết.

HUỲNH-VĂN-LANG

KỶ TỚI: Phần Hai: Cơ-quan kế-hoạch phải đặt ở đâu, tổ-chức thế nào, liên lạc với các Nha sở khác ra sao?

Danh ngôn, danh lý TÔN TRỌNG NHÂN PHẨM

★ Thống-chế de Belle-Isle viết cho con:

« Ta khuyên con, đối với binh-sĩ, chớ bao giờ dùng những tiếng nặng hoặc những lời có thể làm phật lòng họ, nhất là chớ bao giờ nên nói trước mặt họ những câu nhóp nhúa, dè-tiện. Con nên tin đó là phương thể hay nhất, phương thể duy nhất khiến họ thuận theo mệnh lệnh, cùng làm cho mệnh lệnh trở nên dễ chịu và được tuân hành mau lẹ. Đó cũng là cách làm cho binh-sĩ tin tưởng nơi cấp trên, mỗi tin tưởng phát-sinh ra kỷ-luật và thành-công.

★ Có lễ-độ thì yên, không lễ-độ thì nguy. (Lễ-Ký)

LIÊN-BANG XÔ-VIỆT

VÀ

TRUNG-HOA CỘNG-SẢN ĐỒNG-TÌNH HAY TƯ-ÔNG-KHẮC?

★ — HOÀNG-MINH-TUYNH

LỊCH-SỬ cuộc bang-giao Xô-viết — Trung-hoa, từ mười năm nay, là một điều bí-mật đối với nhiều người mặc dù chìa khóa để mở các bí-mật ấy vẫn để vừa tầm tay của bất luận người nào muốn tìm hiểu. Một diễn-văn của ông Kơ-rút-sốp, một văn-kiện của cơ-quan chính-thức đảng Cộng-sản Trung-hoa, ngày tháng và nội-dung một hiệp-ước thương-mại, đều cho người ta biết được rõ ràng các điều người ta muốn biết. Nhất là tại Trung-hoa, làm gì, người ta cũng làm một cách rất mực rầm rộ : để biến hình gần mười triệu cây số vuông, Trung-hoa huy-dộng thường-xuyên một dân số đông hơn dân-số của toàn bộ Âu-châu và âm ba tuyên-truyền nội-bộ của họ vang dội khắp năm châu. Tai của Mạc-tư-khoa lúc nào cũng hướng về phía Vạn-lý trường-thành. Một nhà địa-chấn học, mỗi ngày, có nhiệm-vụ ghi nhận tỉ-mi biến chuyển rộng lớn của trào-lưu tư-tưởng kéo dài và bất chước cuộc cách-mệnh tháng Mười — cuộc cách-mệnh mà Mạc-tư-khoa cho là cuộc cách-mệnh chân-thật, duy-nhất và cuối cùng — song không phải là không có lúc phản nghịch lại một cách khá cứng cỏi. Do đấy, phát sinh ra một cuộc đối-thoại, có kiểu-cách rất mới, nhưng cũng rất xưa, phàm ai

học qua Lịch-sử Âu-châu đều nhận xét thấy : một bên là phe chủ-tâm muốn giữ đường lối cho được chính-thống, một bên là phe có dụng-ý muốn tỏ ra mình có tư-tưởng độc-lập và có quyền được có sáng-kiến. Luận-điệu cuộc đối-thoại khiến người ta nhớ lại những công-đồng tôn-giáo xưa kia tại Âu-châu, chỉ khác có điều là cả hai bên, bề ngoài tuy nói là tranh-luận về lý-thuyết, mà kỳ thực là tranh dành nhau về quyền-lợi ; và mối lo ngại chung của hai giáo-đô cộng-sản chủ-nghĩa là tránh không để cho những kẻ « ngoại đạo » hy vọng được thấy một ngày kia hai phe sẽ quay lại chống nhau mà thôi. Hai địch thủ đứng trên một võ đài trường-khoát, rộng lớn đến nỗi làm cho chúng ta đôi khi phải choáng váng mặt mày và cuộc tỉ-thí khởi sự biểu diễn — mà chúng ta chưa biết sẽ phân thắng bại ra sao — giữa một bên biết mình tuy tương đối yếu, nhưng cảm thấy sức mạnh đang lên, và một bên biết mình tuy khỏe, nhưng vẫn tự hỏi mình liệu còn khỏe được trong bao lâu nữa. Liên-minh Liên-xô — Trung-quốc tuy có đấy, song thật ra vẫn còn có thể biến-thái rất nhiều, chưa biết thế nào mà lường trước được. Cho nên cả hai cách giải thích cuộc liên-minh Liên-xô Trung-quốc hiện nay của một số người đều có thể sai

lầm cả. Người bảo cuộc liên-minh là thành thật cũng sai lầm vì chính ông Kơ-rút-sốp cũng bảo là nó thiếu sự thành thật. Người bảo cuộc liên-minh ấy đi tới chỗ tan vỡ cũng sai lầm nốt : Bắc-kinh hiện nay chỉ có một đường và không thể lựa chọn gì được ; sau khi thấy rõ như thế, không những Bắc-kinh đã phải nhìn nhận mà còn công bố rõ ràng ; và chúng ta đều biết trong lịch-sử Trung-quốc, thời gian chốc lát, coi là ngắn ngủi nhất của họ, cũng phải kéo dài ít nhất là hai mươi lăm năm.

Một ngày đầu năm 1959, ngày 7 tháng 2, hai sự kiện đã xảy ra cùng lúc tại Mạc-tư-khoa khiến ta có thể coi nhận xét trên là đúng sự thật. Một mặt, báo Pravda dành sáu cột để phân tích một bài xã-luận đăng hôm trước trong tờ Nhân-dân Nhật-báo Bắc-kinh. Mặt khác, hai ông Kơ-rút-sốp và Chu-Ân-Lai đi tới chỗ kết thúc một hiệp thương kinh-tế khởi sự từ đầu tháng mười một và kéo dài từ ba tháng trước. Bản thông-cáo báo tin thắng lợi của đảng cộng-sản Liên-xô nói gì ? Bản đó cáo tri đại khái đảng cộng-sản — cộng-hòa nhân - dân Trung - hoa nhìn nhận những phương châm của ông Kơ-rút-sốp đọc tại Hội-nghị lần thứ XX có giá-trị đối với toàn-thể thế-giới và vì vậy, đảng ấy sẽ không tìm cách xây dựng chủ-nghĩa cộng-sản bằng những qui-tắc và phương-pháp khác với những qui-tắc và phương-pháp ông Kơ-rút-sốp đã công-bố là ưu việt và coi là cần phải được mọi người tuân hành. Còn hiệp-ước Trung-Xô gồm những khoản gì ? Bản đó công-bố Trung-hoa có thể trông cậy, trong khoảng thời gian chín năm, Liên-xô viện-trợ về kinh-tế và kỹ-thuật đủ để Trung-hoa xây dựng 78 đại xí-nghiệp và khoản tín-dụng cấp dùng vào công cuộc ấy có thể lên tới năm ngàn triệu rúp (roubles),

nghĩa là gần ngang với toàn số Trung-Hoa đã phải bỏ ra trong kế-hoạch năm năm lần thứ nhất. Rõ ràng là Liên-xô trong việc này, đã lợi-dụng sự tùy thuộc về kinh-tế của Trung-hoa để bắt Trung-hoa phải nhìn nhận và xác nhận bá quyền của mình và cũng rõ ràng là Trung-hoa, bị nhu-cầu thúc-bách, buộc lòng phải nhìn nhận và xác nhận bá quyền của Liên-xô. Tuy nhiên, không nên lầm tưởng cuộc hội-đàm Kơ-rút-sốp — Chu-ân-Lai chỉ có tính chất một cuộc mà cả, trả giá cò - diều như vậy mà thôi.

Một bài xã-luận đăng trong Nhân-dân nhật báo, mà báo Pravda coi như một văn-kiên căn-bản và như một hiến-chương chung cho cả hai nước, giải-thích cho chúng ta rõ hai nhà chính-trị còn đi xa hơn thế nhiều : đảng cộng-sản Trung-hoa thừa nhận không một nước nào có thể đi từ chủ-nghĩa xã-hội sang chủ-nghĩa cộng-sản, nghĩa là bước qua giai-đoạn thiết yếu của Cách-Mạng, trước Liên-xô ; nhưng, đổi lại, đảng cộng-sản Liên-xô hứa rằng : « các nước xã-hội chủ-nghĩa có thể qua chủ-nghĩa cộng-sản gần trong một lúc với nhau » ; do đấy viện-trợ của Nga cấp cho Trung-hoa ngoài ý-nghĩa tương trợ trong khuôn khổ một cuộc liên-minh thông thường giữa hai nước, còn có ý-nghĩa thương xác giữa hai nước cộng-sản về một lý-thuyết ; ông em tuyển-bố đã lắm khi muốn đi mau hơn ông anh ; nhưng ông anh một khi được ông em nhìn nhận quyền huynh-trưởng của mình rồi, thì liền cam kết dẫn đưa ông em cùng đi với mình đến một mục-tiêu ; không phải tình cờ ngẫu nhiên, hai bên đi tới chỗ thu xếp êm đẹp mà chính thật hai bên đã nỗ lực rất nhiều mới đi tới chỗ dung hợp một cách quyết định và căn-bản với nhau và chấm dứt một thời-kỳ lung củng, bất hòa.

BANG GIAO GIỮA LIÊN-BANG XÔ-VIỆT VÀ TRUNG-HOA CỘNG-SẢN

Các mối bang giao diễn-tiến trên ba địa hạt khác nhau

ĐỊA HẠT LÝ-TƯỜNG

Bề ngoài Cộng-sản Liên-xô và Cộng-sản Trung-hoa cùng công-bổ theo chủ-nghĩa Mác-xít và cùng công-nhận ba vị sư biểu Mac, Ang-ghe-nơ và Lê-nin. Song thật-tế hai bên đã nhiều lần tỏ ra có những ý-kiến bất-đồng. Gần đây, nhân dịp người Trung-hoa thiết-lập chế-độ Công-xã để tiến tới chủ-nghĩa Cộng-sản. Kơ-rút-sốp đã xác-định hành-động của người Trung-hoa đi sai lập-trường, có thể làm cho chủ-nghĩa Cộng-sản bị mất tín nhiệm.

ĐỊA HẠT NGOẠI-GIAO

Trung-hoa và Liên-xô cũng cần thỏa-hiệp với nhau trong chính sách đối ngoại để chứng tỏ cho Tây-phương biết họ đứng chung với nhau trong một mặt trận. Song thật-tế, mỗi nước đều muốn được tự-do hành-động: Liên-xô, có nguyên-tử-lực, muốn tham-gia hội-nghị tối cao mà không cần có Trung-hoa phụ-tá; Trung-hoa thì muốn tự lực gây một thanh-thế cho mình ở Đông-Nam Á-Châu bằng cách-thế tấn-công kinh-tế, cách-thế mà Liên-xô thường không tỏ ý tán thành.

ĐỊA HẠT KINH-TẾ

Liên-xô đã thật-tế viện-trợ Trung-hoa một cách đặc lực: do thỏa-hiệp cuối cùng ký-kết ngày 7 tháng Hai 1959, Kơ-rút-sốp chấp-thuận viện-trợ kinh-tế đầy đủ cho Trung-hoa thiết-lập 78 đại-xí-nghiệp và mở cho Trung-hoa một ngân khoản 5 ngàn triệu roubles (43.750 triệu VN\$ theo hối xuất chính thức). Đồng thời Liên-xô nhận huấn-luyện kỹ-thuật-gia (6.200) và sinh-viên (7000) Trung-hoa. Ngoài ra, còn gửi đến Trung-hoa 7000 cán bộ Xô-viết.

Đổi lại, Liên-xô đòi Trung-hoa mở rộng phạm-vi thương-mại: mậu-dịch chặt-chẽ, hội xã kinh-tế hôn hợp Nga-Hoa như tại Tân-Cương (quản-lý chung các đường hàng không trong vùng); tất cả những đòi hỏi này người Trung-hoa đều không thật tâm ưa thích.

Hai bên quả đã có một thời kỳ lung củng, bất hòa với nhau thật. Nói vậy không phải quá đáng. Ta chỉ việc coi lại bài diễn-văn « tràng giang đại hải » ông Kơ-rút-sốp đọc tại Hội nghị Cộng-sản lần thứ XXI thì đủ rõ. — Khi ông Kơ-rút-sốp đề cập tới chủ-nghĩa Mác-xít Lê-nin và chứng-minh giai-đoạn đi từ chủ-nghĩa Xã-hội qua chủ-nghĩa Cộng-sản căn cứ trên một định-luật phát-triển của lịch-sử, định-luật ấy không thể do cái « phù khí » không thường của một đảng, hay cái ý chí bất nhất của một người mà thay đổi, xê-dịch được; mỗi lời của ông nhất nhất đều có dụng ý chỉ trích ngầm nhưng nhằm thẳng cuộc thí-nghiệm của Trung-hoa.

Muốn hiểu bản cáo trạng của nhà lãnh tụ Liên-xô trên ba điểm, cần phải đem một định nghĩa đặt bên một sự kiện. Trước hết, tất cả các lý-thuyết gia của chủ-nghĩa Lê-nin, bắt đầu từ Xít-ta-lin mà đi, đều luôn luôn nhắc lại rằng ngày kia chắc-chắn xã-hội chủ-nghĩa sẽ được thay đổi bằng xã-hội Công-sản chủ-nghĩa, họ nhắc lại như vậy cố-nhiên là có ý bảo nhân-dân phải biết kiên-nhẫn, nhưng thật ra họ còn có ý nhấn mạnh rằng chế-độ tiền công là chế-độ trong đó mọi người mới được hưởng theo lao-động, ngày kia sẽ phải nhường chỗ cho chế-độ tự-do tiếp vận, là chế-độ trong đó mọi người sẽ được hưởng theo nhu-cầu; muốn phát sinh chế-độ cộng-sản không phải chỉ thay đổi cơ-cấu xã-hội là đủ, mà phải tạo ra những tiến-bộ tương-xứng với hạ tầng kiến-trúc kinh-tế trước đã; chính bởi vậy mà « chủ-nghĩa Ma-len-kốp » đã bị lên án, vì chủ-nghĩa này không cho phát-triển sản-xuất được quyền ưu-tiên tuyệt-đối và đặt kỹ-nghệ nặng ở bực

dưới kỹ-nghệ tiêu-thụ. Đó là định-nghĩa. Thứ nữa, chế-độ công-xã nhân-dân của Mao-Trạch-Đông không phải chỉ là một chế-độ tập-sản trong đó mỗi công-xã bình-quân gồm 5.000 gia-đình đã bị nghiền tan ra và đúc thành một « đơn-vị căn-bản » công-nghiệp, nông-nghiệp, hành-chính, văn-hóa và quân-sự; tại Hồ-nam nơi mà cuộc « công-xã hóa » đạt tới mức độ « gương-mẫu » 60% lợi-tức của các xã-viên hợp thành bằng lãnh-cấp vô phí vật-phẩm (lúa gạo, lúa mì), quần áo và dịch-vụ (nhà ở, thuốc thang), chế-độ công-xã còn có dụng-ý muốn cho Trung-hoa được khởi sự chuyển mình từ chủ-nghĩa xã-hội bước sang chủ-nghĩa Cộng-sản. Đó là sự-kiện. Nếu đem định-nghĩa trên đề gần sự-kiện này, ta sẽ có hai chủ đề đề căn-cứ mà quyết đoán ba định-lý sau đây của ông Nikita Kơ-rút-sốp đọc trước Hội-nghị Cộng-sản lần thứ XXI chính thật là có ý tặng cho phái đoàn Trung-hoa, hay ít nữa cho vị đầu não khiếm-diện của họ, là chủ-tịch mãn nhiệm Mao-Trạch-Đông :

1') « Một vài đồng chí cho rằng cần phải gấp rút thi-hành nguyên-tắc Cộng-sản chủ-nghĩa. Song bước quá sớm sang giai-đoạn phân-phối tùy theo nhu-cầu, khi điều kiện kinh-tế chưa tạo ra được đề qua bước tiến ấy, hoặc chưa đạt tới chỗ trù-liệu được đầy đủ những tư-liệu vật-chất, đó chính là một cách phương hại tới công cuộc xây dựng chủ-nghĩa Cộng-sản »

2') « Không nên hái sớm những gì chưa thật chín mùi. Nhiệm-vụ thiết-thật hiện nay là tạo ra nền tảng vật-chất và kỹ-thuật cho xã-hội Cộng-sản chủ-nghĩa ».

3') « Các nước trước đây kém mở mang về phương diện kinh-tế nhờ kinh-nghiệm

của các nước xã-hội chủ-nghĩa, nhờ sự hợp-tác và tương-trợ, có thể mau chóng theo kịp các nước khác cùng nâng cao nền kinh-tế và văn-hóa của mình, và, do đấy, có thể đạt tới một mức phát-triển kinh-tế và văn-hóa với mọi nước xã-hội chủ-nghĩa khác. »

Có một câu chúng ta thấy cần tự hỏi là tại sao vị lãnh-tụ xô-viết lại phải dùng tới một cách biện-minh vừa nặng nề, vừa dài dặc, vừa tàn-nhấn như thế về ưu thế của mình. Nếu đó là để công kích « chủ-nghĩa xét lại » thì ta có thể hiểu được, vì Nam-tư trước đây đã không chịu phục-tùng.

Song đối với thứ « Mao chủ-nghĩa » mà người ta chưa tiện gọi chính tên, liệu cách-thế ấy có cần-thiết chăng ?

Vì thật ra, trong khóa họp thứ sáu của Đảng Cộng-sản Trung-hoa tại Vũ-xương từ 28 tháng Mười một tới 19 tháng Mười hai, các nhà cầm-quyền Bắc-kinh đã chỉnh-lý mọi sự đúng theo chỉ-thị của Kơ-rút-sốp, và việc đó đã thành một sự dĩ-nhiên rồi. Câu giải đáp thắc-mắc của chúng ta không ngờ lại nằm trong bài báo của một chứng-nhân đã từng là đại-diện chính-thức của phe « chủ-nghĩa xét lại » tại Trung-hoa Cộng-sản. Đó là thiên phóng-sự đăng trong nhật-báo Nam-tư Borbo, do phóng-viên của báo ấy từ Bắc-kinh gửi về. Thiên phóng-sự phản ánh một cảm tính đặc-biệt « tây-phương », chúng tôi xin trích dịch dưới đây một vài đoạn chính :

« Anh chàng Vương-Lý, nông-dân, xã-viên của công-xã, thờ ra một cách khoan-khoái khi được biết quyết-nghị mới của Ủy-ban Trung-ương Đảng (chỉnh-lý

lại mọi sự theo chỉ-thị của Kơ-rút-sốp) Một số lớn đồng-chí trong cấp chỉ đạo bước nhảy vọt đến chủ-nghĩa Cộng-sản, từ mấy tháng nay, đã được nhắc nhở cho biết : chàng Vương-Lý, nông-dân Trung-quốc, là người chứ không phải là vật, là người có ước-vọng và nhu-cầu rất mực tầm thường. Thật quả người ta dễ quên mất điều đó. Nếu không, thì việc gì cần phải lên án, trong một bản văn, *khuynh-hướng chỉ lưu-ý tới vật mà không lưu ý tới người*, của một số đồng-chí quá sốt sắng trong bước nhảy vọt ?

Nếu không thì việc gì cơ quan tối-cao của đảng tại một tỉnh kia cần phải nhắc lại những sự thật hết sức đơn-giản là phải để nhân-dân được no cơm ấm áo và nghỉ ngơi đầy đủ.

Bây giờ người ta đã chịu qui-định quyền của anh chàng Vương-Lý là như sau đây : tám giờ ngủ, bốn giờ ăn uống và nghỉ ngơi, hai giờ học tập : thời-gian còn lại thì phải tham-gia lao-động, trừ nửa ngày nghỉ trong mỗi tuần lễ.

Vợ Vương-Lý, một vài khi, được miễn làm những công việc nặng nhọc, đi trong tuyết giá hay làm việc ban đêm... Trong các phạm điểm, mọi người phải giữ gìn vệ-sinh, rửa chén bát bằng nước nóng, không để người đau ở chung với người mạnh.

Ngoài ra trong một vài trường hợp, được phép mang thức ăn ở phạm-diểm về nhà hoặc thồi nấu tại nhà và khi được phép thồi nấu tại nhà thì cũng được đem theo nồi niêu và củi đóm. Những chỉ-thị trên không khác gì chỉ-thị ban hành trong các trại lính...»

Sau những lời bình chú chua chát trên, nhà báo Nam-tư trắc-lượng con đường

Trung-hoa đã đạt được, luận điệu có vẻ đốn-cột, trào-phúng rất mỉa mai :

« Không phải nhất đán mà thực-hiện được điều-kiện bình thường ; chắc chắn trong ba năm, Vương-lý sẽ được quyền làm việc từ mười đến mười hai giờ một ngày, và làm việc với giờ giấc đó trong nhiều năm nữa. Tuy nhiên, được như thế cũng là may cho Vương-Lý lắm. Mới đây, khi Vương-Lý rút rề phản đối nguyên-tắc « hưởng theo lao-động » không được áp-dụng đúng đắn và tỏ vẻ coi chế-độ trả lương bằng « nửa tiền mặt, nửa hiện vật » là bất-công, chàng đã bị các báo chí nổi lên phản-đối kịch-liệt và trách mắng là kẻ ích-kỷ. Song bây giờ, người ta đã công nhận chàng nói có lý. Trước hết, đó là bằng cứ chứng tỏ người ta cần phải biết đếm xỉa đến dư luận của chàng ; sau nữa đó là bằng cứ chứng tỏ nguyện-vọng hay nhu-cầu của chàng, người ta không có quyền lãng quên nó... vì chủ-nghĩa Cộng-sản, dù nguyện-vọng hay nhu-cầu đó ít ỏi đến đâu ; mà có khi chính vì nó ít ỏi, người ta lại càng không có quyền lãng quên nó nữa. »

Luận điệu của nhà quan-sát « Tí-tô chủ-nghĩa » ấy cố-nhiên không phải là luận-diệu của ông Kơ-rút-sốp. Song đó chính là kết-luận mà vị lãnh-tụ tối-cao Liên-xô đã đi tới và do miệng một thường-dân nói ra vậy. Điều đó cắt nghĩa vì đâu ông Kơ-rút-sốp đã cố ý lợi dụng Hội-nghị Cộng-sản lần thứ XXI để lập công đối với nhân-dân Trung-hoa bằng cách cho họ biết chính ông mới thật là người đã ra quyết-nghị đình chỉ những biện-pháp hà khắc của cấp lãnh-đạo Cộng-sản Trung-hoa : nếu bản dịch diễn-văn của ông được đọc trước anh chàng Vương-Lý trong suốt hai

giờ học tập, tất nhiên người dân quê Trung-hoa ấy sẽ bụng bảo dạ rằng :

« Thì ra nhu-cầu và nguyện-vọng của mình được Mạc-tư-khoa hiểu hơn là Bắc-kinh thời Mao-trạch-Đông ! » Kơ-rút-sốp chính thật đã dụng tâm muốn hái cái kết-quả này.

Hơn nữa, Vương-Lý chỉ là một người bình-dân Trung-hoa, anh thật không muốn chiến-tranh chút nào. Câu thách-thức của một người trong cấp lãnh-đạo Trung-hoa, mà nhiều người bảo là của Mao-trạch-Đông : « Tạc đạn H: ư ? Nếu chúng ta có chết đi 300 triệu người, chúng ta vẫn còn 350 triệu người mà ! » Chắc hẳn không phải là câu nói ở cửa miệng người Trung-hoa trung bình. Chúng ta nhận thấy khi bước nhảy vọt sang chủ-nghĩa cộng-sản bị chặn lại thì những lời tuyên truyền rầm-rĩ chống những kẻ « gây hấn Tây-phương » và chống « những con cọp giấy » cũng im bật nốt. Thông cáo của Ủy-ban trung-ương cũng không thấy dả động đến cuộc đánh chiếm Quế-Môn. Và, từ cổ vũ « giải-phóng Đài-loan » các đài phát-thanh chuyển sang khuyến-khích cuộc đấu-tranh hòa-bình của phe xá-hội chủ-nghĩa chống phe tư-bản chủ-nghĩa.

Do đấy việc từ-chức của Mao-Trạch-Đông không có gì là khó hiểu : « Chủ-nghĩa Kơ-rút-sốp » đã thắng « chủ-nghĩa Mao - Trạch - Đông » trong nội-bộ đảng Cộng-sản Trung-hoa, và Mao không còn giữ nổi chức vị tối cao nữa.

Tuy nhiên, có điều chúng ta cần biết là tính chất của cuộc thắng ấy thế nào ?

(còn tiếp)

HOÀNG-MINH-TUYNH

BÁCH KHOA LXVI

Phương-pháp phân-định từ-loại

• ————— NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA.

(Tiếp theo B.K. số 60, 61 và 62)

4.) Cách phân từ-loại thứ tư mà chúng tôi xin trình bày là cách ông P. J. Honey, một nhà ngữ-học Anh thông-thạo tiếng Việt, đã giới-thiệu trong một bài diễn-văn đọc tại trường Đại-học Văn-khoa Sài-gòn ngày 29 tháng 11 năm 1958. Bài « Vài nhận-xét về Văn-phạm Việt-nam » đã được đăng lại trong *Văn-hóa Á-châu*, nguyệt-san của Hội Việt-nam nghiên-cứu liên-lạc Văn-hóa Á-châu, số 10 (tháng giêng, 1959), tr. 61-68.

Tuy nội-dung bài diễn-văn trên rất có giá-trị về mặt chuyên môn, song vì người dịch (có thể chính tác-giả) không quen với thuật-ngữ của khoa ngữ-học nên có đoạn ý-tứ rất kiệt-xuất mà lời-lẽ lại hơi vụng-về, thành một số sinh-viên và những người không chuyên-môn thấy khó hiểu. Thiết-tưởng đây cũng là một dịp để trình-bày rõ hơn những điều ông Honey muốn nói với một cử-tọa người Việt.

Nhận-xét về khiếm-khuyết hay sai-lầm của những nhà Văn-phạm nghiên-cứu tiếng Việt lúc ban đầu, ông Honey đã nói một cách chính-xác rằng, cả những học-giả ngoại-quốc lẫn những học-giả Việt-nam, khi nghiên-cứu về Văn-phạm Việt-nam, đã « phiên - dịch các thí - dụ Việt - nam sang

tiếng Pháp và chữ Việt nào mà được dịch bằng một danh từ Pháp thì được gọi là danh-tự, chữ nào được dịch bằng một động-tự Pháp thì được gọi là một động-tự, và cứ như thế mãi. » (6)

Ông Honey lại nói tiếp rằng « việc trước tiên phải làm là nghiên-cứu tiếng Việt trong khuôn-khổ riêng của nó và loại tất cả các ngôn-ngữ khác khỏi công-cuộc nghiên-cứu này. » (7)

Ông Honey đã đưa ra hai điểm vô-cùng quan-trọng về cú-pháp (*syntaxe*), tiếng Việt. Ông nói :

« Phần lớn các đơn-vị âm trong tiếng Việt có thể được coi là tự-do về vị-trí, nghĩa là các đơn-vị âm này không bị giới-hạn về vị-trí ngay trước, hay sau, một hay nhiều các đơn-vị âm khác. Các đơn-vị âm bị giới-hạn thì được coi là giới-hạn về vị-trí. » (8).

(6) Honey, P. J. « Vài nhận-xét về Văn-phạm Việt-nam, » *Văn-hóa Á-châu*, 10 (tháng Giêng, 1959), tr. 62. Đáng lẽ, tác-giả phải dùng « danh-từ », « động-từ » v. v. mới đúng, vì như ông chứng-minh trong những trang sau, nhiều danh-từ, động-từ, v. v. phải viết bằng hai từ hay ba từ.

(7) *loc. cit.*

(8) Honey, *op. cit.*, tr. 62.

Điểm thứ hai mà ông Honey nhấn mạnh vẫn thuộc phạm-vi ngữ-thái và cú-pháp tiếng Việt. Ông bảo :

« Một số nhỏ các đơn-vị âm bị giới-hạn về vị-trí, và ta chỉ thấy nối liền với một số các đơn-vị âm khác. Hầu hết các đơn-vị có giới-hạn đều nối liền với một đơn-vị tự-do về vị-trí, chứ ít khi ta thấy nối liền với hai hay ba đơn-vị » (9)

Cúng ý này, nói nôm-na thì ta sẽ bảo là : phần lớn các chữ (*word, mot*) trong tiếng Việt có thể được dùng tự-do nghĩa là đứng một mình, nhưng cũng có một số chữ không bao giờ dùng một mình. (10) Còn trong lớp Ngữ-học mà chúng tôi giảng tại Trường Đại-học Văn-khoa Saigon hay trong buổi họp hàng tháng của Nhóm Ngữ-học Viện Đại-học Saigon, thì câu trên sẽ có một hình-thức nghiêm-tú như « Phần đông các ngữ-vị (tức đơn-vị ngôn-ngữ, *morphème, morpheme*) của tiếng Việt có thể dùng tự-do trong khuôn-khò một câu, song càng ngày càng nhiều ngữ-vị bắt buộc phải có một vị-trí nhất-định trong ngữ-tuyến ». (11) (Ông Honey dùng danh từ « đơn-vị âm » làm ta có thể lẫn với « đơn-vị âm-thanh » hay « âm-vị » của từng âm-hệ.) Ta lấy một thí-dụ đơn-giản là tiếng *thủy* « nước ». Ta có thấy một vài trường-hợp nó được dùng như tiếng nôm, chẳng hạn, *lính thủy, tàu thủy*. Tuy nhiên,

(9) *Ibid.*

(10) Cuốn tự-diện đầu tiên chỉ rõ điểm này là cuốn *Việt-Nam Tân-Từ-Điển* của Thanh Nghị (Saigon : Thời-Thế, 1952).

(11) dù ngữ-vị ấy hoàn-toàn Việt-Nam hay mượn của ngoại-ngữ : Cf. — *trường*, — *gia*, *bất* —, *số* — trong Việt-ngữ, *im* — và *in* —, *able* và — *ible* trong Pháp-ngữ, Anh-ngữ, v.v. Chúng tôi đã bàn tới điểm này trong *Speak Vietnamese* (Saigon : Trường Sinh-ngữ, 1957), tr. 229.

ta không thể luôn luôn dùng *thủy* thay cho *nước* được : nếu khô cò mà xin cô chiêu-dãi-viên trong một phòng trà *một cốc thủy** thì nguy lắm ! (Thế mà đã có giáo-sư « danh-tiếng » đề-nghị chỉ tiếng Việt bằng danh-từ ngữ Việt [sic], tiếng Pháp bằng danh-từ ngữ Pháp [sic], tiếng nói bằng danh-từ ngữ nói [sic], chữ viết bằng danh-từ ngữ viết [sic]).

Ông Honey phân-biệt những chữ [danh-từ chuyên-môn : tiếng] gồm có một đơn-vị tự-do về vị-trí (thí-dụ : *nhà, ăn, làm*, v. v...) và những chữ gồm có « một hệ-thống nhỏ của các đơn-vị, trong đó ít nhất thì có một đơn-vị giới-hạn. » (12) Nói khác đi, ông phân-biệt các tiếng một văn (mà ông gọi là « tiếng độc-âm » hoặc « chữ dẫn-dị » và các tiếng nhiều văn (mà ông gọi là « tiếng đa-âm » hoặc « chữ phức-tạp ».

Sau đó, ông Honey giới-thiệu một « hệ-thống mà tôi cho là có lợi nhất » là « hệ-thống gồm 12 phân-loại. » (13)

Trước hết, ông dùng bốn chứng-ngữ (thuộc bốn từ-loại khác nhau) để nhận-dạng từ-loại 1. Bốn tiếng đó là *nhieu, lắm, rất* và *hơi*, và từ-loại 1 là từ-loại của các tiếng như *hẹp, đất*, v.v... (14)

Từ-loại 2 của ông Honey cũng được biệ-n-biệt nhờ bốn chứng-ngữ (mà ông gọi là « chỉ-tự ») kia. Nó gồm các tiếng như *đọc, xem*, v.v...

Đến từ-loại 3, 4 và 5 gồm những tiếng nào không thuộc từ-loại 1 hay 2 mà đằng trước có những tiếng *các, những, mấy, nhiều, bao nhiêu*, hoặc theo liền

12) Honey, *op. cit.*, tr. 63.

13) *Ibid.*

14) Ta có thể thêm những chứng ngữ *khí, tuyết, khá*.

sau có những tiếng này, ấy, kia. Từ loại 3 có những tiếng như *nhà, ghế, trâu, v.v...* Từ-loại 4 gồm những tiếng như *cái, con v.v...* Từ loại 5 gồm những tiếng như *ngày, tháng, v.v...*

Những chữ-ngữ độ, chừng, thứ giúp việc phân-biệt từ-loại 6, gồm những tiếng như *một, hai, ba, bốn, v.v...* Còn những tiếng như *những* thì thuộc từ-loại 7, vì ta không thấy " độ những, "chừng những, "thứ những. Sau một tiếng thuộc từ-loại 6 và 7, ta thấy hoặc một tiếng thuộc loại 5 (*Ba tháng*), hoặc một tiếng thuộc loại 4 (*Ba con*), hoặc một tiếng thuộc loại 4 sau đó có một tiếng thuộc loại 3 (*Ba cái bàn*).

Loại 8 gồm mười một tiếng : *tôi, ta, tao, mình, mày, bay, người, nó, hắn, tớ, chúng*. Loại 9 gồm những tiếng đứng đầu câu : *nếu, hề, dầu, hằng*. Loại 10 gồm những tiếng đứng giữa câu : *hoặc, hay, với*. Loại 11 gồm những tiếng đứng cuối câu : *à, ơ, nhé, nhỉ*. Loại 12 gồm những tiếng có thể ở nhiều vị-trí trong câu, như *ngay, rồi, luôn, mà*.

Một học-giả ngoại-quốc, chuyên-khảo về tiếng ta, mà đi đến hệ-thống từ-loại trên, phân-minh, tỉ-mỉ, thật là ông Honey đã cống-hiến rất nhiều cho công-trình khảo-cứu tiếng Việt một cách khoa-học.

5.— Chúng tôi đã giới-thiệu bốn phương-pháp phân từ-loại trong đó một được áp-dụng cho tiếng Anh và ba được áp-dụng cho tiếng Việt. Cả bốn vị (Giáo-sư Fries, Giáo-sư Emeneau, Linh-mục Lê-Văn-Lý, và ông Honey) đều là những nhà chuyên-môn về khoa ngữ-học, được huấn-luyện một cách chính-thống về lý-thuyết của khoa đó và phương-pháp

áp-dụng lý-thuyết ấy trong việc phân-tích ngôn-ngữ. Cả bốn vị đều có uy-tín trong học-giới. Cả bốn phương-pháp — hay giải-pháp phân-tích — đều cho thấy khuynh-hướng miêu-tả, khác hẳn khuynh-hướng định-luật hay qui-chuẩn cổ-truyền, vừa khô khan, vừa làm tê-liệt cả những cố-gắng khảo-cứu. Thật vậy, nói riêng về tiếng Việt, Giáo-sư Nguyễn-khắc-Kham đã nói :

« Những cuốn văn-phạm Việt-ngữ xuất-bản từ trước tới nay chỉ chú-trọng tới văn-ngôn và chỉ dẫn ra những tỉ-dụ lựa-lọc trong các tác-phẩm văn-chương cổ-diễn. Ấu đó cũng là một di-tích của lối học tầm-chương trích-cú của thời Nho-học còn thịnh-hành, và có lẽ cũng là do ảnh-hưởng quan-niệm văn-phạm độc-đoán và duy-lý của các học-giả La-Hi và các văn-phạm-gia Pháp từ thế-kỷ 16 đến đầu thế-kỷ 19. Theo một khuynh-hướng hiện-tại rất thịnh-hành ở Âu-Mỹ, các nhà ngữ-học chú-trọng đặc-biệt tới công việc miêu-tả ngôn-ngữ hơn là cố-gắng phát-biểu những qui-tắc hành-văn. (15)

Thiết-tưởng đã đến lúc, các giáo-sư Việt-văn, Việt-ngữ trong nước và ngoài nước nên cùng nhau « cố-gắng thấu-triệt được diện-mục hồn-nhiên chất-phác của tiếng Việt hàng ngày về phương-diện cấu-thức của những lời Việt ». (16) Có thể ta mới hi-vọng đi đúng hướng trong hành-trình tìm hiểu tiếng mẹ đẻ thân-yêu.

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA

(15) Nguyễn-khắc-Kham, Tựa cuốn *Speak Vietnamese*. op. cit., tr. V-VI.

(16) Nguyễn-khắc-Kham, op. cit., tr. VI.

ÓC THẨM-MỸ VÀ CÁI ĐẸP

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

(Tiếp theo B. K. số 65)

CÙNG một dân-tộc, cái đẹp lại thay đổi tùy thời-đại, vì cuộc sinh-hoạt của con người thay đổi thì tình cảm, tư-tưởng tất thay đổi theo mà quan-niệm về cái đẹp cũng phải khác.

Hồi xưa ta chịu ảnh hưởng của Trung-hoa, óc thẩm-mỹ của ta được nhồi nặn theo quan-niệm của Trung-hoa ; ngày nay ta học theo Âu Mỹ thì ta lại chuộng cái đẹp của Âu Mỹ.

Chắc bạn nào cũng biết bài *Mùa thu đi chơi thuyền dưới trăng* của Vô-Danh-Thị mà Dương-Quảng-Hàm đã dẫn trong cuốn *Quốc văn trích diễm* ? Thơ cổ mà tả trăng được như bài đó cũng đáng gọi là hiếm :

.....
*Văng ngọc tỏ in sông vằng-vặc,
Giữa giang tâm bóng lộn mấy từng !
Trên một trăng, dưới một trăng,
Xui lòng kẻ hữu tình ngao-ngán.
Thuyền bả kim bôi phân lưỡng đoạn ?
Bán trăm thủy đề bán thiên nhai.
Văng trăng ai xẻ làm hai ?
Nửa in dưới nước, nửa cái trên không.
Nước mấy thấm-thấm một dòng.*

Tôi nhớ hồi 15, 16 tuổi, một vị giáo-sư của chúng tôi so sánh hai câu :

*Văng trăng ai xẻ làm hai ?
Nửa in dưới nước, nửa cái trên không.*

với một đoạn tả cảnh trăng mọc trên mặt biển Saint-Malo của Flaubert. Đẹp, đẹp thật, nét như vẽ, lời rất đối. Nhưng tôi chắc phần đông chúng ta ngày nay thích cái đẹp man-mác, mông lung của Huyền-Viem trong bốn câu sau này hơn :

*Trăng rơi nhẹ-nhẹ trên sông nước,
Bên chiếc đèn khuya bóng lạnh-lùng.
Gió cũng nghe chừng như nín thở,
Đổ vầng trăng lạc giữa không-trung.*

Không những vậy, cùng ở trong thời-đại chịu ảnh-hưởng của Trung-hoa mà văn thơ đời Trần có cái giọng khác hẳn đời Lê-mạt và Nguyễn : thời Trần thì thanh-thoát, cao-nhã, khoáng-đạt, còn hai thời sau thì rục-rờ, ủy-mị, oán sầu.

Tả cảnh thiên Trần-Nhân-Tông có bài :

Đề Phổ-Minh tự thủy tạ

*Huân tận thiên đầu mãn tọa hương,
Thủy ba sơ khởi bắt đa lương.
Lão dung ảnh lý tăng khai bế,
Đệ nhất thiên thanh thu tứ trường.
Đề nhà thủy tạ chùa Phổ-Minh
Nghìn hương thấp hết ngát đầy nhà,
Mặt nước hiu-hiu gió lạnh qua.
Dưới bóng cây xiêu thấp thoáng,
Tiếng ve mới cất, tứ thu xa.*

Ngô-Tất-Tố dịch

Rõ là cảnh tịch-mịch, mà lòng người cũng tịch-mịch, xa hẳn những tiếng huyền-náo và nỗi ưu-tư đặc thất của trần-gian. Giọng đó còn đâu trong các bài thơ triều Lê, Nguyễn, như bài *Cảnh đền Trấn-Vũ* của Hồ-Xuân-Hương, *Chùa Trấn-Bắc* của bà Huyện Thanh-Quan, hay *Núi Ngũ-hành* của bà Bằng-Nhân ?

Nữ-sĩ họ Hồ viết :

*Ba hồi chiêu mộ chuông gầm sóng,
Một vũng tang-thương nước lộn trời.
Bề ai nguồn trũng khôn tát cạn,
Nguồn ân trăm lượng để khơi vơi.*
thì rõ là tâm-sự của một kẻ đương ngụp lặn dưới những lượn sóng tình làm sao mà cảm được cảnh :

*Êm ái chiều hôm tới Trấn đài,
Lâng-lâng chẳng bợn chút trần ai,
Bà Huyện Thanh-Quan thanh nhã hơn,
nhưng vẫn chưa trút được nỗi buồn nhớ của người tục :*

Khách đi qua đó chạnh niềm đau.
và :
*Người xưa cảnh cũ nào đây tá ?
Khéo ngần-ngor thay lũ trọc đầu.*

Đến như bà Bằng - Nhân thì tình tuy nhẹ-nhàng hơn cả, song vẫn còn chú-trọng đến màu sắc của cảnh vật, đến tài khéo của Hóa-công, chưa được như cái giọng đời Trần :

*Núi chen sắc đá màu phơi gấm,
Chùa nước hơi hương khói lộn mây.
.
Nhìn xem phong cảnh tra lòng khách.
Khen bấy thợ Trời khéo đắp xây !*

Đọc văn-học sử Trung-quốc, ai không nhận thấy thi-sĩ đời Tống trái với thi-sĩ đời Đường, trọng sự tự-nhiên và những tư-tưởng triết-lý, nên vẽ hình-thức thì phá

niêm luật, thích dùng những tiếng thông-tục, về nội-dung thì không lãng-mạn mà siêu thoát ? Ngay trong đời Đường, thơ Sơ Đường và Văn Đường tuy điểm-lệ như nhau, mà Sơ Đường có giọng bi tráng chứ Văn Đường chỉ có tính cách ủy mị. Xin bạn so-sánh bài thơ vịnh *Đồng vương các* của Vương-Bột mà tôi trích ra đây bốn câu dưới, giọng cảm khái nhất :

*Nhàn văn đàm ảnh nhật du-du,
Vật hoán tình di kỷ độ thu ?
Các trung để tử kim hà tại ?
Hạm ngoại trường giang không tự lưu.
(Đăm chiêu mây bay, trời lừng-lơ,
Sao đời vật đổi, mấy thu rồi.
Con vua trong gác nào đâu nhỉ ?
Dòng nước ngoài hiên vẫn tự trôi).*
với bài *Xích Bích hoài cổ* của Đỗ Mục :

*Chiết kích trầm sa, thiết vị tiêu.
Tự tương ma tày nhận tiền triều.
Đông phong bất dư Chu-lang tiện,
Đồng-tước xuân thâm tòa nhị Kiều.
(Kịch gầy, cát chìm, sắt chữa tiêu.
Rửa, mài, nhận thấy dấu tiền triều.
Gió đông chẳng giúp Chu-lang thắng,
Đồng tước dài xuân khóa nhị Kiều)*
(Vô danh dịch)

Cùng là hoài-cổ mà bài trên có giọng trầm hùng của một tâm hồn cao-thượng, bài dưới rõ là giọng một người trọng thanh và sắc.

★

Tại Âu, chủ trương của phái cổ-diễn với phái lãng-mạn tương-phản hẳn nhau. Phái cổ-diễn trọng lệ-luật nghiêm-khắc, giọng trang-nhã ôn-hòa, lý-trí của họ thắng tình cảm ; phái lãng-mạn phóng túng, phá cả luật-lệ, lời sôi nổi say mê, tình cảm lấn lý trí. Để bạn dễ nhận thấy, tôi xin

trích hai đoạn thơ của Anh cũng ca tụng Tự Do, một bài của một thi-sĩ cổ-diễn Joseph Adison, một bài của một thi-sĩ lãng-mạn, Shelley :

« O Liberty, thou goddess heavenly bright,
Profuse of bliss, and pregnant with delight !
Eternal pleasure, in thy presence reign,
And smiling Plenty leads thy wanton train ;
Eased of her load, Subjection grows more
light,

And Poverty looks cheerful in thy sight,
Thou mak'st the gloomy fare of Nature gay
Giv'st beauty to the sun and pleasure to
the day »

Joseph Adison

« What are thou, Freedom ? O could slaves
Answer from their living graves
This demand, tyrants Would flee
Like a dream's dim imagery...
Thou art clothes and fire and food
For the trampled multitude.
No — in countries that are free
Such starvation cannot be
As in England now we see !... »

Shelley

Dịch nghĩa :

Ôi, Tự Do, bà là vị nữ thần rực-rỡ
như Trời,

Ban-bố hạnh-phúc và đầy những khoái
lạc !

Có mặt bà thì những vui thú bất tuyệt
thống-trị,

Và thần Phong-Phú mỉm cười dẫn đám
tùy tùng phồn thịnh của bà,

Thần Nô-Lệ cởi được gánh nặng, sống
nhẹ nhàng hơn.

Và Thần Nghèo-Khò, dưới mắt bà
có vẻ vui hơn,

Bà làm cho mặt buồn thảm của Tạo
vật hóa vui tươi,

Làm cho mặt trời hóa đẹp và mặt trời
hóa vui.

Giọng nghiêm chỉnh : Sự phong-phú,
sự nô-lệ sự nghèo đói đều được coi như
các vị thần ; nhưng tình cảm hời-hợt,
không làm ta rung động mãnh liệt như
bài dưới :

Tự-Do (1), mi là cái gì ? Ôi, nếu bọn
nô-lệ

Ở trong cái mồ mà họ đương sống, có
thể trả lời được,

Câu hỏi đó, thì các bạo chúa sẽ trốn hết,
Như một hình ảnh lối lẩn trong một
giấc mộng...

Mi là áo bận, mi là lửa sưởi, mi là
thức ăn

Cho hạng đại chúng bị giày xéo.

Không — Trong những xứ tự-do

Sự chết đói như vậy không thể có

Như ở nước Anh mà ta trông thấy ngày
nay !...

Vì quan-niệm về cái đẹp mỗi thời một
thay đổi, nên Triệu-Dực, một văn-sĩ hiện
tại của Trung-hoa mới mạnh bạo đề cao các
nhà thơ lớp mới trong bài Luận Thi :

Lý, Đỗ thi văn vạn khẩu truyền,

Chỉ kim dĩ giác bất tân tiên.

Giang san đại hữu nhân tài xuất,

Các lãnh phong tao sô bách niên.

Luận về Thơ

Vạn miệng xưa ngâm Lý, Đỗ thi,

Người nay đã thấy hết tân kỳ.

Mỗi đời lại có nhân tài hiện,

Thủ lãnh tao đàn trong một kỳ.

(1) Bọn nhận thấy : đề chỉ sự tự do, Shelley
dùng chữ Freedom nguồn gốc Anh, bình dân hơn
chữ Liberty nguồn gốc La-tinh.

Cũng một thời-đại, cái đẹp cũng thay đổi tùy từng người.

Theo Taine, nếu ta biết được một tác-giả sinh ở thời nào, tại miền nào, trong một gia-đình ra sao, được nuôi dưỡng, dạy dỗ ra sao..., thì ta có thể đoán được quan-niệm về nghệ-thuật cùng tính cách những tác-phẩm của nhà đó. Chủ-tương ấy quá máy móc : ta không thể phân tích nhân tài một cách khoa-học như phân tích chất đường, chất muối, song ta phải nhận tính tình, tư-tưởng của con người chịu ảnh-hưởng ít nhiều của gia-thế, của nền giáo-dục, của khí hậu, chỗ ở, của xã-hội...

Nguyễn-Tuân, Nguyễn-Triệu-Luật sinh-trưởng trong một nhà nho cho nên hiểu được cái đẹp của thời cò hơn Nguyễn-Hồng hay Tô-Hoài sống trong một gia-đình cần lao không có cụ học. Nguyễn-Công-Trứ quê quán ở Hà-tĩnh, nơi đời sinh tuấn kiệt, thơ có giọng trầm hùng, không ủy mị như Tuy-Lý-Vương, thi-sĩ của một hoàng thất truy lạc và của một xứ mơ mộng là xứ Huế.

Nhưng như vậy không phải là Huế chỉ có toàn những người lãng-mạn và Hà-Tĩnh toàn những đấng anh hùng. Đó chỉ là xét phần đông mà thôi.

Có bao nhiêu nghệ-sĩ thì có bấy nhiêu cá-tính, bấy nhiêu quan-niệm về nghệ-thuật. Cùng một thời ta thấy trên văn-đàn, xuất hiện những trường mà tôn chỉ trái nhau, như nhóm *Tự-Lực* với nhóm *Hàn-Thuyên* ở nước ta hồi gần đây, hoặc như năm thi phái ở đời Thanh bên Trung-quốc và cả chục thi phái hiện thời bên Pháp. Bạn cần một thí-dụ không ? Xin bạn cứ đọc *Tản-Đà vận văn* và *Xuân-Thu nhã tập* thì thấy quan-niệm về cái đẹp khác nhau đến bực nào !

Quan-niệm đó ngay ở một cá-nhân cũng biến đi tùy trình-độ học-thức và sự từng trải.

Một thi-sĩ có lần nói với tôi : « Hồi còn học năm thứ nhì ban Cao-tiêu ở Nam-Định, tôi cho văn mà như Lê-Văn-Trương thì là quán tuyệt cò kim. Cuối năm đó, nhất môn Việt-ngữ, tôi được thưởng cuốn *Vang bóng một thời*, rần đọc cho hết, và đọc xong tôi tự hỏi : « Quái, viết cái lối gì mà lôi thôi, nhạt nhẽo thế ? » Nhưng chỉ một năm sau tôi đã bắt đầu hơi chán Lê-Văn-Trương mà ham Khái-Hung, Nhất-Linh hơn. Bây giờ thì tôi ghét Tự-Lực mà thích Nguyễn-Tuân và Tô-Hoài. Sau này có thể tôi lại ghét Nguyễn và Tô mà thích những nhà nào khác. »

Ai mà chẳng vậy ? Chín, mười tuổi ta mê *Chinh Đông*, *Chinh Tây* ; lớn lên ít tuổi, thì chỉ ca-tụng Lê-Văn-Trương hoặc Phú-Đức ; tới tuổi dậy-thì lại mãi miết đọc *Hồn bướm mơ tiên*, *Gánh hàng hoa* ; và chỉ khi nào trải đời một chút mới hiểu được cái thâm-thúy của những sách mà tư-tưởng cao-siêu, nghệ-thuật tế-nhị.

Văn-chương là đời sống ghi trên giấy. Và dùng thông-minh bực nào, cũng phải sống mới hiểu được đời, mới hiểu được văn. Không lịch-lãm nhiều thì làm sao tường-tượng được những cảnh tả trong sách mà thấy nó hay ? Không đau khổ nhiều thì làm sao thấu rõ được những tình tiết tả trong truyện ?

Một thanh niên không ra khỏi Nam-Việt, dù có khiêu về văn-chương đọc hai câu :

Đá gập ghềnh nghiêng đôi bánh gỗ,

Tre làng dăm đảo biếc trong sương của Vũ-Hoàng-Chương, thì tuy nhận được cảnh vật trong thơ, song tất không

thấy lòng rung động nhẹ-nhẹ như những người đã sống ở đất Bắc, mà hể lòng chưa rung động thì chưa gọi là hiểu hết được cái hay của thơ.

Câu :

Hoa bưởi thơm rồi : đêm đã khuya
của Xuân-Diệu, về nghệ-thuật xét ra chẳng có gì là đặc-biệt cả, nhưng mỗi lần ngâm lên, tôi thấy thoang-thoảng hoa bưởi ở đâu đây mà nhớ những đêm xuân ở Bắc-Việt.

Bài *Tràng giang* của Huy-Cận, từ xưa tôi vẫn cho là hay, nhưng phải đợi tới lúc tôi nằm trong một chiếc ghe hầu, lênh-dênh trên những sông Tiền-giang và Hậu-giang, nhất là trong mùa nước dồi, mới thấm được hết cái buồn man-mác của nó. Và ngày nay, mỗi lần qua đò Mỹ-thuận hay Vàm-Cống, trông dòng sông đầy băng-băng chảy, cuốn theo từng mảnh bèo, tôi đều bất giác ngâm lên những câu :

Bèo gạt về đâu hàng nối hàng ?
Mênh-mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gọi chút nào thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng

Phải có xa đất Bắc, lang-thang chung-quanh chợ Bến-thành giữa cái biển người không quen biết một ngày gần tết nóng như thiêu ; phải nhớ những cành đào thắm, những trái cam Bồ Hạ, những tranh con mèo con chuột ở chợ Đồng-xuân, mới cảm được ý-nghĩa mỉa-mai của chữ *cũng* trong hai câu *Vịnh Tết Nam-Việt* của Nguyễn-Bính :

Dưa hấu chất cao như nóc chợ
Mà hoa sen nở cũng huy-hoàng.

Và nếu bạn sống trong một gia-đình phong-lưu, đi học rồi thi đậu, rồi lãnh những quyền cao chức trọng, rồi cưới vợ

giàu và đẹp, nhà cửa êm ấm, thì làm sao bạn thấu được hết nỗi chua xót trong những câu bình-dị dưới đây, những câu mà tôi cho là hay nhất của Nguyễn-Du :

Phận bèo bao quản nước sa,
Lênh-dênh đâu nữa cũng là lênh-dênh,
Song sa và vô phương trời,
Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn hoàng.
Tẻ vui cũng một kiếp người,
Hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru !
Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Đến phong-trần, cũng phong-trần như ai !

nhất là câu :

Biết thân đến bước lạc loài,
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung !
Cái hay trong những câu đó cảm được mà không giảng được, vì càng giảng, càng phân-tích, nó càng mất thẩm-thía. Phải cho nó đi thẳng vào tim ta, muốn vậy tim ta phải có thể hòa được với tim của tác-giả, nghĩa là phải trải qua ít nhiều cái tâm-sự của tác-giả.

Âu-Dương Tu đề bài tựa tập thơ của Mai-Thánh-Du có câu :

« Càng khốn cùng thì thơ càng hay. Không phải thơ làm cho người ta khốn cùng, mà người ta có khốn cùng rồi thơ mới hay ».

Trần-Bích-Lan cũng nói :
Vấn phi sơn thủy vô kỳ khí,
Nhân bất phong sương vị lão tài.

Nghệ-sĩ có từng trải thì văn mới già. Mà độc-giả thì cũng vậy, có từng trải mới hiểu được văn. Cho nên quan-niệm về cái đẹp thay đổi tùy tuổi tác, đời sống của ta.



Nhất là sau một biến cố quan-trọng, tâm-trạng ta thường biến chuyển mạnh mẽ và quan-niệm về cái đẹp cũng chuyển theo. Tôi không so-sánh văn thời gần đây với văn thời tiền chiến của những cây bút lớp trước, vì nhiều bạn có thể ngờ rằng sự thay đổi của họ là do bó buộc ; tôi xin kể trường hợp của André Gide mà đức thành thực đã được mọi người công nhận. Trước đại chiến vừa rồi ông đã khởi sự lựa những bài thơ hay của Pháp thành một tập trích điển để cho nhà Gallimard xuất-bản. Công việc đó phải ngưng trong một thời gian và năm 1947, khi tiếp tục lại, ông viết thêm một đoạn trong bài tựa để phủ nhận quan-niệm về thơ của ông mấy năm trước. Victor Hugo mà xưa ông rất ca tụng thì bây giờ ông cho là nhạt nhẽo, là giả tạo, là quá dễ-dàng. Rồi ông giận Victor Hugo, giận với chính thân ông, vì không tìm lẽ gì để bênh vực Victor Hugo nữa : « Có thể như vậy được không ? Vậy thì ra thi-sĩ vĩ đại đó sắp thành ra *không đáng kể* nữa và lún xuống trong sự quên lãng dưới tất cả sức mạnh khủng-khiếp của mình ư ? » Ông đồ cho chiến-tranh đã thay đổi hết cả : « ... mới thoát khỏi được tai biến, chúng ta nhìn thì thấy trên mặt đất xáo trộn những hoang tàn hoặc đồ vỡ, và trên đầu chúng ta những nền trời mới : những chòm sao hôm qua đã biến mất ». Và cuối cùng ông than thở rằng tập thi tuyển của ông hoàn-toàn chỉ là để đánh dấu quan-niệm của một thế-hệ đang mất đi. Tôi chắc nhiều cây bút hiện thời ở nước ta cũng có một tâm-sự nào-nuột như vậy.



Óc thâm-mỹ — tôi biết rằng chữ óc đó dùng sai — là một tình-cảm như tôi đã nói ; hơn nữa, nó còn là một say-mê, mà

đã là say-mê thì thường là thiên-lệch, vô đoán, cố-chấp, ghen tị, tuy nhiệt-liệt nhưng dễ tắt, nếu không được lý trí bồi dưỡng.

Ghét lối văn nào thì người ta dìm nó xuống đất đen mà yêu lối văn nào thì người ta đưa nó lên mây xanh. Bạn chẳng thấy đó ư ? Đã có một người khen một thiên-tài nọ là « gấp ngàn lần Nguyễn-Du », khen thơ Hàn-Mạc-Tử là « hay nhất cổ kim đông tây » ; lại có người chê một kịch nọ « về nội-dung là một số không về hình-thức cũng là số không, cộng hai số không vẫn thành số không », chê một kịch khác « không phải là kịch », « cũng không ra thơ, không được là về » tư-tưởng thì thấp kém với một luận-diệu triết-lý rẻ tiền, mà « sao lại có người thừa giấy mực mà cho xuất-bản. »

Nhất là khi những văn phải tô màu sắc chính-trị thì ôi thôi ! đề hạ đối phương — người ta tưởng vậy, chứ có ai hạ được ai đâu — người ta chối bỏ cả những tác-phẩm, những tư-tưởng mấy năm trước của người ta, và óc thâm-mỹ của người ta quay tít như chong-chóng,

Người ta mĩa-mại nhau như Phạm-Quỳnh và Ngô-Đức-Kế trên hai tờ *Nam-Phong* và *Hữu-Thanh* về Truyện-Kiều, người ta lăng mạ nhau như trong cuộc bút chiến. Nghệ-thuật vị nghệ-thuật và nghệ-thuật vị nhân-sinh trước chiến-tranh vừa rồi Lăng mạ người rồi người ta lại lăng mạ chính mình, tự mắng mình hồi trước đã lạc hậu.

Chúng ta đã biết óc thâm-mỹ là một tình-cảm rất thay đổi nên không lấy những chuyện đó làm lạ.



Tuy nhiên trong óc thẩm-mỹ đúng-dẫn cũng có một phần lý-trí và mặc dầu quan-niệm về cái đẹp thay đổi tùy nhiều yếu-tố như vậy, nó vẫn có ít nhiều điểm nào bất biến, nghĩa là được phần đông những người sành văn mọi thời công nhận, cho nên La Bruyère mới nói : « Có óc thẩm-mỹ đúng mà cũng có óc thẩm-mỹ sai ».

Ông cho rằng « trong nghệ-thuật cũng như trong vũ-trụ, có một điểm hoàn-hảo ». Trái cây thành hình, lớn rồi chín ; khi nó chín rụng là nó đạt được cái điểm hoàn-hảo của nó. Một tác-phẩm cũng thành hình trong đầu óc tác-giả, rồi được chép lên giấy, sửa chữa tới khi lời văn diễn được đúng ý muốn diễn, là nó chín, tới cái điểm hoàn-hảo, nếu ý đó cao và đẹp. Tới điểm đó thì không lời nào dư, không một tiếng nào thiếu, mỗi hình ảnh có một công dụng, mỗi chi-tiết có một giá-trị ; văn không tiêu xáo mà cũng không vụng về, nội-dung và hình-thức xứng với nhau. Theo thuyết đó thì *Nhị độ mai*, *Lục Vân Tiên* là những tác-phẩm còn xanh, mà *Kiều*, *Chinh phụ ngâm* là những tác-phẩm đã mùi. Người nào phân biệt được cái độ « chín mùi » trong văn-chương là có óc thẩm-mỹ đúng, trái lại là có óc thẩm-mỹ sai. Quan-niệm đó không có gì mới mẻ — hơn ngàn năm trước La Bruyère, Mạnh-Tử đã khuyên « đừng đề văn hại lời, đừng đề lời hại chí » — nhưng chính vì nó được nhiều thời nhận, nên nó có giá-trị. Ta có thể chê nó là hơi mơ hồ, song cái đẹp đã có muôn hình ngàn sắc, cả những hình sắc tương phản nhau nữa thì cũng khó kiếm được qui-tắc nào vừa gọn vừa bao trùm được đủ hơn.



Ở trên tôi đã nói ít người có óc thẩm-mỹ luôn luôn đúng và cả những nhà phê-bình đại tài cũng thường lầm-lẫn. Bản chất

của con người là không được hoàn-toàn, ấy là chưa kể lòng thương ghét của người ta thường làm sai lạc óc nhận xét. Cho nên Boileau đã không hiểu tài La Fontaine, mà Sainte-Beuve bắt công cả với Victor Hugo, mới đầu rất mến và khen, sau vì ghen ghét mà mặt-sát.

Nhưng đối với người khuất, ta thường dễ vô-tư hơn, và những thể-hệ sau xét các thể-hệ trước thường xác-đáng. Vì vậy có người bảo thời-gian là viên phán quan công-minh nhất. Nó lựa chọn rất kỹ, óc thẩm-mỹ của nó đúng dẫn, sự xét đoán của nó chắc-chắn, nó chỉ giữ lại những nghệ-phẩm có chân giá-trị.

Kịch *Le Cid* khi mới diễn bị công-kích dữ-dội, nhưng đã được thời-gian nhận là danh-tác, thì quan-niệm về cái đẹp mặc dầu đã chuyển về cò-diễn qua lãng-mạn, rồi hiện thực, siêu thực, rồi gì gì nữa, nó vẫn được dạy trong các lớp học và diễn trên sân khấu. Lý-Bạch mà hồi gần đây một đảng phái ở Trung-hoa muốn phá bẻ để hạ xuống, vẫn được khắp thế-giới nhận là một thiên-tài bậc nhất ; còn địa-vị thi hào Nguyễn-Du, sau cuộc bút chiến giữa Hữu-Thanh và Nam-Phong, cứ mỗi ngày mỗi tăng chứ không hề giảm.

Trái lại, những tác-phẩm chỉ chiều thị hiếu nhất thời của độc-giả, chỉ tuyên-truyền cho một chủ-nghĩa thiên lệch thì tuy được hoan-ngheh ồn-ào trong ít lâu rồi sớm muộn cũng bị thời-gian gạt bỏ. Cho nên muốn hiểu cái đẹp và luyện óc thẩm-mỹ không gì bằng đọc nhiều những tác-phẩm bất hủ của mọi thời-dại và mọi xứ. Biết bao công-phu ! Cũng may, trong sự tìm hiểu đó, càng tiến sâu ta càng thấy vui, không bao giờ biết chán.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

VĂN-ĐỀ TIỀN-BỘ

ĐOÀN-THÊM

MỘT điều vẫn khiến Chung thắc-mắc, là sự mâu-thuẫn giữa nhu-cầu tiến-bộ mà hình như ai cũng mong muốn, và thói quen an-phận thủ thường được truyền-thụ lâu đời trong nhiều gia-dình Việt-nam.

Ngày Tết, bà con chúng bạn vẫn chúc nhau : tăng phúc, tăng thọ, thăng chức, phát đạt bằng năm bằng mười năm trước...

Nhưng ngày thường, các bậc tôn-trưởng lại dạy : yêu là tốt rồi, đủ ăn thì thôi, hà-tất day tay mắt miệng. Các cụ tấm tắc khen ngợi một anh họ của Chung sống an nhàn lạng lế : ấy, hẳn chí thú !

Chúc tụng như thế kia, khuyên bảo như thế này, biết đằng nào là phải ? Sáo-ngữ xã-giao, hay ước nguyện tiến-bộ ? Muốn thanh cao hay thiếu nghị-lực ? Nhưng có nhiều lúc, lại nghe nói : phải đốc chí, lực-hành v. v... Không lẽ người trên sai lầm hoặc Chung ngu tối quá ? Song nếu đặt ra câu hỏi, thì chưa thể trả lời dứt khoát,

Suy nghĩ lần quẩn không bằng quan sát cuộc đời những người chung quanh để rút kinh-nghiệm.

Bác Ngừ và chú Quì, ngoài 50 tuổi, đã cùng học, cùng xuất thân công-chức ngạch trung ; với một trình-độ trí-thức, một địa-vị tương-dương, cùng một hoàn-cảnh gia-dình xã-hội bán cò bán kim thời ngoại-thuộc, hai anh em ruột trên đường sinh-hoạt đã rẽ dần đôi ngã khác nhau.

Điềm-dạm, ung-dung, bác Ngừ ăn mặc thế nào xong thì thôi, không cạnh tranh với ai, chẳng tha thiết với sự gì hết. Ở trường học, ở nhà hay ở công-sở, lời phê của bạn, của thầy, hay của cấp trên, chỉ hơn mức trung-bình đôi chút, nhưng bác thỏa mãn trong sự lạng nhàng và chẳng mong mỗi sự khen thưởng hoặc hơn người, không đòi hỏi nhiều ở kẻ khác, ở chính mình hoặc ở cuộc đời. Kiếm được bao nhiêu lương, bác tự túc với bấy nhiêu ; cho bác thăng bậc nào hoặc cất cử vào chức vụ gì, bác cũng thản-nhiên nhận lãnh ; nhưng chỉ làm việc vừa đủ để không có lỗi, còn dư thời-giờ thì đi chơi lạng-quăng, ngủ, bảo con học, song dù chúng trẻ nài cũng chỉ giống giả qua loa chứ không cương-quyết thúc đầy. Người độc-nhất ngò ý phản-nàn về bác, là bác gái : « Bác anh lành quá !... » nghe giọng nói, thì câu đó có nghĩa bóng là không anh-hùng, còn tài giỏi, may ra chỉ có chú Quì mà thôi.

Chú Quì ra làm việc sau bác Ngừ hai năm, cũng là thư-ký tòa Sứ, thế mà năm 1937 đã nhiễm-nhiên là một tham tá ngạch Tây, lương gấp đôi của anh ; từ 1944, chú lại đổi sang nghề thầu khoán, làm với Nhật. Mặc dầu loạn-lạc, trong khi bác Ngừ cũng như bao người khác bị phá sản, chú vẫn thừa tiền, di cư vô Nam, chú có nhà lầu ở Sài Gòn, Đalat, xe hơi thay mỗi năm một chiếc, người hầu hạ ít ra ba bốn, chó berger cũng một hai đôi. Các con chú, du học một ở Pháp, một ở Mỹ, những đứa nhỏ ở nhà tới trường bằng xe 403 hay Mercédès, còn con bác Ngừ thì đứa lớn đậu tú-tài xong phải xoay ra dạy học tư kiếm tiền giúp cha mẹ nuôi đàn em nhỏ ; những đứa này dĩ-nhiên leo đèo cuộc bộ đi học, hoặc có chiếc xe đạp cũ là cùng. Trách nào bác gái chẳng tủi thân, thương con, nên đã có lúc bác thốt ra một vài câu oán chổng không chịu xoay sở. Nhưng bác giai bảo :

— Anh em mỗi người một phận, đó là lẽ thường, đã chắc ai sướng ai khổ, đây nấp vấp thiên rồi mới rõ. Mình nghèo nhưng chưa đói rách, yên lành thì thôi. Xoay sở như Quì phải tính toán vỡ đầu, lắm khi lo âu mất ăn mất ngủ, chạy ngược chạy xuôi, theo đuổi việc, van ông này, nhờ ông khác, mua chuộc thù ứng hết Tây đến Nhật... đề dựa thế xin việc kiếm lời. Năm 1950, nó xoay nời cái giấy nhập cảng dụng-cụ, mất bốn năm van mà vẫn bị mắc lừa ; về vụ thầu giấy cho nhà binh Pháp, đã phải nhờ cả bọn gái giang-hồ lo liệu giúp. Mà ngay đến việc lên Tham-Tá, có phải vì chịu học mà thi đậu ? Cày cục nhờ M. B. đỡ đầu, được lên ngạch trên, lại thông lưng với Tây mà ăn tiền, tậu nhà, tậu ruộng. Đến lúc thời-thế sắp đổi thay, e bị

sa thải kiếm có từ chức đi thầu, a tòng với những tay anh chị trong các đoàn-thề « cứu-quốc » ; tới 1946 lại bắt liên lạc với Tây trong thành Cửa-Đông, dựa vào chúng mà cạnh tranh bất-chính cướp mỗi hàng của nhà thầu khác. Ấy là chưa kể đầu cơ, tích trữ, « thò phỉ », chuyển ngân lậu, buôn đồng phát-lãng, bán lại giấy phép xuất-cảng... Quí báu gì ?...



Song một hôm có dịp gởi chuyện làm ăn, Chung được chú Quì cho nghe tiếng chuông khác, chú phá lên cười mà cho biết :

— Ai muốn sống thế nào, cứ việc ! Nhưng theo chú, tại sao ta không nghĩ đến tiền thân, vì sống là tiến về mọi mặt, tập dượt cho thân-thể nở nang, mở mang cơ-nghiệp, tận dụng năng-lực cho cuộc đời mỗi ngày tươi sáng hơn ? Nếu không, thân ta sẽ mòn mỏi, phương-tiện nuôi sống ta mỗi ngày một kém vì con cái nhiều và lớn lên, trí óc ta không hoạt-động sẽ lu mờ đi, nghĩa là cái gì ở ta cũng sẽ tiêu hao để đi tới cõi chết. Chú muốn sống mạnh : mục đích đó đòi hỏi nhiều phương-tiện, nhất là tiền bạc. Mình có học, tại sao chịu thua kém ? Ông Cai M. xuất thân nghèo túng, rồi thành đại-phú vì chịu khó kinh-doanh, ai cũng tấm tắc khen, cả bác Ngừ nữa. Nhưng vì sao chỉ phục mà không dám theo gương hoạt-động ? Nhiều người nói rằng thích an-nhàn, thực ra là lười biếng. Nước muốn tiến, phải có nhiều hạng như Mac Pu Su hay Rockefeller, Mitsubishi. Chú và bác Ngừ như hai người cùng sức, bắt đầu đi từ một chỗ, nếu muốn, bác Ngừ tất đã như chú hoặc hơn nữa ; tại sao lại khoanh tay chịu một mực sống quá kém Âu Mỹ, khi mình có thể vượt lên ? Chắc

chấn là bác Ngũ cũng muốn ăn ngon mặc đẹp và cho vợ con sung sướng hơn, vì chính ông Không-Tử cũng còn nhận rằng ai chẳng ưa phú quý, và ông Mạnh-Tử cũng đã từng lên xe xuống ngựa. Có tiền về vật-chất, thì mới dễ tiến về tinh-thần. Nếu chú không cố-gắng, thì liệu các con chú có sang Pháp sang Mỹ học được không ? Chúng sẽ hơn chú, chú đã giúp cho chúng khá giả hơn, có khác nào chính mình chú tiến ? Muốn thế, phải tìm đường mưu lợi, tính toán, nhận xét mọi sự khó khăn để chống chọi ; dù thành hay bại, chú cũng thấy trí não cởi mở hơn, trong lúc kinh-doanh, dù thua lỗ cũng khôn hơn, và không tiếc đã đem thân cho cuộc đời thử thách. Nếu nhiều người chịu hoạt-động như chú, các nghề ở nước mình sẽ tiến. Trái lại, bởi mình cứ thúc thủ cầu nhàn, nên người Tàu đã hơn thế-kỷ nay giành hết mối lợi. Bác Ngũ tự hào rằng mình sống theo nề nếp thanh-bạch của nho-gia ; nhưng chính con cháu các danh-nho Trung-quốc mà bác kính phục, đã sống khác hẳn bác, và khi bác nhắc đi nhắc lại lời ông Mạnh-Tử : « ... hà tất viết lợi ? » thì các Hoa-khieu chỉ muốn và đã được nhất bản vạn lợi.



Bác Ngũ muốn sống yên, chú Quì ưa sống mạnh : ai hay ai dở ? Căn-cứ vào tiêu-chuẩn gì mà xét một cách khách-quan ? Trả lời được câu hỏi đó, tức là giải-quyết phần lớn vấn-đề xuất xứ cho Chung vậy.

Nếu đứng trong lãnh-vực luân-lý, về phương-diện tiêu-cực, nghĩa là chỉ cần tránh mọi điều xấu xa hoen-ố tâm-thần, Chung phải nhận rằng bác Ngũ đã sống

hợp ý-nguyện thanh-cao : rất đáng quý nếu bác độc-thân. Song, bác lo giữ trong sạch cho một mình bác, mà không chịu thương vợ con một cách tích-cực, không cố-gắng giúp cho người thân đầy đủ sung sướng, ấy là chưa kể đến sự góp phần nhiều hơn vào công-cuộc cải-tiến xã-hội : thanh-khiết thì có, nhưng tinh-thần trách-nhiệm thì đâu ?

Chú Quì đã nhận thấy tánh-cách vị-kỷ của sự thụ-động ở một phần-tử có năng-lực, ở một người có bòn-phận đối với gia-đình, nên muốn tránh tình-trạng bác Ngũ, chú đã nỗ-lực tranh-đấu. Song chú quá thiên về vật-chất, không nề hà trước bất cứ phương-tiện gì để thực-hiện mục-đích giàu sang, nên không khỏi làm tổn-thương phẩm-cách.

Bác Ngũ đã vin vào đó để bào chữa cho sự thoái-chí : theo bác, thà ngồi yên chịu kém còn hơn ; tệ nữa, bác yên trí rằng kinh-doanh thì vụ lợi, bôn xu, nên cũng như tiên-nho thời trước, bác khinh rẻ sự phấn đấu để nâng cao trình-độ sinh-hoạt : có chi lạ, nếu chúng ta chậm tiến về mặt kinh-tế xã-hội ?

Chú Quì đã quan-niệm sai đường lối tiến phát. Muốn thành công, dĩ-nhiên phải khéo léo, song cũng có nhiều người mềm dẻo tránh được sự va chạm đồ vỡ mà không phải lừa dối gian lận. Kề thì cũng khó, nên cách xử thế đã được nghiên cứu để thành nghệ-thuật hay khoa-học (l'art de réussir, public relation v. v...) BẠN chú là ông Thu, ngay dưới thời Pháp thuộc chỉ cố học mà thành đạt, chẳng phải vào luồn ra cúi ; ông Trùng chịu quan sát, rút kinh-nghiệm, nẩy ra sáng kiến, cải tổ được nhà in, tiệm sách lớn, và hăng xuất nhập

cảng, làm việc theo phương-pháp Âu Mỹ, có qui-củ, khéo dùng người, hoạt động hợp-pháp mà vẫn tăng huê-lợi, khuếch trương được mặc dầu gặp nhiều sự khó khăn: thợ đòi công cao, thiếu nhân-viên chuyên-môn, thề-thức ngoại-thương phức tạp; như vậy mới là tiến, cả cá-nhân lẫn doanh-nghiệp; ông Trùng sử dụng năng-lực của mình, chớ không trông cậy vào những sự trợ đỡ mà chú Quì đã cố tìm kiếm mua chuộc. Lợi-khí tranh đấu phi pháp phi nghĩa của chú, đã giảm giá-trị của mục-dịch đứng tiến.

Dù sao, Chung cũng muốn công bằng đối với chú, và nhận chân một điều rất đáng quý, vì chưa thấy ở nhiều người như bác Ngử, ở những bà con được sao hay vậy: *ý-chí tiến-thủ*.



Ai không đồng ý với Chung về điểm đó? Song làm thế nào nuôi dưỡng được ý-chí kia? Những trở-lực gì đã không cho phép nó phát huy thành động-lực tiến bộ, ở những người quen và ở chính mình Chung?

Thiếu sức khỏe — Bác Ngử từ tốn, ưa tĩnh, thích nằm dài, tuy không bệnh tật, vẫn hay yếu vặt: chắc vì thế bác không ăn nhiều, nói nhiều, hoa chân múa tay, không vui sống như chú Quì mà máu huyết dồi dào đòi hỏi nhiều cách thỏa mãn. Nhu-cầu của chú, cũng như của đa-số người phương Tây, đã thúc đẩy tìm kiếm hay chế tạo nhiều dụng-cụ cần-thiết cho sự ăn, mặc, ở, chơi, và những đồ vật trang hoàng tô điểm cho hoàn-cảnh tươi sáng hơn. Nói một cách khác, chú và họ muốn tiện-lợi hơn, mới lạ hơn, thỏa thích hơn; do đó mỹ-thuật, kỹ-thuật, các ngành doanh-nghiệp mới

để phát-triển đề biến đổi mau lẹ cuộc đời. Còn nếu muốn bắt chước con chim tiêu-liêu hay con yền-thử của Trang-Tử, một cánh đủ làm tồ, một hóp nước đủ no bụng, thì làm sao có những kỳ-công kiến-trúc, những sáng-chế khoa-học... và tất cả văn-minh xưa và nay? Dù sao chẳng nữa, muốn hay không muốn, chúng ta không thể viện lý-thuyết gì để cự tuyệt thời-dại mà ngược dòng trở lại theo nếp sống quá đơn sơ.

Thiếu cố-gắng. — Sự thực, bác Ngử có nước đá dùng khi oi bức, hoặc xe hơi đi lúc vội vàng, cũng thấy dễ chịu, duy bác không nghĩ đến cách mua được xe hay máy ướp lạnh, vì bác ngại phải cố kiếm nhiều tiền. Lắm người còn kém bác, nghĩa là thêm muốn hơn, nhưng cũng sợ kinh-doanh. Chẳng cần nói đến khí-cụ tối-tân; ai không thích ăn trái tươi? Song dù thừa mảnh đất quanh nhà hay có cả vườn rộng, cũng thường bỏ mặc cho cỏ, gạch vụn và dế mèn, chẳng buồn trồng mấy gốc nhãn soài cam bưởi, đến nỗi Khâm-sứ Graf-feuil ngày xưa đã phải dự định cưỡng-bách mỗi nhà trồng ít nhất một cây. Làng ở ngay bờ sông, mà hát trống quân thì được, kéo vó lấy cá chép về rán cho cả gia-đình ăn, thì chẳng mấy khi. Trái lại, người Âu-Mỹ hàng ngày làm việc quần quật, dù là tiểu nông hay là triệu-phú điều-khiển ngân-hàng, mới gây nổi cơ-nghiệp và đạt tới trình-độ sinh-hoạt cao vọt hiện nay.

Thiếu tự-tin. — Tay có làm thì hàm mới nhai, đòi bát mồ hôi lấy bát cơm, « tu mangeras ton pain à la sueur de ton front », cả tục-ngữ phong-dao Việt-Nam và thánh-kinh đều dạy như vậy.

Người Âu-Mỹ tuân theo, trông cậy vào khả-năng của họ, tin tưởng càng vững chắc khi đứng trước những kết quả tốt đẹp

không thể phủ-nhận, mà họ đã thâu lượm và tích lũy bao đời trong công cuộc cải-tiến nhân-sinh.

Trái lại, bác Ngự và nhiều người như bác, bị lôi cuốn đề ngả về lý số; bác bảo nên an bản, thuận mệnh, phú quý thọ yểu nhiều ít đều do tiền-định cả, được đâu hay đó, số nghèo thì làm gì cũng chẳng giàu sang, sức mình chẳng thể nào thắng được số, còn nếu số tốt thì rồi sẽ được phong-lưu, vận nước cũng vậy: đến ngày khá thì sẽ thịnh-vượng...

Bạn bác là ông Thứ không chịu, thấy cần hoạt-dộng, nhưng lại trông vào người khác; khi giảng bài cho học trò, ông đã khuyên: thể-hệ các anh phải nỗ-lực để đảm-nhiệm việc lớn... Có trò hỏi: thưa thầy, còn thể-hệ trước thì sao? Thầy liền nhắc lại câu thơ của cụ Yên-Đồ: « túi vũ-trụ mặc đàn em gánh vác » Trò nọ lại hỏi: nhưng ngộ lỡ đàn em cũng lại bảo lớp người sau như vậy, thì ra sao? Thầy đáp: cũng còn tùy cơ-hội. Tóm lại, cuộc đời cá-nhân hay dân-tộc, tùy ở số mệnh, tùy thời-cuộc, tùy hậu sinh? và cứ như thế, thì chắc-chắn hậu-sinh sẽ noi gương người trước mà ngồi trông nhau hoặc bảo: kìa, làm trước đi!

Lại còn trường-hợp nữa, sự thiếu tự-tín hiện ra dưới hình-thức khác. Chung đã khuyên Xuân kiếm thêm một hoạt-dộng gì ngoài công việc hàng ngày, để đời sống dồi-dào tốt đẹp hơn. Chơi đàn? Xuân cười: đâu có tài Chopin hay Mozart? Học vẽ? Ôi thôi, kíp thể nào được các ông danh họa, khi đi học ở trung-học, vẽ còn nhem-nhuốc... Xuân dành tập đánh billard, vì coi là một trò chơi dễ hơn nghệ-thuật; Xuân không ngờ rằng

sau bốn tháng, mười lần đầy bi, Xuân trúng huyết đến 8, 9: thì ra Xuân cũng có biệt-tài. Biết đâu không còn khả-năng tiềm-tàng khác? mình chịu trước khi thử, chính vì chẳng biết mình đầy thôi. Nên Xuân lại tập cả vẽ: mới độ trong vòng hai năm, tranh của Xuân đã được các bạn họa-sĩ đòi đưa ra trưng bày. Chung kết-luận: ai cũng có thể thừa sức tiến về một phương-diện gì, nếu tin ở mình, và cố dò xem có những năng-khiếu gì chưa được khám phá để xử-dụng: nhưng phải thử, nghĩa là phải hoạt-dộng.

Thiếu khí phách.— Bị đè nén lâu năm dưới chế-độ ngoại-thuộc, hoặc ủy-mị vì lây thói đàng điếm lãng-mạn, bị trục-lợi và ngăn cản không đủ phương-tiện phát-triển về tinh-thần hay kinh-tế, con người chúng ta lâu năm quen sống trong tự-ti mặc-cảm, đôi khi lại tự an ủi bằng những lý-thuyết thủ-phận và thái-độ khiêm nhường hoặc yếm thế. Nguyên-vọng thường thường, là đủ ăn, có ít vốn dành ra để đỡ lo về tương-lai, mấy ngôi nhà, vài ba chục mẫu ruộng, nuôi nấng được đàn con ăn học đề rồi nối nghiệp tiểu-tư-sản, ở vài trường-hợp, ta đã tự dối nhau cho đỡ tủi phận truy tùy bằng những hình-thức vinh hiển mua với giá đắt... Ngoài một thiểu số dám tranh đấu chánh-trị, những người đã tỏ ra rõ rệt có gan dạ sống mạnh, ngành đi ngành lại, bắt quá Bạch-Thái-Bưởi! Trong một hoàn-cảnh như vậy, làm sao có thể nảy ra những đại thương-gia, đại kỹ-ngệ, đại thông thái, đại văn-hào?

Những hạng người kể trên, từ nay trở đi sẽ xuất hiện, Trung tha thiết mong rằng nhiều, nhất là trong thể-hệ thanh-niên mới lớn, chưa bị đau khổ vùi dập trong cảnh ngoại-thuộc, thì dân-tộc mới có thể mau

chóng cường thịnh ; còn những người trạc tuổi bác Ngũ, ít ra cần đổi quan-niệm nhân-sinh để hướng dẫn nâng đỡ cho các lớp người trẻ khỏi lạc vào vết đường cũ, giúp cho họ mọi sự dễ dàng để chóng nảy nở toàn-năng.

Chúng ta có thể lắm, vì Nhật-Bản đã có thể, tuy khi mới bước vào giai-đoạn duy-tân, họ cũng chẳng hơn gì ta về mọi phương-diện trí-thức, năng khiếu, và cũng ở trong một hoàn-cảnh đầy rẫy sự khó khăn : ngoại bang đe dọa, phong-kiến chưa tiết hân, quân-đội mới bắt đầu tổ-chức, kinh-tế chưa mở mang, xã-hội còn ở trình-độ bán khai... (1). Nhưng trong vòng 30 năm, Nhật đã hơn hết các nước Á Đông, và sau Đại-Chiến Thứ I, đã lên bậc đại cường-quốc : bí-quyết của họ chỉ là chí lớn của giới trí-thức và thanh-niên : tạo nên một quốc-gia hùng mạnh, và từ học sinh, thương-gia, tiểu-công đến quân-nhân chánh khách v.v... đều tùy theo phạm-vi mà cố tiến đến tột bậc.

Tại sao ta chịu kém ? Họ khơi nguồn nghị-lực trong máu huyết giống dòng Phù-tang mà họ tự-hào, thì ta kêu lại lửa thiêng chưa tắt từ khi « trời mở viêm-bang » ? Họ bảo nhau phải bình đẳng, đồng-đẳng với Âu Mỹ thì mới tồn tại được, ta cần nhớ hàng ngày : nếu không tiến mau và sớm mạnh, thì tự-do, độc-lập và hạnh-phúc gia-đình sẽ có thể bị tiêu-diệt, mà ai cũng rõ rằng tai họa đe dọa chúng ta lớn hơn cả nạn ngoại-xâm của

quân Nguyên quân Minh, Thoát-Hoan hay Trương-Phụ.

Nhưng mà « tam-quân khả đoạt sủy dã, sắt-phu bất khả đoạt chí dã » (1) : chí đó phải nung đúc lại, và chỉ cần có thể, vì nó vẫn tiềm tàng trong tâm huyết, đã bị ru ngủ chớ nào có tiêu tan ? Chí đó sẽ đưa ta từ chỗ nghèo yếu đến chỗ giàu mạnh, từ địa-vị lệ-thuộc bất-lực vô-quyền lên bậc hữu-trách chỉ huy ở mọi lãnh-vực kinh-tế, xã-hội, chánh-trị...

Ông Tú-Xương than rằng : « Vô có giới dã ra giúp nước, khổ đồ khổ xanh ». Các bạn Chung trong quân đội, phải ôm mộng đại-tướng, và lập kỳ-công giúp nước như Trần-Hưng-Đạo, Phạm-Đình-Trọng hay Lê-Văn-Duyệt. Hy-lạp cũng nhỏ và nghèo như Việt-nam : ta cũng sẽ có những Narcos hay Onassis với hàng trăm chiếc đại hải-thuyền. Mỗi cấp hành-chánh không lẽ chỉ mong thắng ngoại-hạng trong ngạch rồi về hưu : chúng ta lại sẽ có những Tô-Hiến-Thành, Đào-Duy-Từ, Colbert hay Cavour. Mạc-Đĩnh-Chi đã làm cho cả nước Tàu báỉ phục, thì tại hàng trăm các hội-nghị quốc-tế mà ta được mời tham-dự, ta sẽ phải có những chuyên-viên bác-học và chánh-khách nêu cao uy-danh dân-tộc.

Sống ở làng, chỉ cần tư-cách tông-lý, sống ở nước, đã mong có bề thế công hầu « quốc công hầu, dân tông-lý », huống chi sống bình-đẳng với hàng trăm quốc-gia, tất phải làm thế nào cho tài-đức xứng với địa-vị, và tâm-thần phải cố mở rộng, hoạt-động phải mạnh mẽ, quốc-thê càng lớn, trách-nhiệm công-dân càng nặng : giá thử

(1) Hugh Barton — Japan's Modern Century
G B Sansom — Japan, a short cultural history
E. H. Norman — Japan's emergence as a modern State
Chitoshi Yanaga — Japanese People and Politics.

(1) Có thể bắt được tướng trong đám ba quân, nhưng không thể đoạt được chí của kẻ sắt phu (Khổng-Tử).

có muốn, cũng không có thể thấp bé nhưn nhường mãi. Chúng ta phải có *tự-lôn mặc-cảm* mà thời cuộc đòi hỏi, đề cùng góp phần vào công-cuộc ích chung cho nhân-loại ; bây giờ mới thấy câu hát ả đào của Nguyễn-Công-Trứ không phải là lời nói khoác : « Vũ-trụ chức-phận nội ». Chỉ có những tâm-hồn chưa gột hết ảnh-hưởng nô-lệ mới thấy như vậy là quá vĩ-dại và mới tưởng lầm là bịnh cuồng-tham (mégalomanie)

Vì chúng ta sống trong một vận-hội vĩ-dại với bao nhiêu sự vật khổng-lồ : lâu-dài khổng-lồ, thành-phố khổng-lồ, những tổ-chức doanh-nghiệp, những lực-lượng quân-sự, những cơ-quan quốc-tế mà hoạt-động tỏa khắp thế-giới, những sự đua tranh giữa hai khối người phân đôi nhân-loại, những cuộc chạy thi lên các tinh-cầu... Biết bao vấn-đề bao trùm cả loài người với những giải-pháp có thể gây ảnh-hưởng kinh thiên động địa trong hoàn-cảnh đó, chúng ta không có quyền tí tiện đề chờ đợi diệt-vong.

Nhưng chúng ta không hoảng sợ. Trái lại, ta bình tĩnh nhận-định và hãnh-diện lãnh phần trách-nhiệm. Trong lịch-sử, chẳng mấy giống người thoát-ách ngoại-xâm ngoại-thuộc, cả Pháp, Đức, Nhật, Anh, Mỹ... huống chi những nước nhỏ ; nhưng họ vẫn lại tiến đến phú cường, vì công-dân của họ không bao giờ chịu lùi hần, cố-gắng dần bước mạnh hơn sau mỗi thời-kỳ điều đứng.

Ý-chí đó khiến họ hiểu thắng cạnh tranh vượt cá-nhân họ đề vượt người khác mãi mãi, ở trường, ở sân vận-động, hồ bơi, trại lính, hội văn-học, các xí-nghiệp... Thi xe hơi, thi nấu ăn, thi nuôi bò mập,

thi máy bay, thi sắc đẹp, bất cứ ở phạm-vi nào, họ cũng nhằm giải quán-quân : khỏe nhất, khéo nhất, bắn giỏi nhất, vẽ giỏi nhất, thổi harmonica hay nhất, chế tạo phi-cơ nhanh nhất... Cá-nhân thi, nam phụ lão ấu thi, các đoàn thể thi, các quốc-gia thi với nhau, và cuộc thi đua ghê gớm nhất sau bom nguyên-tử hoặc khinh-khí, là ném hỏa-tiến và tới mặt trăng. Chúng ta đã giết những giải gì ? Và lẽ nào cứ nhường mãi ?

Cũng có người e rằng ta chậm quá rồi, còn kịp họ làm sao ? Song Nhật-bản, so với các cường-quốc Âu-Mỹ, đã chậm ba bốn năm thế-kỷ tùy từng phương-diện : từ 1860 đến 1919, đã sánh ngang vai các nước lớn phương Tây, và tới 1937 thì đã làm cho họ thất điên bát đảo rồi có thua mới chịu thua, thua rồi lại trời dậy mau lạ. Chúng ta ngày nay còn ở trong trường-hợp khả-quan hơn Nhật lúc tự-quân Minh-Trị lên ngôi, vì hồi đó họ bị rối ren cả về ngoại-giao lẫn nội-chính ; như thế, bàn đạp của ta còn vững hơn của Nhật khi bắt đầu bay nhảy. Chúng ta đủ lý-do để tin tưởng vào sức mạnh của khí-phách, điều-kiện tối-yếu để tiến mau.

★

Chúng đã tìm thấy như trên, tất không thể đề mình thấp kém mãi, vì nếu biết vậy mà chẳng thực-hành thì quả là một lỗi không thể tha thứ : hèn hết chỗ nói. Cho nên, Chung không còn lẽ gì để trù trù trong việc cải-tiến bản-thân và sự cố-gắng đầu tiên là tự xét một cách khách-quan.

Muốn lập chương-trình tu-thân, cũng như bất cứ chương-trình gì, phải nhận rõ thực-trạng với các ưu, khuyết-điểm,

đề trù-liệu các phương-tiện cần-thiết và cũng nên chia từng giai-đoạn thực-hiện đề tuần-tự thi-hành.

So với hai năm trước, Chung đã tiến hay thoái về mọi phương-diện? Không thể nào trả lời dứt khoát ngay. Như vậy đủ tỏ rằng Chung thiếu óc thiết-thực, vì nghiên-cứu những gì ở đâu đâu, dạy học thì theo dõi mức tiến của mỗi trò, còn về phần mình, chẳng có ý-niệm gì hết.



Hãy thử coi sức khỏe xem sao. Chung 38 tuổi, bây giờ nặng bao nhiêu cân? chỉ biết bụng sắp chảy, lồng ngực được ngăn nào không biết, tuy biết ngực đau điện-ảnh J. M là 0m98. Vẫn hay yếu vật, bệnh sốt rét đã mắc từ năm tàn-cur 1947-48, thỉnh-thoảng lại hành, uống ki-nin chán chưa khỏi, chẳng buồn chữa nữa. Máu huyết tim phổi thế nào? Cũng không rõ. Răng đau quá rồi mới đi chữa, nha-sỹ dặn mỗi năm trở lại coi giúp một lần cả hai hàm đề đề phòng: nhưng nào có chịu đến? Kỳ quá! Chiếc xe hai mã-lực và chiếc đồng-hồ thì cứ 6, 7 tháng lại đưa cho thợ soát lại động-cơ và lau dầu, nhưng bộ máy tiêu-hóa hay tuần-hoàn, hô-hấp thì mặc kệ, tuy chỉ phải trả, nếu mỗi năm nhờ y-sĩ khám một lần, độ 1/3 số tiền sửa lại máy xe. Tự-hào là trí-thức, chẳng lẽ trọng tiền hơn sức khỏe? và sao coi đồ vật quý hơn thân-thể, khi biết thừa rằng muốn tiến và giúp ích nhiều thì phải mạnh hơn?

Vậy phải chịu tốn kém — bắt quá nhin vài lần đi coi điện-ảnh —, đến hỏi y-sĩ chữa cho tiết sốt rét, trừ dần thuốc lá từ 180 bao một năm xuống độ 90 rồi 60, tránh

những sự quá độ như mê tiểu-thuyết nằm đọc tới hai giờ đêm, bỏ cái tật không ngạt mũi cũng cứ ngủ đầu bạc-hà, tiếp tục tập môn thể-dục mà Chung đã xao nhãng từ khi lấy vợ: có khi trở lại dĩ-vãng cũng là tiến. Làm thế nào ăn ngủ điều hòa hơn, chắc sẽ hết chứng nay cảm mai nhức đầu, trong vòng một năm phải đạt các mục-tiêu đó, rồi sẽ hay. Không biết gương hay sao? Adenauer, Syngman Rhee, W. Churchill ngoài 80 còn tráng-khiên đề gánh vác việc lớn, Chung chưa đầy 40 đã nề-oải thích nằm dài, tuy đã thuộc bao nhiêu bài vệ-sinh; trách chi những đồng-bào ít học.



Nói đến chuyện học, lại đáng ngán hơn. Từ khi rời khỏi trường, bước chân vào nghề, dạy trẻ được phần nào thì nhớ phần đó, ngoài ra quên nhiều, không rõ còn nhớ những gì? Chung đã nguy-biến đề tự nhủ rằng nhớ lắm càng bận óc. Song giá thử nhớ được, như bạn Lý, thì cũng lại ví mình với Lê-Quý-Đôn. Dù sao, có quan-sát, suy nghiệm không? Ít thời giờ lắm, hai buổi ở trường về thường mệt nhoài; cũng đọc sách đọc báo, nhưng đề giải-trí hoặc đề buồn ngủ hơn là tìm hiểu cho rộng kiến-văn, vì thế cứ đọc lung tung, không chuyên chú, nếu hỏi đã biết thêm những gì thì khó nói lắm, duy có cảm-trưởng mơ hồ rằng vẫn trau dồi trí-thức.

Nếu cứ như vậy, học-vấn chỉ mòn mỏi, chớ làm sao cho Chung thành một nhà mô-phạm giỏi hơn hoặc bằng các bạn đồng-nghiep cấp tương-đương ở Âu-Mỹ? Không được như vậy, thì học-trò của Chung cũng sẽ kém đứt các trẻ em Đan-Mạch, Mễ-Tây-Cơ, hay Pháp. Cho nên Chung phải

«kết lại cách dùng thời-giờ hàng ngày, đề mỗi hôm, mỗi tuần dành ra những lúc học thêm, trước hết nghiên-cứu về giáo-dục và thanh-niên; rồi mới theo dõi những vấn-đề phổ-thông nhưng cũng liên-quan trực-tiếp hay gián-tiếp đến chuyên-nghiệp : số loại sách báo cũng phải dự trù từng năm, đề rồi ra kiểm điểm biết rằng mình đã biết cái gì, vì như thế mới là biết, và đo lường được mức tiến; cứ như vậy, từ nay đến khi về châu tồ, độ 22 năm nữa, giáo-viên tiểu-học N. H. Chung, tuy chỉ có tú-tài phần thứ nhất, có thể thành một nhà bác-học : tại sao không ? hay là cứ phải mũi lõ tóc quăn, trời đất ời !



Được như trên, Chung chắc-chắn sẽ hữu ích hơn : nghĩ thế cũng đỡ bức rộc buồn bã, vì xét mình ăn hết ít nhất 83.220 bát cơm rồi mà chưa làm được việc gì đáng kể đối với xứ sở, và ngay cho gia-đình.

Học-vấn của Chung, được công-nhận bằng những giấy tờ chánh thức, đã khiến xã-hội tạm tin là không dốt nát và thâu dụng Chung vào một ngành hoạt-động, đề thử sức và trả tiền cơm. Cho tới nay, Chung đã làm việc với mục-đích thiện-cận là mưu sinh, dù có giúp cho một số trẻ em biết đọc biết viết, cũng chỉ vì lợi riêng. Nay Chung đòi chí-hướng, nên cùng một loại việc hàng ngày mà ý-nghĩa cao quý, cách thi hành cũng cần-thận, kỹ-lưỡng, đầy đủ hơn nhiều.

Về phía cha mẹ vợ con, ngẫm lại, Chung chỉ thấy sự thoái bộ. Hai thân đã nghèo đi vì nuôi Chung ăn học, nay già

rồi, huê-lợi chẳng còn chi, chỉ trông vào một sự phụng-dưỡng không cân xứng với công dưỡng-dục : có bao nhiêu tiền, các cụ xưa kia chỉ dành cho một Chung ; nhưng nay số lương tháng của Chung còn phải đề nuôi cả vợ và bốn con, thành ra cha mẹ chỉ được chia xẻ có $\frac{2}{8}$ hoặc $\frac{1}{4}$ là cùng. Vợ, thì càng đề càng hao sức và kém cả nhan sắc, nỗi lo âu về tương-lai lớn cùng với lũ trẻ.

Nên Chung không thể nào theo gương cầu nhân của bác Ngừ, đề người thân yêu chịu thiếu thốn mãi ; cũng chẳng khi nào noi đường cong lối tắt của chú Quì đề vội vã nâng cao mức sống mà hạ giá con người. Chung cố tìm phương-tiện chánh-đáng hơn : dịch sách rồi sẽ soạn sách, nhất là vì đảng nào cũng phải đọc nhiều, công việc ích-lợi đó, chính một cơ-quan văn-hóa ngoại-quốc vẫn mong đợi, nhưng Chung đã quên vì không nghĩ tới gia-đình : nay nhất định kiếm thêm 15.000\$, cho đời sống trong nhà vui hơn.

Ngần ấy việc trong vòng một năm, kể cũng khá nhiều, và đòi hỏi sự nỗ-lực hàng ngày, nhất là sự kiên-tâm. Năm sau, Chung sẽ cố hơn về mọi mặt : cứ tiếp tục độ vài năm, chắc kết-quả cũng khả-quan.

Muốn cải tiến một nước, thường có những kế-hoạch khai thác và tận dụng các nguồn lợi thiên-nhiên : việc của chánh-quyền và cả của công-dân.

Cho nên, cá-nhân cũng phải có chương-trình cải thiện, đề phát huy những khả-năng còn vùi lấp trong tâm can trí não, mà tăng hạnh-phúc gia-đình và phục-vụ dân-tộc.

Đ. T.

NGÀY TẬN THỂ

NGUYỄN-TRINH-DZOANH

HỒI nhỏ học trường thầy đồng, tôi thường được nghe giảng về ngày tận thể mà Đức Chúa Trời đã định cho nhân loại. Mặc dầu không là người công-giáo song lên tám tuổi tôi cũng tưởng-tượng một ngày kia hai chữ tận-thể sẽ nổi bật lên ngang trời, đoạn một sức mạnh ghê hồn sẽ làm siêu-dinh đồ-quán và trong nháy mắt quả địa-cầu sẽ tan-tành như bong-bóng xà-phòng. Đó là những ý nghĩ thần-thoại của tuổi ngây-thơ. Nay ta thử đứng về phương-diện khoa-học mà xét xem ngày tận-thể có thể có hay không.

Cuộc sống hữu-cơ trong vũ-trụ

Như ta đã biết, trong vũ-trụ có hàng trăm ngàn giải sông ngân-hà. Mỗi giải sông ngân có chừng một trăm triệu dương-hệ (Système solaire). Mỗi dương-hệ gồm có mặt trời và nhiều hành-tinh chuyển-động chung quanh. Như vậy có lẽ là cái lắm lớn nếu cứ theo phép tính xác-xuất (Calcul des probabilités) mà ước-dịnh rằng chỉ có trái đất và Hỏa-tinh là hai hành-tinh có đủ điều-kiện gây nên những yếu-tố cần-thiết cho cuộc sống hữu-cơ.

Thật vậy công-kuộc khảo-cứu của nhà hóa-học Mỹ Stanley Miller năm 1953 đã chứng tỏ rằng : trong không-khí những yếu-tố căn-bản của chất phô-tinh (protéine) là đã do sự phóng điện (décharge électrique) tạo nên cách đây đã chừng hai ba ngàn

triệu năm. Hơn nữa lúc trái đất mới thành-lập, trong muôn ngàn phản-ứng khoa-học ở tầng không-khí, thế nào cũng có những phản-ứng tạo nên các yếu-tố căn-bản cho cuộc sống hữu-cơ theo định-luật lý-hóa-học xác-dịnh. Thế mà theo nhà bác-học Einstein thì các định-luật lý-hóa-học đều có giá-trị trong toàn-thể vũ-trụ. Như vậy tầng không-khí của vị hành-tinh nào mà biến-hóa giống như là tầng không-khí của trái đất, đều có thể gây nên những điều-kiện căn-bản cho cuộc sống hữu-cơ.

Nay ta hãy xét xem tầng không-khí của trái đất chẳng hạn có ảnh-hưởng tới cuộc sống hữu-cơ ra sao.

Sự biến-hóa của tầng không-khí có thể đưa đến chỗ tận-thể

Đối với ta, tầng không-khí tưởng chừng như là một yếu-tố không biến-chuyển. Song có biết đâu rằng tầng không-khí ngày một ít dần thán-khí (CO_2). Những nguồn tạo nên thán-khí như núi lửa, suối hơi đều có thể một ngày kia không còn nữa vì vỏ quả địa-cầu ngày một cứng rắn thêm. Như ta đã biết, nước và ánh-sáng mặt trời giúp cho loài thảo-mộc hút thán-khí và nhả dưỡng-khí. Nếu bây giờ trong không-khí thiếu thán-khí loài cây cỏ sẽ bị tiêu dần. Thật vậy công cuộc thí-nghiệm trong các nhà gương để trồng cây (serre) chứng tỏ rằng một vài loại cây nhỏ thường cần cối vì thiếu thán-khí, chỉ cần thôi vào

trong nhà gương ít không-khí có chứa nhiều thán-khí là các cây cần cối kia trở nên tươi-tốt và mọc rất nhanh. Xem như vậy thì nếu một ngày kia các nguồn tạo nên thán-khí trên trái đất đều kiệt-quệ thì ta có thể dự-đoán rằng : đời sống của các loài động-vật và nhân-loại cũng đều bị đe-dọa. Vì đời sống của những loài này có liên-lạc mật-thiết với sự sống còn của loài thảo-mộc. Trong trường-hợp này cuộc sống hữu-cơ trên trái đất chỉ còn tồn-tại nếu có thể biến-hóa theo một hình-thức khác để chịu-đựng nổi làn không-khí dồi mới đó. Mặc dầu tạm thí-dụ một ngày kia khi mà thán-khí không còn nữa, cuộc sống hữu-cơ đã thay đổi để thích-hợp với điều kiện mới, ta cũng vẫn có thể dự-đoán theo tình-trạng khoa-học hiện thời, hai hiện-tượng khác có thể làm tiêu-diệt tầng không-khí và lẽ tự-nhiên đưa đến chỗ tận-thế. Một là chết rét hai là chết thiêu, ấy là chưa kể quả địa-cầu có thể bị tan-tành như bong bóng xà-phòng bất-cứ lúc nào nếu có vũ-trụ hoạn (cataclysmes cosmiques).

Ngày tận - thế do sự lạnh gây nên

Như ta đã rõ mặt trời vì phát-xạ mà bé dần dần. Mỗi một giây đồng-hồ trọng-khối mặt trời mất đi chừng bốn triệu tấn. Tuy nhiên vì mặt trời to lớn quá nên sự hao-hút đó coi như là không đáng kể trong lúc này. Song ngày một nhiều lên, tới một ngày xa vời nào đó, tất nhiên sức sáng và độ nóng khi truyền tới mặt đất phải không còn đủ mạnh như ngày nay. Hơn nữa theo định-luật Coulomb, sức mặt trời hút trái đất yếu đi vì trọng-khối bé hơn trước, do đó trái đất lại càng xa mặt trời. Muốn dễ hiểu ta có thể tưởng-tượng một giây chun bằng cao su chẳng hạn. Một đầu giây chun là

một quả bưởi hình dung mặt trời, đầu kia là một quả quít hình dung trái đất. Mặt trời đứng nguyên một chỗ, trái đất chuyển động chung quanh. Nếu giây cao su càng nhão bao nhiêu, nghĩa là càng ít sức đàn-hồi (chun giảo), thì quả quít khi quay tới lại càng xa quả bưởi bấy nhiêu. Xem thế thì đủ biết, ánh sáng và độ nóng mặt trời đã yếu mà phải truyền xa hơn, lẽ tự nhiên khi tới được mặt đất thì không còn bao nhiêu nữa. Nhiệt độ trên trái đất vì thế mà thấp dần. Ngay ở những vùng nhiệt đới, hàn thử biểu sẽ chỉ dưới không độ vào giữa mùa nóng, tháng bảy dương lịch. Sông ngòi và biển cả đều băng giá. Trên không-trung những lớp dôn-khí (lớp khí Ozone) do ánh nắng mặt trời tạo nên cũng kém đặc hơn trước, do đó sự che chở sinh-vật khỏi bị tử-ngoại-tuyến (rayon ultra-violet) tiêu-hủy sẽ kém hiệu-lực.

Trời càng lạnh bao nhiêu, không khí càng ít dưỡng khí bấy nhiêu vì một phần lớn là do các loài thảo-mộc tạo nên. Mà loài này cần phải có ánh nắng mặt trời mới sống và tạo ra được dưỡng-khí. Không-khí như vậy sẽ biến-thành một hỗn-hợp đầy khí-độc. Phần vì lạnh, phần thiếu dưỡng-khí lại còn bị tử-ngoại-tuyến tiêu-hủy dần dần, liệu lúc đó còn một sinh-vật nào tồn-tại được nữa chẳng.

Ngày tận - thế do sức nóng gây nên

Hiện tượng nóng này kinh khủng hơn, có thể xảy ra trong một ngày gần hơn là hiện tượng rét, và xem ra thiết thực hơn. Thật vậy trong trung-tâm mặt trời, sức nóng từ mười tới mười lăm triệu độ, khinh-khí (H) biến hóa không ngừng thành khí He-lom (Helium). Sự biến-hóa nguyên-tử này, cứ mỗi một gam He-lom, tiết ra

một năng-lượng chừng hai trăm ngàn ki-lô watt giờ. Sự biến-hóa này tiếp tục hàng ngàn triệu năm cho đến ngày không còn khinh-khí nữa. Nhiều nhà bác-học tính toán tỉ-mỉ rằng : khi mà mặt trời đã tiêu-thụ chừng một phần ba số khinh-khí dự-trữ, nghĩa là trong vòng mười ngàn triệu năm thì lúc đó không còn một sinh-vật nào trên trái đất có thể chịu được nóng, ngay ở bắc-cực cũng vậy. Bầu không-khí sẽ bị tiêu-tan dần dưới sức nóng như hỏa-lò.

Một vài hiện-tượng gần đây có thể chứng-minh thuyết này một phần nào. Từ một trăm năm trước đây, khí hậu thành Nữu-ước nóng hơn trước, tường chừng như thành phố dịch xuống phía đường xích-đạo hai trăm cây-số. Thật vậy trong thời-kỳ đó, hồ Sale de l'Utah ở Mỹ đã cạn đi một nửa khối nước. Từ năm 1917 tới nay, cá đuối càng ngày càng rời về phía Bắc, cả một vài giống chim và côn-trùng cũng vậy. Ngoài cái hiện-tượng nóng dần dần, trái đất còn có thể bị thiêu chết thình-lình do sự bùng nổ của mặt trời. Hàng năm các nhà thiên-văn học thường chiếu viễn-kính xem xét các vì sao trong giải sông Ngân-hà mà chúng ta hiện sống. Họ nhận thấy một vài hiện-tượng thật là kỳ-lạ, chẳng hạn một ngôi-sao thình-lình hiện ra và phát-xuất ánh-sáng cực kỳ mạnh. Người ta nói ngôi sao đó nổ. Nếu bây giờ mặt trời thình-lình nổ, sự phát-xạ sẽ mạnh lên một vạn lần. Ánh nắng mặt trời nóng như thiêu như đốt này trong vòng tám phút sẽ tới ta. Sinh-vật trên quả đất đối-diện với mặt trời sẽ bị thiêu - hủy trong khoảnh-khắc ; cả tầng không-khí che-chở bên trên cũng vậy. Không-khí ở bán-cầu bên kia chưa bị thiêu-hủy sẽ ồ-ạt tràn sang và do đó gây nên bão-táp rừng-rợn làm xiêu núi đổ đình chưa từng thấy. Trong gió cuốn mãnh-liệt đó, hẳn không còn gì tồn - tại được trên mặt trái đất.

Người nếu còn sống cũng sẽ bị bay như chiếc lá khô mà thôi. Hơn nữa sức nóng đốt núi thiêu rừng hun chày bề băng, làm cho biển cả sông ngòi bốc hơi ngùn-ngụt. Trong một thời-gian ngắn trên không-trung chỉ toàn là hơi nóng như buổi khởi thủy trái đất cách đây ngàn triệu năm. Nhưng hơi nóng này sẽ bị vũ - trụ gian (espace cosmique) hút đi, để lại trái đất đen xạm, trơ-trọi, trong không.

Tuy-nhiên sự bùng nổ vĩ-dại này cũng không phá hủy hẳn mặt trời. Khi hết cháy, mặt trời sẽ bớt nóng hơn trước nhưng vẫn phát-xạ (rayonner) như thường mặc dầu yếu-ớt. Trong vòng hàng triệu năm sau vụ hoạn này, trái đất có đủ thì giờ để nguội dần. Không-khí buổi sơ-khai sẽ có thể lại được tạo nên chung-quanh quả địa-cầu một cách đơn giản, và cũng rất có thể gây nên những điều-kiện thích-ứng cho sự tái-phát cuộc sống hữu-cơ. Song dầu sao, trái đất có sống lại cũng sẽ bị chết lại vì khi mặt trời đã nổ lần thứ nhất, thì không thể nào tránh khỏi nổ lần thứ hai và thứ ba vân vân...

Chưa nguội xong thì đã bị thiêu rồi, cuộc sống hữu-cơ sẽ không còn hy-vọng tái-diễn trên vỏ quả địa-cầu.

Theo sự phỏng- đoán của các nhà thiên-văn-học trứ-danh, mặt trời sẽ tiếp-tục nổ lại ngừng, cho đến khi không còn một chút năng-lượng nào mới thôi. Lúc đó quả đất sẽ lạc-loài trong không-gian vô-tận, không ánh-sáng mặt trời, lạnh-lùng cô-độc không bao-giờ còn hy-vọng một ngày mai, khôi-phục cuộc sống trong vũ-trụ mịt-mù.

Tuy-nhiên ngày đó còn xa lắm, tạo-hóa chưa định ngày tận-thế, vẫn còn muốn xem những con người bé nhỏ chạy nhau hoài.

NGUYỄN-TRINH-DZOANH

HÁT CHÈO

TRẦN-VĂN-KHÊ



HÁT chèo là một lối hát tuồng bình-dân thanh-hành nhất tại miền Bắc nước Việt. Vào khoảng đầu thế-kỷ này, đào kép hát chèo còn tay cầm chèo, miệng hát, tục-lệ đó chúng tôi không rõ từ đâu mà ra. Nhưng có lẽ vì thế mà người ta gọi lối hát đó là hát chèo. Theo Đào-Duy-Anh, thì hát chèo có từ đời Trần (vào thế-kỷ thứ XIV) (1). Phạm - Đình - Hồ trong chương « Biện về âm-nhạc » cũng có đề cập đến nguồn cội của lối hát chèo (2).

« Triều nhà Trần, khi có quốc tang, lúc sắp rước tử-cung (quan tài gỗ của nhà vua) đến sơn lăng để an táng, dân sự phố phường xúm quanh lại xem, vòng trong vòng người ngoài chật ních cả chốn điện

đình, không thể rước tử-cung đi được. Người đẹp dám mới bắt chước lối vãn ca (3) đời cồ, đặt ra khúc hát Long-ngâm, hiệp vào âm luật, sai quân lính đi hát diễn chung quanh đường, nhân-dân lại đồ xô xúm xít theo đi xem, vì thế mỗi rước tử-cung xuống thuyền được.

Đời sau mới bắt chước làm lối hát vãn, mỗi năm cứ đến rằm tháng bảy, những nhà tang gia cho gọi phường hát đến hát để giúp lễ tế ngu, tiếng hát bị ai nghe rất cảm - động, tục gọi là phường chèo bội ». (4) Có chỗ gọi là « trạo phường »

(3) *Vãn ca*, theo lời giảng của ông Phạm-Đình-Hồ là một lối hát bi ai thăm thiết để viếng người chết như loại hát Phi-lộ và Cao-lý đời xưa. (Phi-lộ: ví đời người như hạt sương trên ngọn cỏ. Cao-lý: là trở về chỗ đất chôn người cỏ rậm) xem Phạm-Đình-Hồ: *Vũ trung tùy bút* tờ 41 b

(4) Phạm-Đình-Hồ *Vũ trung tùy bút* tờ 42b, bản dịch của Đông-châu. Tạp chí Nam-Phong tháng 10 năm 1927. tr. 366.

(1) Đào-Duy-Anh.— Việt-nam Văn-hóa sử-cương, tr. 296

(2) Phạm-Đình-Hồ *Vũ trung tùy bút* tờ 42 b xem bản dịch của Đông-châu đăng vào tạp chí Nam-Phong tháng 10 dương-lịch 1927, tr. 366

(trạo là cây chèo, trạo phường tức là phường chèo).

Sách *Đại-Việt sử-ký toàn thư* có chép rằng năm Canh-tuất, niên hiệu Hưng-Long thứ 18, tức là năm 1310 Tây-lịch ngày 16 tháng 9, khi muốn đem linh-cửu của Thái-thượng hoàng Trần-Nhân-Tông về Long-hưng an táng (tức là tỉnh Nam-định ngày nay), dân chúng đổ xô đến xem đèn nghet, bít các cửa Hoàng-cung, xe tang không thể nào ra được. Vua gọi Thứ-thị hầu tên Trịnh-Trọng-Từ hỏi xem phải làm thế nào. Trịnh-Trọng-Từ lập tức đến sân Thiên-trì gọi đội quân của ông ta đứng giữa sân hát mấy câu khúc Long-ngâm, dân chúng lấy làm ngạc-nhiên kéo nhau xem, nhờ vậy mới có thể đưa quan tài đi được. (1)

Căn cứ vào các tài-liệu nói trên, chúng ta có thể nói rằng lối hát chèo bắt đầu có từ đầu thế-kỷ thứ XIV. Nhưng, hát chèo « [...] đóng vai trò vẽ mặt ra múa hát [...] » như hiện giờ vào năm Cảnh-Hung (1740-1786) tức là cuối thế-kỷ thứ XVIII (2). Trước giai đoạn ấy không lâu, một người Anh tên là Baron (Ba-rông) có viết bài nói về nước Việt và phong tục người Việt (3). Có đoạn nói về lối hát của người Việt thời bấy giờ : « Người Đông-kinh — (thuở ấy họ gọi người Việt là Ton-quinien) — không có hí trường. Nhưng ngoài ra những nhà quan có vài phòng riêng dùng làm rạp hát, người ta còn thấy những nhà hát ; nơi đó, nhất là trong những ngày

hội, dân-chúng họp nhau lại coi hát. Đào kép chỉ độ 4, 5 người ăn lương một quan tiền một đêm. Nhưng khán-giả nào rộng rãi cho thêm một ít quà, nếu họ bằng lòng cách đóng tuồng khéo léo. Hình dáng y-phục rất dị kỳ. Họ có rất ít bài hát : chỉ độ 5, 6 điệu ; phần nhiều ca ngợi vua, quan pha với vài câu hát huê tình. Phần múa do đàn bà đảm nhận, nhưng họ cũng hát và giữa tuồng, có hề ra điệu. Anh ta là người khéo léo nhất gánh, chọc cho khán-giả cười bằng những câu khôi hài hay bộ điệu lỗ bịch. Nhạc khí gồm có kèn, trống chiêng, sáo, đàn dây và nhiều loại đàn cò (nhị). Có khi họ múa hoa đăng, một người đàn bà đội trên đầu một cái chậu đầy đèn nhỏ mà vẫn múa may, nhẹ nhàng không làm đổ tí dầu nào cả, khiến cho khán-giả rất khen phục. Họ múa như thế trong nửa tiếng đồng hồ.

Bàn bà lại vừa đi dây vừa múa rất khéo » (1). Có lẽ ông Baron tả lại một buổi hát chèo, hoặc hát ả đào theo lối « hát bỏ bộ ». Đào nương vừa hát vừa múa theo lối múa bài bông, chớ chắc chắn là không phải một buổi hát bộ, hát tuồng. Lúc Baron viếng vùng Bắc-Việt, nước Việt đang ở thời Trịnh Nguyễn phân tranh, hát tuồng được chúa Nguyễn thích nên chỉ thịnh hành trong Nam, ở miền Bắc các loại hát ả đào, trong triều-đình hoặc trong giới trưởng-già và loại hát chèo trong dân-chúng được thông dụng nhất. Theo Đào-Duy-Anh và Phạm-Đình-Hồ, thì hát chèo có lẽ lối và diễn tuồng chỉ từ đời Cảnh-Hung (1740-1786) (2). Đầu

(1) *Đại - Việt sử - ký toàn thư*, Quyển 6 tờ 26 a, b.

(2) Phạm-Đình-Hồ *Vũ trung tùy bút* tờ 42b.

(3) Baron *Description du Tonquin* (Đông-kinh diễn tả) quyển thứ ba *Recueil de Churchill* năm 1732. Paris chez Didot-Librairie quyển thứ IX. *Histoire générale des voyages des Augustins à la Bible d'or* 1751.

(1) Baron *Description du Tonquin* (Đông-kinh diễn tả hay là Bắc-Việt diễn tả) trong quyển thứ IX. *Histoire générale des voyages*. Trang 102.

(2) Đào-Duy-Anh *Việt-nam văn-hóa sử cương* trang 296.

Phạm-Đình-Hồ *Vũ trung tùy bút* tờ 42b.

tiên chỉ là một phường chuyên hát những bài văn ca, sau mới thêm thắt các lối khác vào.



Hát chèo cũng có nhiều vở tuồng như Châu - Mãi - Thần, Lưu-Bình Dương-Lễ, Kim-Trọng Thúy-Kiều, Quan-Âm Thị-Kính, Phan-Trần, cốt truyện thường lấy trong văn-chương cổ tích Việt, những câu nói lối và bài hát đều bằng tiếng nôm, ai nghe cũng dễ hiểu. Vì thế nên bộ điệu không tinh vi, phiền phức như trong hát tuồng. Hát chèo không cần sân khấu. Có khi người ta dựng một cái sập lối 3 thước mỗi bề. Có khi trải một chiếc chiếu giữa sân chợ là đủ ; khán-giả thường đứng vòng tròn, chung quanh chiếc chiếu, trẻ con ngồi trước, người lớn đứng sau. Đào kép thì chỉ độ 5, 7 người ăn mặc thô sơ, hoặc mua lại quần áo cũ của các gánh hát bộ, hoặc mặc quần áo vải nâu hay vải đen, chân bó nẹp. Tuyệt nhiên không có tranh cảnh. Vật dựng trên sân khấu chỉ có vài bộ râu giả, vài cây quạt giấy cũ. Giàn nhạc phụ họa nhiều khi chỉ có một cây nhị và một cỗ trống con. Phường chèo nào khá có được thêm cây đàn tam, một ống sáo. Đào kép có thể tùy cơ ứng biến chớ không diễn một vở tuồng viết sẵn trước. Nhưng tranh cảnh tuy không có, quần áo tuy cũ, bộ điệu tuy thô sơ, nhưng điệu hát chèo rất phong phú. Phần nhiều là những điệu hát xuất phát từ trong dân-chúng, lời hát mộc mạc hồn nhiên nhưng không thiếu tình tứ ý nhị nét nhạc lại linh động làm người nghe thấy thú vị muôn phần. Hát chèo có rất nhiều điệu. Hiện nay, chúng tôi chưa có dịp nghe tất cả các điệu chèo, nhưng cũng được biết qua các điệu căn bản và nhờ tài-liệu của một nghệ nhân

chuyên về chèo là ông Tống-Văn-Ngũ gởi cho ; nên tạm thời chúng tôi có thể chia các điệu chèo ra 5 loại hát và 3 loại nói lối.



A) Các điệu hát

1) *Loại tươi vui.* Cũng như lối hát khách trong tuồng hát bộ, hay các điệu ca Bắc trong tuồng cải lương, những điệu chèo tươi vui thường là những bài sấp, sấp cò phong, sấp qua cầu, sấp dựng hoặc những bài Luyện tam tầng, lối lơ, cách cú. *Hát cách* cũng dùng vào những lúc vui, nhưng nhạc hát cách vừa tươi sáng vừa nghiêm chỉnh, người học trò đi thi, hay người đã chiếm bằng vàng bái-tổ vinh-qui đều *hát cách*. Cái vui của những điệu vừa nói trên là cái vui đậm thắm chớ những điệu hát có tánh cách trào phúng thì khác, chúng tôi xếp vào loại đặc-biệt.

2) *Loại buồn thảm.* Cũng như lối hát Nam trong hát bộ và những bài giọng ai, giọng oán trong hát cải lương, mấy bài loại buồn thảm đề dùng để thở than. Lúc chồng đi lính thú hay mình gặp cảnh hãm oan, thì hát làn thảm. Điệu nhịp đuổi dùng vào lúc hai người lính canh nhớ tới quê hương xứ sở, nhớ tới vợ con xa cách mà thân mình phải gởi tuyết năm sương. Còn nhiều điệu buồn khác như ba than, hát vãn, vãn cầm. Những điệu ba than, vãn canh, trần tình ngày nay ít thấy hát.

3) *Loại tình-tứ ý-nhị.* Sa-lệch đặc-biệt là một điệu hát tình-tứ ý-nhị. Có thể dùng để tỏ tình, ca ngợi tình yêu, ôm ấp từ lâu, hoặc nhắc nhở người ý trung nhân hay trách móc người tình lạnh nhạt. Có nhiều lối *sa lệch*, *sa lệch xếp*, *sa lệch bằng*, *sa lệch chênh*, khúc điệu êm ái,

nhịp điệu thông thả trong bài luôn luôn có một đoạn chuyển bậc rất hay. Trong loại tình-tứ ý-nhị còn có những điệu khác như hát *Đường trường*. *Đường trường* phải chiều, *đường trường* tiếng đàn, có khi hát đúm, hát gối hạc, hát hương xuân.

4) *Loại đánh đá*. Lúc cãi nhau, trêu nhau, chọc nhau, thì dùng các điệu cầm giá, bình thảo, sắp gối, hay nói lệch.

5) *Loại đặc-biệt*. Có những bài hát riêng cho các vai đặc-biệt...

Vai lão thì hát lão say hoặc ngâm thơ.

Hề thì hát hề mỗi, hề gậy, hề tiểu, sắp thường, sắp chột hay nhịp một.

Phụ nữ đoan-trang khi nghe cha mẹ gọi thì hát sử hoặc hát ru.

Người điên thì hát bài con gà rừng, con chuồn chuồn.

Nhà sư thì nói hạnh, đọc thơ hoặc hát văn mẫu thiên.



B) Các cách nói lối

Ngoài cách *nói vặt* là nói chuyện thường có 3 cách nói gọi là nói lối, nói sử và nói lửng.

1) *Nói lối*: Thường là 4 câu thơ thất ngôn. Trong các vở chèo cổ có khi chỉ nói 3 câu. Tính chất nói lối rất nghiêm chỉnh. Hoặc học trò thi đỗ vinh-quì hoặc người khá giả nhân du như Kim-Trọng trong chuyện Kiều, thường hay nói lối.

2.) *Nói sử* là một cách ngâm thơ. Tuy tên là *nói sử* nhưng khúc điệu thay đổi luôn, nhịp điệu không nhất định giống như loại « *récitatif* » trong ca kịch Âu-châu.



a) *Sử chúc* thường dùng vào lúc giáo đầu, ca ngợi đất nước. Là những câu thơ thất ngôn hai câu đầu có thể mỗi câu bốn chữ, câu thứ ba thứ tư nhất định bảy chữ, mấy câu sau có thể là những câu thất ngôn biến thể.

b) *Sử xuân* tính chất vui vẻ.

c) *Sử rầu* hay là *Sử sầu* dùng để diễn tả việc bất trắc vừa xảy đến, làm cho mình buồn thảm lo âu. Có khi chồng đi lính thú lúc vợ tiễn chồng lên đường hơi sử rầu. Bị hàm oan cũng có thể nói sử rầu.

d) *Sử vãn* thường là câu thơ lục bát. Lúc cha mẹ chồng vợ, hay người thân chết thì nói sử vãn. Thúy-Kiều sau khi nghe Từ-Hải chết đứng nói sử vãn. Có khi người lâm cảnh hàm oan như Thị-Kính bị Thị-Mẫu vu oan, cũng nói sử vãn. Thường thì nói sử vãn xong thì vào hát vãn ngay.

3) *Nói lửng* là những câu thơ thất ngôn, có tánh chất lảng lơ.

Có khi lảng ra về dài-các như vợ lớn của Dương-Lễ nói không ngừng câu.

Có khi nói lửng ngắt câu như Tú-Bà trong truyện Kiều.

Có khi nói lừng châm biếm như chị Mồ trong tuồng Quan-Âm Thị-Kính. có lối lừng trêu là hai câu lục bát dùng đề trêu chọc hoặc gọi tình như lúc Thị-Mầu trêu chú tiểu Kính trong tuồng Quan-Âm. Nói lừng trêu xong thì hát ngay điệu Bình-thảo.



Lúc trong Nam phong trào cải-lương bắt đầu, ngoài Bắc người ta cũng sửa đổi hát chèo. Thêm vào các điệu kể trên, người ta ngâm sa-mạc, bông-mạc, hoặc hát mấy bản Trung-hoa và những phường chèo ấy lấy tên là *Chèo cải-lương*.

Gần đây, hát chèo được phục hưng lại và những điệu chèo duyên-dáng có-thề dùng làm nhạc đề cho những tiểu ca-kịch mới. Chúng tôi mong rằng một ngày kia nhạc khúc của mấy điệu chèo căn-bản được in ra, chúng tôi sẽ có dịp phân-tách các điệu ấy để các bạn yêu nhạc thấy rằng, nhạc Việt so với nhạc ngoại-quốc tuy vẫn nghèo nàn, nhưng có nhiều cá-tánh, đặc-điểm đáng ghi, đáng học và đáng phổ biến.

TRẦN-VĂN-KHÊ

★ Dưới đây là lời lẽ của một người lính pháo-thủ gửi cho nguyên-soái Drouot :

« Theo tôi, điều cần thiết là phải làm sao cho binh-sĩ yêu mến. Vì khi một đại-tá không được binh-sĩ yêu mến, tự-nhiên binh-sĩ không ai nghĩ đến việc bỏ mình theo mệnh-lệnh của một kẻ mà họ ghét bỏ. Tại mặt trận Wagram, là nơi mà chiến-cuộc đã diễn hết sức khốc-liệt và đại-đoàn của ta đã thu được thắng lợi vẻ-vang, nguyên-soái có nghĩ rằng nếu nguyên-soái không được mến yêu, thì đội pháo-thủ của ta liệu có chiến-thắng oanh-liệt được như vậy không ?

Thưa nguyên-soái, đối với tôi, tôi chưa từng thấy vị đại-tá nào biết cách nói với một người lính như đại-tá ; tôi công nhận là ngài rất nghiêm-khắc, nhưng ngài cũng rất công-minh ; ngài nói với binh lính như nói với người bình-dẳng với ngài. Có những sĩ-quan nói với binh lính như là bình-dẳng với binh lính, theo tôi, cách đối xử như vậy không có ích-lợi gì... »

★ Giàu sang và nhũn nhặn thì ai không quý ; giàu sang mà âu-yếm thì ai không thân ? (Gia-ngữ)



VI

Nói truyện Tam-Quốc

NÓI chuyện... « dòng do Tam-quốc », chắc có lẽ là không bao giờ hết. Nhưng, chúng tôi chỉ muốn gói ghém câu chuyện trong một số vấn-đề mà thôi. Trước hết, xin nói vấn-đề « thật và không thật » trong truyện Tam Quốc. Bàn về « Những biến-thiên của lịch-sử tiểu-thuyết Trung-Quốc, Lỗ-Tấn đã viết :

«... Kỳ trung (1), những sự việc đã « thuật chỉ có bảy phần « thực », ba « phần « hư » ; vì « thực » nhiều, « hư » « ít, nên người ta không khỏi tin giả « làm thật. Như Vương-Ngũ-Dương, « một thi-nhân và cũng là một học-giả « nổi tiếng, mà vẫn có bài thơ « Lạc-Phụng-Ba diếu Bàng-Sĩ-Nguyên ». Sự « thực cái gọi là « Lạc-Phụng-Ba » ấy

(1) Tức trong Tam-Quốc Diễn-Nghĩa.

LUẬN NHÂN-VẬT ĐỜI TAM-QUỐC

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

« chỉ thấy trong Tam-Quốc Diễn-Nghĩa, « chứ không rõ ở chỗ nào cả... »

Trong Tam-Quốc Diễn-Nghĩa, còn rất nhiều nhân-vật và sự-kIỆN tưởng-tượng tương-tợ như thế. Tỉ như Điều-Thuyền chẳng hạn. Có lẽ người Việt-Nam không mấy ai không nghe nói đến tên người « kỳ nữ » đã đóng tài-tình vai tuồng chính trong Liên-Hườn-Kế, và đã được người đời sắp vào một trong bốn cô gái đẹp của Trung-hoa thời cổ (2) đó. Ấy vậy mà Điều-Thuyền thực ra chỉ là một nhân-vật tưởng-tượng của La-Quán-Trung.

Đoạn Quan-Vũ « quá ngũ quan, trăm lục tướng, giết Thái-Dương » mà hội với Trương-Phi tại Cồ-Thành đã được

(2) Bốn cô gái đẹp ấy là :

- Tây-Thi lạc nhạn (nhạn sa).
- Chiêu-Quân ngư trầm (cá lặn).
- Điều-Thuyền bẻ nguyệt (nguyệt thẹn).
- Thái-Chân tu hoa (hoa hờn).

tác-giả miêu-tả hết sức tỉ-mỉ và sống động trong ngót hai chục trang giấy, nhưng cũng chỉ là những tình-tiết do tác-giả sáng-tạo. Trong Tam-Quốc-Chí, về việc này, Trần-Thọ chỉ chép là Quan-Vũ đã :

«... niềm phong hết những đồ vật của Tào đã ban, bái thư cáo biệt, thẳng qua phía Viên-Thịệu mà tìm Tiên-Chúa... »

Còn chuyện giết Thái-Dương thì chẳng chút dính dấp với Hôn-Thọ Đình-Hầu.

Đến như hồi « Gia-Cát-Lượng trí-toán Huê-Dung, Quan-Vân-Trường nghĩa thích Tào-Tháo », thì thật là hoàn-toàn bịa. Trong « Tam - Quốc - Chí bình - thoại », người ta thấy sờ-dĩ Tào-Tháo thoát được khỏi « Vinh-Hoạt-Lộ » (tức Huê-Dung-Đạo) là nhờ đã biết thừa lúc trời kéo mây văn-vũ, chớ không phải nhờ Quan-Hầu đã « mở rộng lưới ân ».

Sưu tầm thêm, chúng ta còn có thể thấy nhiều ví-dụ tương-tợ như thế nữa. Điều đó không phải là không có duyên cớ.



Người xưa trứ tác thường là có mệnh-ý. Trong mỗi một bài thơ, một câu đối, hay đoản-thiên, trường-thiên tiểu-thuyết, cổ-nhân đều cẩn-thận gói ghém một tâm-sự. Không cần phải dẫn nhiều chứng cớ, tưởng ai cũng thấy được diễm đó.

Vậy thì, tác-giả Tam-Quốc Diễn-Nghĩa đã muốn nói lên những gì trong tác-phẩm của mình ?

Chúng tôi thấy cần phải tìm hiểu thêm nguồn gốc truyện Tam-Quốc mới có thể giải đáp vấn-đề này một cách xác-dáng được. Cũng như nhiều bộ truyện Tàu khác, Tam-Quốc Diễn-Nghĩa không phải chỉ

do một cá-nhân trứ-tác, mà có thể nói là một công-trình sáng-tạo tập-thề của nhiều thế-hệ. La-Quán-Trung tiên-sinh chỉ là kẻ đã tổng-kết và viết lại sau cùng. Cho nên, tư-tưởng của Tam-Quốc Diễn-Nghĩa không phải chỉ là tư-tưởng của cá-nhân La-Quán-Trung, mà còn là thề-hiện ý-thức của người Trung-hoa trong mấy trăm năm.

Bây giờ, xin mời các bạn cùng chúng tôi lật chồng sách cũ.

Từ đời Đường, những mẩu sử về đời Tam-Quốc đã được dân-gian dùng làm tài-liệu kể chuyện. Đoàn-Thành-Thức, một nhà văn nổi tiếng đời Đường, đã chép xong « Tây-Dương tạp trở » của ông như sau :

« Năm cuối đời Thái-Hòa (tức vua « Đường-Văn-Tông (827—841 sau k.n.), « nhân ngày sinh-nhật của tiện-dê, đi xem « tạp-hí (1), thấy có tiểu-thuyết thị-nhân đọc Biền-Thước là Biền-Thước ».

Lý-Thương-Ẩn, một nhà thơ đời vãng Đường (813-858 sau k.n.), trong bài « Kiệu-Nhi-thi » cũng có viết là con ông « hoặc chế Trương-Phi đen, hoặc cười Đặng-Ngại ăn. »

Dựa theo hai tài-liệu trên, chúng ta có thể thấy dưới đời Đường, những sự tích đời Tam-Quốc đã là những đề-tài của các « tiểu-thuyết thị-nhân », và đã được lưu-truyền khá rộng-rãi, thậm chí trẻ con cũng biết. Chúng ta chưa được xem những tiểu-thuyết thị-nhân đó bình-giá nhân-vật đời Tam-Quốc ra sao, nhưng chắc rằng ít nhiều gì Tam-Quốc Diễn-Nghĩa cũng đã

(1) Một loại ca-vũ kịch có chen thêm những lớp hài-hước.

chịu ảnh-hưởng của những mẫu chuyện bình-dân ấy.

Qua đời Tống và đời Nguyên, thương-nghiệp và thủ-công-nghiệp phát-triển mạnh-mẽ, các tầng lớp thị-dân ngày càng đông-đảo, do đó, nghệ-thuật « kể chuyện » và diễn-kịch ở các thành-thị hết sức phát-đạt. Theo lời người Tống, Mạnh-Nguyên-Lão chép trong Đông-Kinh Mạnh-Hoa-Lục thì chuyện « tam-phân » là một trong những đề-tài ăn khách nhất và Hoắc-Tứ-Cứu là một tay chuyện-môn kể chuyện ấy. Trong các sách « Đông-Pha chí-lâm », « Mộng-Lương-Lục », « Đô-Thành Kỷ-Thắng », « Túy Ông Đàm-Lục », « Vũ-Lâm Cựu-Sự », v.v... Tô-Đông-Pha đều có chép nhiều mẫu chuyện về Tam-Quốc Diễn-Nghĩa (1).

Năm Chí-Trị đời Nguyên (1321-1323), Ngu-Thị-Tân đã sưu-tầm tất cả những mẫu chuyện về Tam-Quốc lưu-truyền trong dân-gian từ mấy trăm năm qua mà đúc lại thành một bộ « Tam-Quốc chí bình-thoại ». Về tập-hí, theo « Minh-Đạo tập-hí » của Trương-Lợi, người đời Tống, thì trong « Bì-Anh-Hí » đương thời, đã thấy biểu-diễn sự tích đời Tam-Quốc. Trong viện-bản (tập hát) đời Kim, cũng đã có diễn những vở kịch về đời Tam-Quốc, như : Trương-Dương-Hội, mắng Lữ-Bố, Đại-Lưu-Bị, Xích-Bích áo binh, v. v... Dưới đời Nguyên, những vở kịch về Tam-Quốc lại càng nhiều. Không kể những vở đã thất lạc, hiện nay người ta còn thấy được

toàn bản tuồng « Liên - Huân - Kế », « Cách-giang dẫu-trí » (trong tập Nguyên-Khúc-tuyền) và « Quan-Đại-Vương đơn đao hội », « Gia-Cát-Lượng, Bát-Vọng thiêu đồn », « Quan - Trương song phó Tây-Thục mộng ». (trong tập « Nguyên-sách cồ-kim tập kịch tam thập chủng »).

Như vậy là trong vòng năm trăm năm, từ đời vãng Đường (thế-kỷ thứ IX) đến đời Nguyên (thế-kỷ thứ XIV), chuyện Tam-Quốc nhờ được dân-chúng kể đi kể lại, sáng tạo, và bồi-bổ thêm mãi, nên mới có được những sự-kIỆN và tình-tiết phong-phú làm tài-liệu cho bộ Tam-Quốc Diễn-Nghĩa của La-Tiên-Sinh sau này.



Đến đây, chúng ta thấy nảy ra hai vấn-đề cần phải giải-đáp là : tại sao nhân-dân hai đời Tống, Nguyên thích kể chuyện và hát tuồng Tam-Quốc và La-Quán-Trung tiên-sinh lại chọn đề-tài Tam-Quốc để viết thành diễn-nghĩa ?

Về điểm trên, Lỗ-Tấn tiên-sinh đã viết :
« ... người đời Đường nói chung thích
« viết thời-sự, còn người đời Tống lại
« ưa kể chuyện thời xưa... Đại khái là
« vì đời Đường ăn nói tương - đối được
« tự-do hơn, dù viết về thời - sự cũng
« không đến nỗi mắc họa ; nhưng đời
« Tống thì việc húy-kỵ ngày càng nhiều,
« văn-nhân muốn tránh tai - vạ, phải đi
« vào chuyện cồ... »

(còn tiếp)

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

(1) Trong Đông - Pha chí - lâm, Tô tiên - sinh viết : « Vương-Bành-Thường kể lại rằng trẻ nhỏ các đường phố và ngõ hẻm... ngồi nghe kể chuyện xưa, đến khi nghe kể tích Tam-Quốc, nghe Lưu-Huyền-Đức thua thì nhăn mặt nhíu mày, có dứa rơi-lệ, nghe Tào-Tháo thua thì mừng rỡ, reo hò ».

TRẢ LỜI CUỘC

PHÒNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

★ XVII.— LƯU-NGHI

Sinh năm 1924 ở Hội-an, tỉnh Quảng-nam, chuyên sáng-tác truyện ngắn, tạp văn, tùy bút, và phê-bình. Đã đăng tác-phẩm trên các báo : 1953 : Đời Mới, Nghệ Thuật; 1954 : Nguồn Sống Mới, Thời Báo; 1956, 57, 58 : Nhân Loại, Bách-Khoa.

Chủ trương nhà xuất bản Trùng-Dương (1958).

NHÂN CUỘC PHÒNG-VẤN VỀ TRUYỆN NGẮN CỦA BÁCH-KHOA
THỬ XÉT TRƯỜNG HỢP « BA CON CÁO » CỦA BÌNH-NGUYỄN-LỘC

TÔI hân-hạnh nhận được lời phòng-vấn của tạp-chí Bách-Khoa về vấn-đề truyện ngắn Việt-nam và quốc-tế. Nhưng, xin thú thật, tôi cũng hết sức băn-khoăn trước câu hỏi đã đặt ra. Vì mấy lẽ sau đây :

1— Vấn-đề đặt ra bao quát cả một không-gian và thời-gian mênh-mông quá (truyện ngắn Việt-nam và ngoại-quốc từ xưa đến nay).

2— Vấn-đề đặt ra lại giới-hạn về « truyện - ngắn ». Nhưng, thử hỏi : « Thế nào là một truyện ngắn ? »

3— Có thể phát-biểu một ý-kiến thật khách-quan về một truyện ngắn, cho rằng truyện ngắn ấy hay hơn tất cả những truyện ngắn khác không ?

Về lẽ thứ nhất, tôi xin nói thẳng rằng tôi không được đọc hết những truyện ngắn Việt và quốc-tế đã in trên giấy trắng mực đen từ trước đến nay.

Về lẽ thứ ba, tôi nghĩ : Có thể có nhiều truyện ngắn có giá-trị ngang nhau, nếu xét trên những quan-diểm khác nhau. Nói một cách khác, hai truyện ngắn có thể có một giá-trị tương-dương tùy theo hai quan-diểm tư-tưởng văn-học, chính-trị... của một người đọc. Thế làm thế nào phân định một cách dứt khoát rằng truyện ngắn nào có giá-trị tuyệt-đối, đối với truyện ngắn kia ? Thật là khó. Có lẽ người đặt ra câu hỏi cũng đã nhận thấy điều ấy, nên đã thêm vào một chữ : chữ *thích*. Vâng, với xác-dịnh ấy, có lẽ ngụ-ý thừa-nhận phần chủ-quan tuyệt-đối của người trả lời, thì có thể trả lời được. Vì không ai có thể buộc người đọc phải thích tác-phẩm này hoặc không nên thích tác-phẩm nọ. Vấn-đề cần-yếu là phải minh-giải sự « thích » của mình một cách đầy đủ và chính-xác về những khía cạnh tất yếu phải có của vấn-đề.

Về lẽ thứ hai : « Thế nào là một truyện ngắn ? » (1) tôi tưởng có thể viết dài cả một tập khảo-luận để đặt lại vấn đề này.

Nói rằng vấn đề này mới thì không đúng. Vì trong vòng một thế-kỷ nay, từ ngày những luồng tư-tưởng văn-học Âu-châu tràn vào nước ta, qua các cửa bể giao-thương, rồi dần dần bám sát vào đất đai và dân-tộc ta, theo cuộc xâm-chiếm quân-sự, chính-trị của người Pháp, nói riêng về văn xuôi, đã chịu nhiều ảnh-hưởng làm thay đổi cả hình-thức lẫn nội-dung. Xét về hình-thức, từ những bài hát — nói qua đến bài hịch bằng chữ Nôm thuần-túy, rồi đến những bài báo bằng văn xuôi, với cái hình-dáng của chữ La-tinh ghép thành (Nam-Phong, Đông-Dương tạp-chí), đã có những tiến-triển mau chóng và quyết-định. Đến khi Tự-lực văn-đoàn ra đời, chữ quốc-ngữ của ta đã bước vào thời-kỳ củng-cố địa-vị, và xác-định cả ngữ-vựng, lẫn ít nhiều mọo luật văn-phạm (tất-nhiên chịu ảnh-hưởng rất nhiều của văn-phạm Pháp). Sự diễn-đạt tư-tưởng bằng văn xuôi có nhiều hình-thức khác nhau, có nhiều lối khác nhau, có nhiều kỹ-thuật khác nhau. Nói tóm lại, dù ý-thức hay vô ý-thức, dù được xác-định hay không được xác-định, những kỹ-thuật, lẽ lối diễn-đạt tư-tưởng bằng văn xuôi cũng đã có từ lâu, trong đó, có cả kỹ-thuật viết truyện ngắn.

Còn nói rằng đây là vấn đề cũ thì cũng không đúng. Vì, dù rằng những lẽ lối, kỹ-thuật diễn-đạt tư-tưởng đã có từ lâu, và từ lâu chúng ta đã quen thấy và quen

(1) Về điểm này, các bạn có thể xem lại hai trả lời của Triều-Đầu đăng trong số trước.

nghe những danh-từ : truyện ngắn, tùy bút, bút ký..., nhưng thử hỏi đã có sự định-nghĩa và phân-tách một cách rõ ràng, đầy đủ và chu-đáo chưa ? Hình như chưa có thì phải, Nhưng, hãy tạm quên vấn đề này.

[...] Vậy điều cần giải-quyết trước tiên là phải xác-định những danh-từ : Thế văn, Loại văn, Lối văn cho đúng đã. Vì có sự mơ hồ, không đồng nhất như trên, nên tôi xin mạn phép phát-biểu ý-kiến như thế này :

Thế-văn : Có hai thế-văn là văn-văn và văn-xuôi. Vì văn-văn và văn-xuôi có hai hình thế (nếu có thế nói như vậy) khác biệt nhau ; nên gọi là thế.

Loại-văn : Dù trong văn-văn hay văn-xuôi, đều có thể miêu-tả, phê bình (rất ít trong văn-văn, nhưng vẫn có), thuật sự, đàm thoại (kịch thơ chẳng hạn), nên có thể gọi là Loại văn Miêu-tả, Thuật sự... Phê-bình, Đàm-thoại v.v...

Lối-văn : Muốn miêu-tả, thuật sự..., có thể viết nhiều cách, nhiều lối khác nhau : bằng lối truyện ngắn, tùy-bút, tạp-văn, bút ký v.v... Nên có thể gọi là Lối-văn truyện ngắn, tùy-bút, tạp văn v.v...

[...] Vậy, với quan-diểm về « Thế-văn, loại-văn, lối-văn », với quan-niệm về truyện ngắn trên đây, tôi thử xét :

Trường-hợp : truyện « Ba con cáo » của Bình-Nguyên-Lộc.

* *Thế-văn* : Văn-xuôi.

.. *Loại-văn* : Miêu-tả.

... *Lối-văn* : Truyện ngắn.

.... *Nhân-vật* : Một tên Sáu Sứu du-thủ du-thực, chuyên trộm cướp, lừa gạt để sinh sống. Một gái điếm già (không

chịu xưng tên) buôn xác thịt của mình để nuôi thân đến thân tàn ma dại. Một con chồn chuyên bắt trộm gà, vịt quanh xóm, lúc ban đêm.

Nội-dung : Hai con người và con vật ấy — ba con cáo — bị khinh-bị, ruồng bỏ bởi xã-hội, bị truy-nã gắt gao bởi pháp-luật và chó béc-rê, cùng sống giữa một khu nghĩa-địa, của đất thánh.

Mãi đến một ngày kia, tên Sáu Sứu « bán trời không mời thiên-lôi » ấy không cướp giựt của ai được một đồng nào. Cái thân tàn ma dại của cô gái điếm già không quyến rũ được nhân tình ; cả hai đều phải nhịn đói. Nhịn đói nhiều ngày quá, không chịu nổi, tên Sáu Sứu mới lừa dâm chết con chồn, trong một đêm chú chồn « xuất-quân » lòng gà, vịt. Đêm ấy, « hai con cáo đói ăn một con cáo no ». Ăn xong, cả hai con người bệ rạc ấy tỉnh hơn lên một chút. Qua sáng hôm sau, cô gái điếm già từ-giã Sáu Sứu, nói là đến với một nhân-tình, sẽ đem tiền về để hai người gượng sống thêm một thời-gian. Nhưng, cô gái điếm già kia đã trả ơn Sáu Sứu bằng cách mách cho Cảnh-sát đến bắt gả. Con chồn bị thịt Sáu Sứu bị bắt. Cô gái điếm già trở nên cô-quạnh giữa khu nghĩa-địa u buồn. Trong một đêm tối trời, gió lạnh, cô gái điếm già kia chợt cảm thấy cuộc đời của nàng quá nho-nhóp, dè-tiền, bước từ phần-bội này qua phần-bội khác... Nếu ôm mặt mà khóc, lăm-thăm khẩn-vái với Trời, Phật, với Chúa, « Ngày mai sẽ ra khỏi chốn này và ra khỏi vực đen của đời tôi ».

Khuynh-hướng : Tả chân xã-hội.

Truyện này đăng ở tạp chí Bách-Khoa, số 25-26, nhân Kỷ-niệm đệ nhất chu-niên của tờ báo (15-1-1958).

Qua năm năm gần đây, tôi được đọc khá nhiều truyện ngắn, đăng rải-rác khắp các báo chí xuất-bản tại Sài-gòn. Nhìn chung, tác-phẩm của Bình - Nguyên - Lộc mang nhiều màu sắc : Chuyện xã-hội có, chuyện tình-ái có, chuyện ma có..., hầu hết đều dựa trên ít nhiều sự kiện thật, hoặc rút-tĩa từ sanh-hoạt thực-tế trong đời sống hằng ngày.

[...] Nghĩa-địa là thế-giới của người chết. Dù người chết đã chết bằng cách nào đi nữa, chút thế-giới quanh quệ này vẫn được vị nể (vì sợ,) hoặc được tôn-kính (vì lòng thương). Nhưng đối với xã-hội loài người quá ư đông đảo, cần tranh nhau từng mảnh ánh-sáng mặt trời như loài cây cỏ, thì nghĩa-địa không còn cái vẻ thiêng-liêng ấy nữa. Người sống lẫn người chết, và mặc dầu có đau xót ít nhiều, họ vẫn cố đứng-dưng giẫm lên những gò má, dựng lên một căn nhà. Mặt đất trở thành một thứ mặt phẳng chia đôi hai chất vật-lý là đất và không-khí. Nhưng trong hai cái chất vật-lý ấy lại có chất nhân-sinh : chất sống và chất chết (chết theo nghĩa tương-đối).

Trong truyện ngắn này, chất sống và chất chết tựa hồ không biệt-lập hẳn với nhau. « Đây là chốn mà mộng đời bị cắt đứt nửa chừng, kẻ chết yên nghỉ thiên-thu, mà người sống cũng khó mong trở về với xã-hội bên ngoài ». Tên Sáu Sứu, và cô điếm già, tuy còn là những chất sống của cuộc đời, nhưng, cũng đã xem như những hình-hài bị trục-xuất ra khỏi cái thế-giới nóng ấm của loài người. Mĩa-mai, chua xót. Nhưng mà thật.

Chính cái tánh-chất thật ấy, — thật ở khung-cảnh, thật ở nhân-vật, ở sự việc có lẽ đã xảy ra hay có thể sẽ xảy ra,

thật ở lòng người, và thật ở một khía cạnh nhân-sinh đang đòi hỏi một sự giải-quyết cấp-bách : *ấy là vấn-đề cơm áo cho thể-xác và sự bình-an cho tâm-trí của cả loài người.*

Về bút pháp, Bình-Nguyên-Lộc viết truyện ngắn này thật bình-dị, nhẹ nhàng, có vẻ « thoát » hơn nhiều truyện khác. Nhưng, trong sự diễn-đạt tư-tưởng hay thể-hiện sự việc, nhiều chỗ thiếu những chữ, những câu chuyển-tiếp, nên tình-tiết có phần thiếu mạch-lạc.

Đề kết-thúc, tôi xin mở một cái dấu ngoặc nhỏ để nói rằng Ba Con Cáo chưa phải là một truyện ngắn thành-công hoàn-toàn trên mọi phương-diện. Về nội-dung : mặc dầu tác-giả đã cẩn-thận tạo nên một không-khí u tối và lạnh-lẽo của một đêm nghĩa-địa, đặt vào đó nhân-vật cuối cùng là cô gái điếm già suy-gảm về thân-phận của nàng, sự diễn biến tâm-lý « muốn cải ác hoàn-lương » của nhân-vật chán-chường, bệ rạc ấy quả là quá vội vàng, gượng ép. Không đủ yếu-tố hay va chạm tâm-lý để sự trở về với « bản-năng thiện » của cô điếm già kia có vẻ tự-nhiên hơn. Phải chăng Bình-Nguyên-Lộc muốn tạo cho tác-phẩm anh một chút màu sắc đạo-lý hoặc triết-lý — triết-lý của Mạnh-Tử trong bộ Tứ Thư (2) chẳng hạn ?

(2) Chắc tác-giả muốn nói : bộ Mạnh-Tử vì Tứ thư gồm có bốn bộ sách : Đại-học, Trung-dụng, Luận-ngữ và Mạnh-Tử. Mạnh-Tử chỉ là tác-giả bộ sau cùng, mang tên ông.

Viết đến đây, tôi tưởng cũng cần nói thêm một chi-tiết : ấy là khu nghĩa-địa này thuộc vùng đất Thánh của họ Cầu-kho, và những sự việc trong truyện ngắn này xảy ra trên đó, cạnh một cái nhà thờ. Nhà thờ vốn là cơ-sở của đạo-lý, là nơi đem lại sự bình-an cho con người tin-tưởng ở đấng Tối-Cao, là nơi sám-hối của những tâm-hồn tội lỗi. Thế mà ngay sát cạnh cái cơ-sở đạo-lý ấy lại xảy ra những chuyện hoàn-toàn phản đạo-lý. Tôi phân-vân tự hỏi : tác-giả có một ý-thức triết-lý nào trong sự-kiện đó không ? Điều này, tôi xin phép sẽ hỏi lại tác-giả sau. Thân hoặc, nếu có văn-hữu hay độc-giả nào tìm thấy cái ý-nghĩa sâu xa trong sự-kiện ấy, tôi mong được tiếp nhận ý-kiến. Riêng tôi, có cảm thấy mơ-hồ một gợn triết-lý về nhân-sinh thuộc phạm-vi « tinh-thần (esprit) của tác-phẩm » mà tôi không nói ra được.

Trường-hợp « Ba con cáo », riêng theo tôi, là một trường-hợp đặc-biệt, có một sức truyền-cảm khá mạnh nhờ ở « sức nặng » tạo thành bởi một nội-dung có ý-nghĩa sâu xa và một kỹ-thuật diễn-đạt chính-xác và tế-nhị. (3)

LƯU-NGHI

(3) Tiếc rằng tác-giả lại chấm-dứt bài tại đây, không cho chúng ta biết ông thích truyện ngắn quốc-tế nào nhất, cùng lí-do.



★ NGUYỄN-THỊ-VINH

Sanh năm 1924 tại Hà-dông (Bắc-Việt).

Tác-phẩm đầu tay là tập truyện ngắn, trong có nhiều truyện viết hồi còn ở Hồng-cong (1948-1952). Khi về nước có viết cho báo Tân Sanh (1953), Việt-Thanh (1953), Mới (1953-54).

Đã xuất bản: Hai chị em (truyện ngắn, 1953), Thương yêu (truyện dài, 1954), Xóm nghèo (truyện ngắn 1958). — Sắp xuất bản: Niềm tin (truyện ngắn), Cô Mai (truyện dài).

Hiện đang viết cho giai-phẩm « Văn hóa ngày nay » và giai-phẩm « Tân-phong ».

Hồi còn nhỏ, tôi rất yêu truyện ngắn của Thạch-Lam, Nguyễn-Tuân, Tô-Hoài. Và cho tới bây giờ, mỗi khi đọc lại, tôi vẫn còn thích. Ngoài cái thích về văn-chương, tôi còn có thêm cái thích vì nhớ lại những cảm-giác của tôi hồi nhỏ khi đọc các tác-giả kể trên. Vì các nhà văn ấy đã nói lên được những thắc mắc của tâm-hồn, và những phức-tạp của cuộc đời bằng những lời văn thực gọn gàng và giản dị.

Sau một thời-gian chiến-tranh, và khi ở Hồng-cong về cho tới bây giờ, tôi đã được đọc thêm nhiều tác-phẩm của các nhà văn mới. Nhưng tôi chỉ có thể trả lời anh rằng: tôi đã có nhiều vui thích và hy-vọng sau khi đọc. Còn truyện ai hay nhất thì vẫn xin chịu. Vì mỗi người đều có cái hay riêng.

Về truyện ngoại-quốc..., thấy anh hỏi mà ngại quá! Thế-giới mênh mông. Cái tầm mắt bé nhỏ của tôi, thú thực chỉ nhón vào nước mình không thôi, cũng chưa chắc đã thấu rõ, làm sao tôi dám nói đến Thế-giới.

Đề kết-luận, tôi lại phải mượn câu của Linh-Rào, rằng: « Tôi không trả lời vừa ý anh được, nếu cần phải giận thì xin cứ giận nhiều vào, khỏi khách khí gì cả ». (1)

NGUYỄN-THỊ-VINH

(1) Người đi phòng-văn có được vừa ý hay không, hoặc có giận ít nhiều gì, tưởng đó là việc rất là phụ thuộc, rất đòi riêng tư. Cái chánh là — theo ngu ý — bạn đọc có vừa ý, có giận chẳng, đó mới là điều mà tác-giả « Thương yêu » cũng như tác-giả « Gió Bắc », hai chị em... đề ý.

(Tất cả những chủ thích trong bài đều của Nguyễn-Ngu-Í)

KỶ SAU: Trọng-Miên và Đông-Hồ.

★ Lễ quý ở chỗ có đi có lại với nhau. (Lễ-Ký)

★ Mỗi người chúng ta đều tin tưởng là mình vẫn tôn-trọng nhân-phẩm của những kẻ cộng-tác với mình. Phàm ai có lòng nhân-dạo đều muốn tìm đối điều đó cả. Tuy nhiên, muốn giữ sự tôn-trọng đó đến cùng không phải dễ như nhiều người vẫn tưởng. Vì tôn-trọng nhân-phẩm của người dưới là biết quý báu họ như quý báu người trên mình vậy. (A. Carrard)

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TÒNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kể Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(Đăng từ B. K. số 59)

TRƯỚC khi nhường lời cho bạn Yã-Hạc Nguyễn-Văn-Trung định-nghĩa và cho thí dụ tiếp theo đoạn đầu đã đăng ở Bách-Khoa số 63, chúng tôi xin ghi lại ý-kiến của vài bạn về tiếng *ba-trợn* và danh-từ riêng *Bạc-liêu*.

Ba-trợn, anh bạn Đỗ-Tấn ở Huế định nghĩa trong số 54 : xỏ lá, ba que, không ra đầu vào đầu cả.

Một bạn đứng tuổi ở Sài-gòn cho biết : theo anh hiểu thì *ba-trợn* ở Nam có nghĩa : khó chịu ; nổi giận một cách bất-ngờ và vô-lí ; hay gây sự vì một cơ không đâu. « Anh này bữa nay *ba-trợn* rồi ! Hỏi anh đi đâu sớm vậy, mà anh đỏ mặt tía tai, rồi cho người ta một bài học xã-giao đích-dáng ! »

Một bạn khác, còn trẻ, góp ý : trong giới sinh-viên, *ba-trợn* lại có nghĩa là : ưa lí-sự ; thích cãi bướng ; lập-luận một cách kì-cục...

Xin nêu ra đề các bạn cùng rõ.

Còn về danh-từ *Bạc-liêu*, ông bạn Đào-Viên cho nó gốc Miên, chớ chẳng phải gốc Tàu ; ông còn đưa thêm một tỉ-dụ : Sốc-trắng. Chúng tôi xin đăng trọn thư ông bạn.

Bình-Nguyên-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í

« Bách-Khoa » số 63 ngày 15-8-59 đăng bài của ông Yã-Hạc Nguyễn-Văn-Trung cắt nghĩa danh-từ « *Bạc-liêu* » là « lều lơ-thơ ». Đề góp phần vào công-cuộc tìm hiểu và định-nghĩa « Danh-từ địa-phương », tôi trân-trọng cống-hiến độc-giả Bách-Khoa một thuyết khác mà tôi được nghe biết khi còn ở Sốc-trắng, nhưng chưa chắc có đúng hay không, còn chờ ý-kiến các bạn đọc xa gần vui lòng góp thêm.

« Như độc-giả cũng biết, miền Nam đất Việt mà đồng-bào ta sanh cơ lập nghiệp trên ba năm nay, lúc trước thuộc nước Chân-lạp : xứ Cam-bốt hiện thời, đất cao, nhiều trũng rầy, có tên là Lục Chân-lạp, còn Nam-Việt ta, nhiều sông rạch bưng-bàu nên gọi là Thủy Chân-lạp...

« Bởi thế cho nên nhiều danh-từ chỉ tên một vùng, một tỉnh, một quận của « Nam-kỳ Lục-tỉnh » xưa, chính là những danh-từ Miên mà người Nam đọc trại, như Sa-déc, Sốc-trắng, Bạc-liêu, Trà-vinh, Cà-mau, Ké-sách, Vaico, Bassac, v.v....

« Trở lại danh-từ Bạc-liêu.

« Theo lời một viên quan người Miên đã từng làm chủ-quận châu-thành Sốc-

trắng, thì Bắc-liêu vốn là hai chữ » **Pol Leo** » là « *Xóm Lèo* ».

« Tích như vậy :

« Thuở xưa, không biết cách đây mấy ngàn năm, có một hoàng-tử người Lào, mắc tội với vua cha, bị đày xuống miền Nam.

« Hoàng-tử mới đem gia-quyển nô-tì hướng về Nam đi mãi, đến Bắc-liêu hiện thời gặp biển liền trụ lại đó, cất nhà cửa, khai phá trồng-trọt, người Miên gọi xóm ấy là « **Pol Leo** » tức « *Xóm Lèo* », lần-lần người Việt ta (đến sau) nói trại thành Bắc-liêu, người thì gọi Bắc-liêu, hoặc Bạc-liêu, nhưng dưới thời ngoại-thuộc, trong văn-kiến hành-chánh thì viết là Bắc-liêu.



« *Danh-từ Sốc-trắng.*

« Do hai tiếng Miên « *Srok Kléang* » là « *lầm lúa* », hay « *xứ lầm* », vì xưa, nơi đó có cấy lầm lúa của vua Miên.

« Người Việt đọc trại thành Sốc-trắng, không có nghĩa chi hết. Đến khi vua Minh-Mạng xuống lệnh âm những tên tỉnh của ta bằng Hán-tự, thì quan ta lại tự-tiện đổi « *Sốc - trắng* » thành « *Sông - trắng* » rồi dịch ra chữ Nho là « *Nguyệt-giang* » ; Bến-tre thì gọi là Trú-giang...

« Còn nhiều danh-từ Miên được Việt-hóa và có nhiều cớ-tích hay hay trên giải đất Nam-Việt, chúng tôi sẽ đề-cập đến trong một dịp khác » [...]

ĐÀO - VIÊN

103, Trần-Quang-Khải
Sài-gòn



Gian ra : Xích ra, lui ra, mở trái ra (Huỳnh Tịnh Của)

Tiếng Bắc nói là *Gián*. Th. d.— *Xin anh em gián ra* (Nguyễn-Duyên-Niên, tự-diễn chính tả)

Ghiền : Nghiện. Th.d.— « *Ông lại len lén thấp và ốm như người ghiền á-phiện.* (B. N. L. Đồ đạc, 21)

— *Em có ghiền ngồi tiệm kem như chỉ đâu.* (B. N. L. Đồ đạc, 25)

Hàng bông : Trái - trắng, hoa quả (H. T. Của)

Hên-xui : May rủi. Do chữ Hán *Hưng suy* mà ra. Th. d.— *Trên xe [ô - tô - buýt] cũng có những hên - xui.* (B. N. L. Đồ đạc, 22). Viết *Hên* chắc là sai.

Hông chơn : Còn nói là *Hông giò* : Hụt chơn ; chơn đạp không tới nơi (H. T. Của) Ng b. Không chỗ cậy dựa. Th.d.— *Mình được đa số rồi, cho con Hoa và con Quả hồng giò!* (B. N. L. Đồ đạc, 24).

Hụi. Chơi hụi : Bắc gọi là *chơi họ* ; Trung gọi là *chơi biêu*. Th. d.— *Hốt chót ba đầu hụi lớn xong là ông Nam-Thành đi vắng nhà luôn* (B. N. L. Đồ đạc, 27).

Khỉ ho cò gáy : Nói về hoang dã, hoặc chỗ nào ít nhà cửa mà nhiều rừng bụi, gần như hoang vu, đến nỗi cư dân có thể nghe tiếng khỉ ho cò gáy.

T d.— *Còn ở đó cũng là chỗ khỉ ho cò gáy, chớ hơn gì.* (B. N. L. Đồ đạc, 24)

Loong-toong : (Ph. v. Planton) Tùy phái, tổng thư văn, thừa phát lại. Th.d.— *Không lẽ ba đi làm cho các xướng xây cất, hay làm lon - ton.* (B. N. L. Đồ đạc, 27).

Vì không phân biệt âm ON với OONG, nên người miền Nam viết lầm ra Lon-ton.

Số : Quá ; vượt qua một khoảng ngắn.

Thd.— *Tôi sẽ cho xe chạy lố một đoạn đường (...) Rồi tôi sẽ cho xe lui lại ngay nhà.* (B. N. L. Đồ đạc, 30).

Lơi : 1. Không săn chặt.

Th.d.— *Dây lơi* (H.T. Cửa).

2. Nói ra, bùng ra.

Thd.— *Lơi mồm :* Mồm dây lỏng lẻo, cột không chặt (H.T. Cửa).

3. Không khít sát với nhau, thừa.

Thd.— *Bây giờ tiếng súng hơi lơi* (B.N.L. Đồ đạc, 11).

Lu-bù : 1. Mờ mịt không ngó thấy đường, hoặc bởi sương hai mí mắt (H.T. Cửa).

Thd.— *Con mắt lu bù lờ lệt* (Génibrel).

2. Mơ hồ ; mập mờ không thể phân biệt rõ ràng.

Thd.— *Ông Nam-Thành bò lẹ vào buồng trong, nhìn một đồng con người lu bù tay chơn và đầu, rồi hỏi : « Có đứa nào làm sao không ? »* (B.N.L. Đồ đạc, 10).

Lụi-đụi : 1. Tiếng đánh dấm hoặc xô đầy mà té xuống, nghe ra nặng mà vùn (H. T. Cửa).

2. Lúng túng mãi không tiến lên được (Đ.V.Tập). Nghĩa này Nam Bắc không khác nhau.

Mắc-cở : Xấu hổ.

Thd.— *Bà mẹ tra nói đùa về vụ đó [hôn nhân], nên mấy cô con gái quen tại không mắc cở nữa và lấy đó làm đầu đề câu chuyện nhiều khi* (B.N.L. Đồ đạc, 25).

Ngay bon = Thẳng bon : 1. Thẳng rắng. Thường nói về dây giăng thẳng, đường thẳng (H.T. Cửa).

Đúng ngay bon : Rất trúng, không sai chạy một mảy nào, cũng như mũi tên bắn thẳng vào hồng tâm ở giữa tấm bia.

Thd.— *Những ngày khổi lửa sau cái đêm hãi hùng ấy trải qua như một cơn ác mộng. Rồi câu tục ngữ Pháp « Sau mưa thì nắng » sao mà nghe đúng ngay bon* (B. N.L. Đồ đạc, 14).

Ngheng : Do hai tiếng Nghe + Không nói rút lại, nếu viết *nghe* chắc là sai. Hãy so sánh với Phỏng < Phải + Không.

Thd.— *Con ơi, xuống đất nghe con !* (B.N.L. Đồ đạc, 10).

— *Nè, chúa nhật nào anh cũng lên nghe* (B.N.L. Đồ đạc, 22).

Ót : Cái gáy.

Thd.— *Nằm ót. Vết ót.*

Rội (động-từ). Thêm, đem thêm.

Thd.— *Rội thêm. Rội đồ ăn* (H.T.Cửa)

— *Hương ngồi gần bếp để bới cơm và rội thức ăn.* (B.N.L. Đồ đạc, 20)

Rua nhau : (Bonjour) Bắt tay chào nhau theo kiểu người Âu-châu (Phv. Dire bonjour à qq'un ; Se dire bonjour).

Sắn dĩa : Thôn quê (không biết đích xác Sắn do đâu mà ra, vốn là tiếng Nôm hay chữ Hán).

Tấu : (Thồ âm Triều-châu đọc chữ Đầu là Tấu) : Đẩu dùng đông gạo thóc, dung lượng là 10¹.

Tía-lia : Rất nhanh.

Thd.— *Quá và cả Hoa nữa, tuy nói tía lia, vẫn héo hơn lòng* (B. N. L. Đồ đạc, 31).

Tù-lu : Bộ mặt tròn, mặt quay (H.T. Cửa).

Thd. — *Bà Nam-Thành mấp tù-lu, ột-ệt ngồi dậy, bót đầu, bộ chăm rai như không việc gì..* (B.N.L. Đò dọc, 9)

Thường dùng chung với *tú-lú*.

Tù-lu tú-lú : Corps grossier (Génibrel, 418)

Thảo bạt : Bạt : Thảo xá dã. Khang-Hi) : Lều tranh, nhà lá. Ông Génibrel có ghi chữ *bạt* này và dịch : Maison en feuilles. Paillote. Có điều lại in lầm ra chữ *Bạt*, bộ thảo.

Thd. — Nhà [ông Nam-Thành] có ba buồng. Buồng ngoài là một cái thảo bạt, cất thêm mái hiên và cửa, vách, dùng tiếp khách... (B.N.L. Đò dọc, 10)

Trả giá : TB. Mà cả, mặc cả.

Thd. — [các quân-nhân] Tây nó mua rương, nhiều gấp ba mọi khi, mà không cần trả giá cho lắm (B.N.L. Đò dọc, 15)

Tranh cày : Khúc cây có vè, có mỏ, có thể mà tra lưỡi cày (H. T. Cửa). Đào - Văn - Tập giải - thích là *Diệp cày* (Tứ-diễn Việt-nam, tr. 636), nhưng theo Nguyễn-Duyên-Niên thì : *Diệp* : miếng sắt lắp trên lưỡi cày. Tự - diễn chính tả, 47). Xin thỉnh giáo cùng quý độc-giả người Bắc.

Trặc : T B. : Sái

Thd. — Té trặc tay.

Trồ mã : Còn nói là *Ra mã con gái* : Con gái đã có bóng, có vẻ lịch-sự (H. T. Cửa)

Thd. — Người con gái hăm bốn là cô Hoa đã bước gần tới lần cuối của sự trồ mã (B.N.L. Đò dọc, 21)

Trón : Đà.

Thd. — Lấy trón. Sẵn trón, Hết trón.

Được trón : Được sức đi tới, được thể, được nước (H.T.Cửa); được người ta phụ họa hay vào hùa ; được khuyến - khích.
Thd. — Cô Hương nổi lời cha bằng một vế chữ nôm (...) Rồi cả nhà cùng cười. Được trón, cô tiếp... (B.N.L. Đò dọc, 26)

Trưa trờ trưa trật : Đã trưa quá, quá buổi sớm rồi (H.T.Cửa); chữ *Trật* này chắc có nghĩa là *Trật ót*, ý nói mặt trời đã lên cao quá, đến nỗi ngó trật ót.

Vàm : Miệng sông rạch, chỗ vào sông rạch.

Thd. — Đâu ngoài vàm. Ra (ngoài) vàm. Vô vàm. Vàm sông, vàm xẻo. — **Thd.** « Em nhớ lại cái đêm họ đánh nhau ngoài vàm, em ghê quá ». Cô Quà nói là bị một cái tẩm-lức muợn ngắt đôi câu nói của cô. (B.N.L. Đò dọc, 13)

Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG

L. T. S. — *Bạn Bình-Nguyên-Lộc vì quá bận với nhà xuất bản « Bến-Nghé » và báo « Vui Sống » nên không thể tiếp tục phụ-trách mục này.*

Bởi vậy, bắt đầu từ kỳ sau, mục « Danh-từ địa-phương sẽ do hai bạn Yã-Hạc Nguyễn-Văn-Trung và Nguyễn-Ngu-Í đảm nhiệm.

Chúng tôi mong rằng bạn đọc sẽ không thất-vọng vì sự thay thế này.

ĐIỂM SÁCH

★ NGUYỄN-ANH-LINH

VĂN-HÓA nước nhà đang ở trong giai-đoạn giao-thời, nên không tránh nổi cảnh mập-mờ, hỗn-loạn: cơn khủng-hoảng trầm trọng đang diễn ra trước mắt ta hằng ngày, khiến những nhà hữu-trách đâm ra băn-khoăn, lo sợ.

Sách Triết-lý Văn-hóa khái-luận của ông Nguyễn-dăng-Thục xuất-bản giữa cơn biến động xao xuyến. Phải chăng đây là một cách giúp chúng ta suy nghĩ? Dù không nói lên, chúng ta cũng cảm thấy ước-vọng sâu xa và chính đáng của tác-giả: tác-giả băn-khoăn trước hiện-tình, trước con đường ngã ba, trước những ảnh-hưởng ngoại lai đang tràn ngập khắp nơi, làm cho nước nhà mất thể quân-bình: « Ngày nay từ thể quân-bình cố-hữu của văn-hóa nông-nghiệp, chúng ta bắt buộc phải tìm một thể quân-bình mới cho văn-hóa Việt-Nam ». (trang 112)



Hai chữ « Triết-lý Văn-hóa » làm cho ta nghĩ đến nguồn gốc và cứu-cánh của văn-hóa. Nhưng đọc xong sách, cảm-tưởng đầu tiên là tác-giả quá nhiều lời dè mắt liên-lạc giữa các tư-tưởng. Một điều không

Tác-phẩm : Triết-lý Văn-học khái-luận

Tác-giả : Nguyễn-Đăng-Thục

Nhà xuất-bản : Văn-hữu Á-châu



lấy làm lạ, là vì sách có hai phần, mà phần nhất gồm những bài diễn-văn từ năm 1951, 1952, 1953, 1954, gom góp và dàn xếp đề ý tứ ăn khớp với nhau. Dĩ-nhiên, đôi khi chúng không ăn khớp với nhau. Thuyết-trình ở nhiều nơi, tác-giả không tránh nổi sự lặp đi lặp lại: những bài « Ý thức hệ quốc-gia », « Hùng-vương với ý thức dân-tộc », « Thể quân-bình văn-hóa Việt-Nam » hầu như đồng một tư-tưởng.

Phần hai có hệ-thống chặt-chẽ hơn, nhưng ở đây tác-giả cũng lâm vào khuyết-diểm trên. Trong diễn-văn hay giảng-thuyết, lặp đi lặp lại là cần, để in sâu vào lòng thính-giả, nhưng cũng có thể làm cho ta nghĩ đến câu văn-phạm Latinh đã học xưa: Senior est loquacior...

Gấp sách lại, đọc-giả, nếu không còn nhớ gì, thì tối thiểu phải nhớ được hai câu, như hai khúc điệp:

Nam quốc sơn hà Nam Đế cư... (trang 39, 79, 85, 121, 128, 180.)

Linh khâm bảo hợp thái-hòa... (trang 17, 18, 190, 210, 210, 222, 224, 235).

Đôi khi chép sai cùng một đoạn: trang 245, tác-giả viết: « một nhà sư Nhật-bản

K. Nukariya nói về đạo thiền như sau :
« những kẻ thích gió trăng... nội-tâm của chúng ».

Một vị thiền sư Nhật còn nói rằng :
« Lá rụng hoa rơi... »

Ở trang 234, hai đoạn đó viết liền, đều là của K. Nukariya cả. In nhầm hay sơ suất của tác-giả ?

Trong « Thay lời tựa », tác-giả cho biết vẫn giữ đúng nguyên - văn các bài diễn-thuyết, « chỉ sửa bỏ đôi nét thuộc về thời thế », nhưng ở trang 90, nhận xét mỉa mai và lỗi thời của tác-giả chưa được sửa lại : « cứ như thế với thời-gian, và nghị-lực cuộc di-dân nếu không có điều cản trở thì hẳn còn đi xa hơn nữa và trên khoảng đất Đông - dương lấy Hoàn - sơn làm xương sống, chạy dọc theo bờ biển Thái-bình-dương, biết đâu Liên - hiệp Đông-dương đã không ra đời sớm hơn Liên- hiệp Pháp. »



Tôi chưa được hân-hạnh nghe tác-giả diễn-thuyết, nhưng chắc phải có nhiều tài hùng-biến lắm mới lôi kéo nổi thính-giả hay độc-giả vào những đề-tài trừu-tượng như « Triết-lý đi đến đâu ? » « Triết-lý xuất thế và nhập thế trong thi ca Việt-Nam ; » « Văn-ngệ Việt-Nam với triết-lý nghệ-thuật Phật-giáo ; » « chùa một cột với vũ-trụ quan Việt-Nam cổ-hữu ».

Dù sao, chúng ta thử tìm hiểu những tư - tưởng chính - yếu. Bài diễn-văn đầu tiên một phần nào đã vạch ý hướng chung : « Triết-lý đi đến đâu ? ». Trước chủ-tương « Vật sinh tâm » của Thạc-sĩ Trần-Đức-Thảo, ông Nguyễn-Đăng-Thực lên tiếng phản-đối : phát-triển ở lưu vực sông Hoàng-hà, tư-tưởng Đông-phương

« là một giòng triết-lý hành-động thống-quan vũ-trụ và nhân-sinh », quan-niệm thế-giới « như một nguồn sống bất - tuyệt « sinh-sinh », ngấm-ngấm biến-hóa thiên-hình vạn-trạng ». « Nếu vật sinh tâm, thì tâm cũng sinh vật, tâm vật chỉ là hai trạng-thái của một giòng sông biến-dịch » (trg 16-17). Nói đúng hơn, vật và tâm như hai xung đột, tương-khắc, nên không thể tương-sinh ; cần có một thực-thể lướt thắng mọi mâu-thuẫn mới có khả-năng sáng-tạo (trg 220).

Vạn-vật biến-hóa, nhưng biến-hóa theo một trật-tự, một « điều lý, một đại hòa điệu », do « Nguyên Lý Duy Nhất siêu nhiên, tối giản-dị chi-phối, điều động, bao trùm và thống-nhất (trg 17).

Nguyên lý đó, mà Lão-tử gọi là « Thường Đạo, Thường Danh », mà Khổng-tử liệt vào « Hình nhi thượng », kín-dáo ngự trong nhân - tâm. Tâm đây không phải là tâm (trg 36) trí hay tâm-tình, mà lại là một thực tại « Duy Tinh Duy nhất », ở tận đáy lòng ta và vũ-trụ, là một khả-năng sáng-tạo, bất-tuyệt, nâng đỡ vạn-vật ; nếu không, vạn-vật sẽ biến thành hư-vô.

Lý-tưởng của ta là mở rộng cõi lòng đến cái « Thiên-địa chi-tâm », đến « thực-thể Đại-đồng » và khi đó, ta sẽ đạt đến « quan-điểm toàn-diện quân-bình và thực tại » (trg 18).

Nhưng cần nói ngay, lý-trí chúng ta không thể hiểu biết thực thể đó, vì nó siêu-việt : « Biết của trí-thức không bằng yêu mà cảm thông, yêu không bằng vui với Đạo mà thực-hiện » (trg 23). Quan-niệm này hơi giống thuyết trực-giác của Bergson hay cách hiểu biết bằng tình yêu và đức tin của Thánh Gioan.

Theo tác-giả, cái tâm đại-dồng đó bất-biến, ở ngoài thời-gian và không gian, nên phải là điểm chung của Đông-phương và Tây-phương, là nơi gặp gỡ giữa Đông-Tây từ nguyên thủy, như loài người cũng đồng một thủy-tổ, như « các dân-tộc cùng gặp nhau ở ngọn cây, gốc rễ mà chỉ khác nhau ở khoảng giữa » (1).

Sau này, cách biệt là do ở hoàn-cảnh, khí-hậu : lục-dịa bát-ngát, mênh-mông, rừng núi rậm rạp, đồng ruộng xanh tươi, thì cái tâm đó biến thành « triết-lý hành-dộng lấy vạn-vật nhất thể làm trung-tâm điểm : không phân-ly đời sống tự-nhiên với đời sống đô-hội vật-thể, vì tất cả ý-nghĩa của đời sống thiết-thực là đồng-hóa dần dần các thể-lực tự-nhiên chứ không thắng đoạt. Đây là bản sắc của tinh-thần Đông-phương... » (trg 26 ; xem trg 37, 39, 50, 55, 110).

Nhưng khi sống ở các hải-đảo hay bán đảo, khi phải tranh-đấu với thiên-nhiên, vượt sông bể hải-hùng, thì « thực thể biểu-hiện ra triết-lý hành-dộng lấy Nhị-Nguyên đối-lập tương-tranh làm trung-tâm, đời sống đô-hội phân-ly tự-nhiên vì ý nghĩa đời sống đặt vào sự tranh-đấu chinh-phục các thể-lực tự-nhiên, một là tranh đoạt được quyền năng của Tạo-vật thì còn tồn tại, hai là để cho đào thải, phải bị tiêu-diệt » (trg 26)

Lập-trường thứ hai đã làm cho khoa-học Tây-phương tiến-bộ mãnh-liệt, nhưng Tây-phương đang lâm cơn khủng-hoảng vì thiếu tinh-thần, thiếu tâm-hồn (un supplément d'âme), như Bergson đã ý thức. Tây-phương như đứa trẻ bắn tên lên trời

rồi chạy ăn núp, sợ tên rơi vào đầu (Thibon).

« Làm chủ thể-lực ở ngoại-giới tự-nhiên là đáng phục, nhưng đáng phục hơn nữa là làm sao thắng phục được những thể-lực tự-nhiên ở thâm-tâm con người » (trg 27).

Tây-phương tìm những vị cứu-tinh ở những nhà kỹ-sư, bác-học, Đông-phương ở những vị thánh-hiền.

Nhưng phải chăng cơn khủng-hoảng của Tây-phương sẽ làm cho Đông-Tây tái-ngộ và tái-tạo một thế-giới thống-nhất ? Đó là hy-vọng của một nhân-loại đang trầm-luân bề khô...



Trong bài mở đầu của tác-giả, tiềm-tàng những mầm-mống tư-tưởng mà các bài sau chỉ triển khai, minh-chứng hay áp-dụng.

Đi tìm cá-tính tư-tưởng truyền-thống Việt-Nam, tác-giả phân biệt hạng người « xuất thế, vô vi và nhập thế, hữu vi », « nội hướng và ngoại hướng » theo danh-từ của tính-tình khoa (caractériologie). Văn-hóa Phật chủ về nội hướng vô vi, hướng về nguồn-gốc tâm linh, căn-bản phổ-biến của Tịnh. Văn-học Khổng thiên về ngoại hướng hữu vi, cốt thực-hiện đức nhân-ái ở hành động thực-tế xã-hội. Việt-Nam đã « dun-hòa » hai khuynh hướng đó, khuynh hướng chủ về « Thề », khuynh hướng chủ về « Dụng » (trg 31, 103, 128, 222) : đi về ngoại hướng, nhập vào hành-dộng ích-cực, thực-tế, như Bờm nhoẻn miệng cười trước nắm xôi của Phú-Ông. Thực-tế, nhưng luôn luôn hướng thượng : điều này đã được biểu-thị ở tư-tưởng văn-sĩ Việt-Nam.

(1) Les peuples se rejoignent par leurs sommets et par leurs racines et diffèrent par l'entre-deux.

Dựa vào đó, tác-giả đã có những cắt nghĩa thâm thúy về « Một mảnh tình riêng ta với ta » của Bà Huyện Thanh-Quan ; những cắt nghĩa mà thoát đầu ta ngỡ, vì khác cách trình bày thông thường của các giáo-sư Việt-văn. Một mình trước trời đất bao la, bất giác, Bà « nhập hóa với vũ-trụ thiên-nhiên mà nội-hướng vào cái điềm duy tình quy nhất ở tại chính trong « mảnh tình riêng » mà Bà cho là chân thật nhất, tồn tại nhất. Vì cái gì là thật chung quanh ta, chung quy chỉ là « ta với ta » nó không thay đổi. Chỉ có cái bản-ngã tâm-linh bất-biến của ta là chân thật hơn cả, cái chân thật nằm trong vũ-trụ hiện tượng, trời đất hữu hình » (trg 37).

Cũng như cách bình luận về Nguyễn-Công-Trứ : Sau khi tu thân, dưỡng khí, lập chí, cụ mới thả tâm-hồn vào vạn-vật để thực-hiện cái địa-vị chân-chính của mình trong cái hòa điệu của vũ-trụ. Như thế, Cụ đã ý thức có một bản-ngã tâm-linh vũ-trụ hết sức thân mật, (trg 224), đề rung động theo nhịp điệu vận hành có điều lý của vạn-vật.

Cũng như Trần-Thái-Tông làm vua 41 năm, sau khi dẹp xong giặc Nguyên, thì treo ngôi cho Anh Tông đề lên núi Yên-Tử, vào chùa, hoàn thành cuộc đời đầy đủ : nhập thế lẫn xuất thế ; luân lý lẫn chân-lý ; « xuất từ cửa Khổng, nhập vào cửa Phật » (trg 88, 104, 120).

Tác-giả cho đó là tinh-thần truyền-thống của nông dân và kẻ sĩ : hai hạng người đã « hòa đồng làm một nguồn suối bất tuyệt, lưu-thông, tràn ngập từ thảo mộc đến núi sông, đến non nước đầy vơi, đến nhật-nguyệt tuần-hoàn, một nguồn sinh-sinh của dân-tộc nông-nghiệp phối-hợp

với nhịp điệu vận hành của thời-tiết vũ-trụ » (trang 55, 129).

Tinh-thần xuất nhập thế kia, dân Việt đã ý thức được từ khởi thủy, với tục vẽ mình của thị-tộc Văn-Lang, để chứng tỏ ý-chí chung sống, tượng-trưng bằng một vật-tò (totems).

Vật-tò Tiên Rồng lại nhập vào xã-tắc khi đoàn-thể Văn-Lang bắt đầu định-cư vào Bắc-Việt. « Đức Linh của Vật-Tò, người mẹ chung bây giờ lại hiện vào hồn sông núi, vào giang-sơn, vào xã-tắc. Sông núi, đất đai không phải chỉ thực tại ở hình-thức bề ngoài mà còn mang ở bản thân nó linh-hồn của cả một dân-tộc » (trg. 62 ; xem 64, 67, 78, 93, 100).

Nên lòng ái-quốc Việt-nam là trạng-thái của tinh-thần gia-tộc và căn cứ vào vật-tò thiêng-liêng : người với vạn-vật phối-hợp, chưa phân. Dần dần lòng đó tập-trung vào giang-sơn, xã-tắc, vào chính-thể quân-chủ, vào các vị anh hùng dân-tộc : ái-quốc bấy giờ là trung-quân. Nhưng chữ Trung bao giờ cũng kèm với chữ Hiếu : « Mến Chúa » đi đôi với « thương nhà ».

Có thể nói tinh-thần gia-tộc là căn-bản trong tổ-chức xã-hội Việt-Nam ; nó trở nên như một tôn-giáo, một tôn-giáo tối cổ của nhân-loại mà người thì cho nguồn-gốc ở chỗ phụng thờ tổ-tiên, người thì bảo là ở chỗ thần thánh hóa những thế-lực tự nhiên.

Nhưng vì quanh ta mọi vật lớn nhỏ đều đóng vai trò trong cái hòa điệu đại-dồng, nên dân Việt, ngoài phận sự đối với gia-dình, làng nước, tổ-quốc, còn biết nghĩ đến thế-giới nhân-loại, đến cỏ cây, mây núi, vũ-trụ : « Lịch-sử chứng minh tinh-thần ái-

quốc của dân-tộc Việt-Nam không từng quên tình nhân-loại, và tình hiếu-chiến của dân Việt không từng quên tư-tưởng hòa-bình » (trg. 72).

Gia-tộc, quốc-gia, nhân-loại, đó là « ba phương-diện thực-hiện của một đức nhân, của một bản-ngã tâm-linh xã-hội đầy đủ, của một nhân-tính thực-hiện đến chỗ chí-thành của cái đạo nội thánh ngoại vương, lấy thiên-lý bên trong để làm chủ sự vật bên ngoài, hay là lấy bản ngã tâm-linh ở trên cái tình-cảm lẫn lý-trí thiên cận, tức là cái tâm thiên-địa để duy-nhất con người tình-cảm ý chí và lý-trí. » (trg. 74).

Những đức tính đó đưa lại cho văn-hóa Việt-Nam một sắc-thái đặc-biệt và theo tác-giả « sứ mệnh lịch-sử của dân-tộc phương Nam là sứ-mệnh văn - hóa » (trg. 125). « Văn-hóa là tất cả những gì của nhân loại để điều-hòa thích-ứng với hoàn-cảnh dặng sinh tồn », (trg 97, lặp lại trg 116), để cải-thiện con người về trí-thức và đạo-đức, cốt làm cho con người giữ địa-vị chủ động đối với ngoại vật và đối với mình (118). Đó là định-nghĩa « hết sức tổng-quát mà cũng hết sức xác thực của tư-tưởng cổ-truyền Á-đông, vốn đứng ở quan-điểm biến dịch để nhìn sự vật một cách hội thông, chứ không nhất diện, vụn vặt. » Văn-hóa như một cái cây « mà gốc rễ mọc sâu trong quá khứ truyền thống, ngọn thì vươn lên cái tương-lai vô cùng. » (trg 97).

Về toàn thể, thì văn-hóa của một xã-hội có tính cách bền vững, nhưng từng bộ phận một, thì nó có thể đổi thay. Vì thế, ở giai đoạn lịch-sử nhất định, nếu có sự quân-bình trong văn-hóa, trong cá-nhân, gia-đình, đoàn thể hay giữa xã-hội, thì

thời-đại đó là thời-đại thịnh-vượng. Thời-đại mất thế quân-bình là thời-đại suy-đổi.

Việt-Nam ngày nay như người thất cước, đang tìm một thế quân-bình mới. Việt-Nam vốn là một xã-hội nông-nghiệp « sinh-hoạt gắn gũi với thảo mộc, với thiên-nhiên, » sống với đồng ruộng, nặng về tình-cảm. Tiếp xúc với Tây-phương, ta đã đề cao vai trò lý-trí trong xã - hội công thương kỹ-nghệ, nên đã mất thế quân-bình giữa lý và tình, giữa cá-nhân và đoàn-thể, giữa « tình nhà, nợ nước ». Cá-nhân đã trở nên một thế lực độc tôn trơ - trọi ; nhân-loại đối lập với tự-nhiên thành hai thế lực thù địch không thể cộng tồn.

Đàng khác, giai cấp sĩ nông đã từng phân công hợp-tác, nhưng với xã-hội Âu Tây, trí-thức và cần-lao tách biệt, vì thế nền tảng nước nhà bị lung lay chuyển-động. Tác - giả đau đớn viết : « Thấy Tây-phương hùng-cường mà mình bị thua về máy móc, chúng ta tưởng có thể vội vàng mượn ngay vũ-lực cơ-giới để cũng trở nên hùng-cường. Đây là chúng ta chỉ bắt chước nơi ngọn. Sự thực cái cây cồ-thụ là tổ-quốc chúng ta đã bị mục nát ở tận gốc rễ. Quả nhiên, Trung-quốc Mãn Thanh với Việt-Nam cận-đại trong khoảng ngót một thế-kỷ nay ngoắc-ngỏi chỉ vì đã làm cái việc bỏ gốc cầu ngọn, «xã bản cầu mạt » (trg 102, 107) » : hình-thức bề ngoài, cái học từ chương vẫn được giữ, nhưng cái căn-bản, cái « học làm người » đã tiêu tan. Rồi cho rằng Đạo học không hợp với khoa-học ; muốn trở nên văn-minh, cần rũ sạch tàn tích văn-hóa cổ-truyền.

Nhưng nước Nhật đã làm cho ta hiểu có thể theo khoa-học Tây-phương mà vẫn giữ được đặc-tính của mình. « Và lạ

thay, chính họ xưa kia cũng là nước độc-nhất hưởng-ứng cái Tâm học của họ Vương, trong khi ở Trung-quốc thì ruồng-rẫy, mà Việt-Nam thì không ai để ý. Như thế đủ thấy rằng càng giữ được cái học tâm-linh thực-học cồ-truyền, thì càng mới có thể thâm hóa hiệu-nghiệm nền văn-hóa khoa-học Âu-Mỹ để hóa thành một nền văn-hóa phong-phú này nờ » (trg 109).

Vậy phương-pháp « dung-hòa » Đông Tây là gì ? Là trở về nguồn, nơi các dân-tộc gặp nhau, trở về cái Thực Thể tâm-linh, cái nhân-tính phổ-biến, cái đạo trời và đạo người đồng-nhất ở thế, cái trí-thức khoa-học với tình-cảm luân-lý tổng hợp làm một ở trung-tâm siêu thức của nhân-loại (110). « Là tìm cách cảm-thông với Đạo-Thể đến cái duy-tĩnh duy-nhất ở vũ-trụ, ở nhân-quần và ở tại chính bản thân mình ngược giòng về đến tận suối tâm-linh. » Và tác-giả kết-luận : « Ở quan-điểm Việt-Nam ngày nay chúng ta cần phải tin-tưởng vào tuyệt-đối. »

Do đó, Văn-hóa phương Nam đừng để chính-trị chi-phối : « Văn-hóa chính-trị chứ không phải chính-trị rồi mới văn-hóa hay lợi-dụng trí-thức gọi là văn-hóa để làm chính-trị ». Chính-trị đây không còn là hoạt-động công-ích mà chỉ là hoạt-động gia-đình, đảng phái, « che đậy cái bụng vị kỷ bằng một cái áo gấm chính-nghĩa », « coi thiên-hạ như của riêng một nhà, chỉ thân riêng cha mẹ mình, chỗ coi mình là con mà thôi : Thiên-hạ vi gia, độc thân kỳ thân, độc tử kỳ tử » — Khổng-tử. » (trg 121).



Tập hai bàn đến văn-nghệ, gồm một ít bài mới như : Lý-thuyết văn-nghệ ; Thăm-

mý văn-nghệ ; quan-niệm về cái đẹp ở Đông-phương và Tây-phương ; quan-niệm nghệ-thuật ở Đông-phương ; Lịch-trình tiến-hóa và lý-tưởng nghệ-thuật Âu-Tây ; tinh-thần lãng-mạn Đông-Tây. Những bài khác chỉ lặp lại ít nhiều tư-tưởng ở tập nhất.

Văn-nghệ được định-nghĩa như một « môn hoạt-động dùng văn-tự làm dụng-cụ của nghệ-thuật. Tác-dụng của nó là ở tại tình-cảm, tưởng-tượng và hứng-thú, chứ không phải do nơi tác-dụng của lý-trí ». (trg 142). Nhưng văn-chương cốt ở nghệ-thuật sáng-tác, ở khí văn, cũng như thi-phú cốt ở hồn thơ :

« Văn phi sơn thủy vô kỳ khí » (Trần-Bích-San).

Sơn thủy đây không phải là phong cảnh thiên-nhiên, mà cả là một vũ-trụ quan. Theo Á-đông, vạn sự biến đổi cho định-luật mâu-thuẫn của Âm Dương. Sơn thủy được coi như tượng-trưng cho Âm Dương, để điều hòa sự vật chuyển-động theo một nguyên-lý. Nên sơn thủy là hòa điệu linh-động : « Văn phi sơn thủy » là văn thiếu tinh-thần sáng-tác, thiếu tinh-thần hòa-điệu : đây cũng là tất cả ý-nghĩa uyên-thâm của « Thề non nước » (Tản-Đà) : nước non như đôi tình-nhân âu-yếm mà cứ phải rời nhau (trg 145, 221).

Quan-niệm đó cũng làm nổi bật những câu ca dao như :

« Công cha như núi Thái-sơn » (trg 190)...

Vì thế, « tác-phẩm văn-nghệ có quan-hệ mật-thiết với quan-niệm nhân-sinh vũ-trụ của tác-giả, tùy theo tác-giả quan-niệm cái đẹp như thế nào mà tác-phẩm thay đổi, cảnh vật biến hóa. Và nếu quan-niệm về cái đẹp ấy tác-giả phù hợp với hứng thú của

độc-giả, của nhân-dân, của thời-đại, thì tác-giả được hoan nghênh » (trg 147).

Nhưng phải chăng đẹp là cái gì ích lợi cho nhân-quần xã-hội (Socrate) hay là cái gì mang lại cho ta khoái cảm tinh-thần (Platon) ? Aristote chỉ công nhận đẹp là phải có « quy-định cân-đối và nhất-trí » : nghệ-sĩ thành-công ở chỗ mô phỏng tự nhiên, đi sát sự thực tả chân. Nhưng khi mô phỏng, nhà nghệ-thuật vẫn lý-tưởng hóa, nghĩa là một nghệ-phẩm ra đời gồm hai yếu-tố chủ-quan và khách-quan, vừa tình vừa cảnh :

«Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng»...

Ấn - độ lại đi xa hơn và chủ - trương nghệ thuật « diễn-tả chân-lý tâm-linh trong lòng người thực tại thâm thúy chứ không phù phiếm của sự-vật, lạc thú của Thượng-Đế trong thế-giới, vẻ đẹp và sức hấp dẫn của Ngài và sự biểu hiện của năng lực và của tinh lực thần linh ở trong tạo vật hiện tượng » (Aurobindo) (trg 164). Và chính cái lạc thú đó là nguồn cảm hứng sáng tạo văn nghệ (214). Tự trung, cái đẹp là một phương diện của Thượng-Đế, vì Mỹ, Thiện và Chân chỉ là những đức tính của Ngài và theo Tagore, vũ-trụ là một khúc hát của Thượng-Đế.

Trung-hoa vẫn cho rằng Người với Trời Đất là ba thế lực căn bản của cái hòa điệu Tam Tài, của một bản nhạc : « nhạc điệu vĩ đại thì cùng với trời đất cùng hòa : Đại nhạc dữ thiên địa đồng hòa » (Nhạc ký). Chân, Mỹ, Thiện là ba tên gọi của cái vũ-trụ vận-động có thứ tự, nhịp điệu, điều lý nhất định gọi là Đạo (169). Nhà nghệ thuật phải trở về nguồn mỹ cảm của trời đất để tới cái định lý của vạn vật, phải tu luyện tâm hồn bằng cái lý Sơn

Thủy, để tinh-thần nhập điệu thần hóa với vũ-trụ thiên-nhiên.

✱

Tinh-thần nghệ-thuật Việt-Nam nằm ở trong vũ-trụ quan của dân-tộc : vũ-trụ được tượng trưng bằng hình vuông và hình tròn. Trời tròn, đất vuông, cũng như ruộng và thời tiết : thời tiết luân chuyển có thứ tự để điều hòa sức nảy nở của thóc lúa trên mặt ruộng. Sự sống và sức sống đã được siêu nhiên hóa, mà Trung-hoa đã tiêu biểu bằng Hà-Đồ, Lạc-Thư, mà dân Việt đã đơn giản hóa bằng bánh giầy tròn, bánh chưng vuông. Vuông tròn vừa tượng hình trời đất, vừa tượng hình cha mẹ, tổ tiên, linh-hồn bất tử : « Trời là trời thời, tức là vòng thời tiết : Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liễm, Đông tàng, của bốn mùa trong một năm. Đất là đất lợi, những thửa ruộng vuông vẫn đem lại hoa lợi của lao công chân lấm tay bùn. Và người với linh-hồn bất tử cùng giang-sơn xã-tắc, với hồn nước linh thiêng đời kiếp nghiệp lai, cha truyền con nối đứng giữa thế-gian, đầu đội trời, chân đạp đất, đóng vai chủ động để thực-hiện thế quân-bình » (trg 189).

Vốn đa tình đa cảm, nhưng khác với phái lãng-mạn Tây-phương hay cùng quần thất-vọng, dân Việt biết phát-triển tình-cảm để đồng hóa với vạn-vật và từ chỗ tình cảm thấp hẹp của nhân-loại, biết mở rộng đến tính cách đại-đồng vũ-trụ, đến chỗ phổ biến bao la. Trước cảnh người yêu khuất bóng, ai lại không luyến tiếc đau thương, như Lamartine, nhưng « ở phương-diện duy-nhất đại-đồng, thì sự vật với ta mãi mãi cùng nhau không bao giờ tuyệt ; sao ta lại vẩn-vơ tiếc nhớ đau thương ? » Nghĩa là đừng vì « tình yêu ở người mà quên mất tình yêu ở Thượng-Đế » (trg. 210).

Đừng vì ích-kỷ, thú vui riêng tư mà quên cảm-thông với nguyên-lý vũ-trụ ; cần quay về nội-tâm mà thành thật vì đó là nguồn lạc thú vô hạn (Mạnh-Tử).

Do đó, Đông-phương không đứng đối-lập với vũ-trụ mà tin cả vào vũ-trụ, như đứa con tin vào lòng yêu vô bờ bến của mẹ hiền (trg. 219). Nếu đã vô tình tách ra khỏi toàn-thể, thì ta ý thức, giác ngộ, đề trở về thống-nhất với toàn-thể, « đề chí vào Đạo, dựa vào cái đức, nương vào lòng nhân-ái, vui với nghệ-thuật » (Khổng-Tử), đề đi đến bản-ngã tâm-linh vũ-trụ (Nguyễn-công-Trứ).

Nhưng bản-ngã tâm-linh đó là gì ? Phật học gọi là « tâm thức » (citta). Tâm thức vừa chỉ ý thức hay tinh-thần, vừa là yếu-tố bất biến bao hàm và thông suốt mọi sự, luôn luôn trường tồn. Tâm-thức là « bản thể chung cho thực tại nội-giới và ngoại-giới, tiểu vũ-trụ và đại vũ-trụ » (trg 243). Theo nghĩa này, thì tâm-thức giống như một nghệ-sĩ vì nó biểu hiện ra thiên-hình vạn-trạng nghiệp-quả (trg. 224. 229). Vì thế, bản-ngã cũng như nghệ-thuật phải luôn phát khởi và quy hướng về đó : nó làm cho ta quên tất cả cái gì nhỏ nhen, cho ta một tia sáng để thấy được cái siêu-nhiên bất-biến, không thể tả xiết, đưa ta đến cõi nguồn sự sống vô biên.

nhưng :

« Muốn đến bến cao siêu thoát tục

Hãy xem trước mặt trẻ còn thơ... » (235)

Trẻ còn thơ ám-chỉ tinh-thần tinh-khiết, chưa có mùi tục lụy :

« Gắn bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn... »

Ý nghĩa sống giữa trần-tục mà không mất thanh cao đã được biểu-thị bằng cái chùa một cột, nhìn xa như đóa hoa sen

giữa đầm. Huyền-Quang đã mượn ngôi chùa đó để diễn-tả trạng-thái tâm-lý thiền-định : người ngồi thiền-định đem tất cả năng-lực, chú ý của tinh-thần hướng vào nội tâm, như ngôi chùa yên lặng một mình. Ngoại giới hiện-tượng đều mờ dần. Tâm giới bình-tĩnh như mặt nước phẳng lặng. Mắt thần-thức sáng lên, triệt thấu thực-thể tâm-linh duy-nhất, và đạt đến bản-thể đại-dồng...

★

Những bài sau trình bày sơ-lược triết-lý Á-đông và nhất là Việt-Nam. Tác-giả với một mặc-cảm tự-tôn quá đáng đã đề-cao vai trò « dung-hòa » của Việt-Nam : « Chúng tôi dám bạo dạn mà quả-quyết là dân-tộc Việt-Nam có cá-tính tư-tưởng. Trải qua thời-gian và không-gian nó đã chịu ảnh-hưởng mạnh các nền tư-tưởng vĩ-dại của văn-hóa Trung-hoa và Ấn-độ. Nhưng ngấm-ngấm nó vẫn ý thức cá-tính của nó trong sự hăm hở thu hóa các tư-tưởng ngoại lai » (trg 39-40). « Dân-tộc Việt-Nam vốn có đức-tính thông-minh linh-lợi và cần cù hiếu học xưa nay, có đủ tư-cách điều-hòa các khuynh-hướng văn-hóa mâu-thuẫn xung-đột như lịch-sử đã chứng-minh một cách hùng hồn... Lịch-sử mấy ngàn năm của dân-tộc này là lịch-sử dung-hòa của hai nền văn-hóa cổ kính Á-đông, văn-hóa Phật với văn-hóa Khổng... » (trg 103). « Chính nhờ ở cái học tâm thông đạo thể ấy mà ở xã-hội nông-nghiệp Việt-Nam xưa người ta đã tìm thấy thể quân-bình văn-hóa, quân-bình giữa xã-hội với thiên-nhiên, giữa cá-nhân với đoàn thể, giữa tâm với vật, giữa tình-cảm với lý-trí, quân-bình căn-cứ vào nguyên-lý siêu nhiên. Bởi vì thừa ấy dân-tộc Việt đã trở về được nguồn

sống là nguồn sống của « Tam giáo đồng nhất », cho nên đã bao trùm được các phương-diện mâu-thuân khác nhau của các khuynh-hướng văn-hóa du-nhập. Cái bí-quyết của sự dung-hòa các tư-tưởng khác nhau để tìm lấy nguồn sinh-lực sáng tác, không để rơi vào thông bệnh triết trung của hình thức bề ngoài (éclectisme), khiến cho ta mất cá-tính mà không còn sinh khí, ấy là tìm cách cảm-thông tới đạo thể đến cái duy-tinh duy-nhất ở vũ-trụ, ở nhân-quần và ở tại chính bản thân mình ngược dòng về đến tận suối tâm-linh » (111...).

Những dòng đó nếu do người ngoại-quốc viết tất sẽ làm chúng ta cảm-động. Nhưng thái-độ tự mình tăng bốc mình quá đáng, không khỏi làm cho người đọc hoài nghi.

Ở giữa nước Trung-hoa và Ấn-độ, Việt-Nam đã nhập nhiễm hai văn-hóa đó. Nhưng nói đến « dung hòa » là nói đến một tổng hợp; là lướt thắng mọi mâu-thuân do hai văn-hóa mẹ gây nên để xây dựng một văn-hóa mới, đặc-sắc, như nước là tổng hợp dưỡng-khí và khinh-khí. Nếu không, chỉ là một tổng cộng, một hỗn-hợp, một pha trộn, thiếu bản thể duy-nhất, khác nào một đồng tro tàn trước gió... Dung hòa là triết thấu văn-hóa Hoa-Ấn với những khuyết-diễm và ưu-diễm để tạo nên một căn-bản mới: đó không phải là công cuộc của một người, hay của một thời-dại, mà trái lại là của mọi người, mọi thời-dại, của quá khứ, cũng như hiện tại và tương-lai. Sao lại có thể bảo cuộc dung hòa đã thành tựu? Nếu có thể quân-bình, thì cũng là một thể quân-bình bấp-bênh. Dù có những yếu tố bất dịch, nó vẫn phải luôn luôn thích ứng với thời cuộc: tổng hợp sẽ trở nên chủ đề; phần đề sẽ xuất-hiện,

để đi đến một tổng hợp khác. Nền chúng ta dùng vội thương nhớ hay luyến tiếc « Hoàng-Kim thời-dại, » nếu thực sự đã có hoàng kim thời-dại!

Lịch-sử văn-hóa Việt-Nam đã có cuộc dung hòa đó chưa? Thành thực, chúng ta phải thú nhận Việt-Nam bao dung hơn là dung hòa. Bao dung là vui vẻ đón nhận tất cả mọi ảnh-hưởng ngoại lai mà chưa có dịp, hay chưa cần, hay chưa có ý-thức tổng kết chung để tạo nên một thể kiên-cố duy-nhất. Nếu Việt-Nam về mặt triết-học đã dung hòa được văn-hóa Hoa-Ấn, như tác-giả chủ trương, thì sớm chầy, nó sẽ phải tiết-lộ ra ngoài ít ra ở cách kiến-trúc, là cái tiêu-biểu nhất của tâm-hồn suy tưởng... Rồi, người Việt chúng ta không tha-thiết mấy với nguyên-tắc, học thuyết, mà chỉ lưu tâm đến luân-lý.

Đàng khác, dung hòa cũng chưa chắc là phải trở về nguồn: xa cách nguồn suối đã sản sinh ra mình, các sông ngòi đâm ra dơ bẩn và muốn uống nước trong phải trở về « đến tận suối tâm-linh ». Còn dung hòa là phát-minh, là xây dựng: tiếp xúc với nguồn suối như một tài-liệu để kiến-thiết, chứ không để an hưởng.

Học thuyết Á-Đông do tác-giả giải bày, tôi xin tạm gọi là chủ nghĩa « Hiện sinh phiếm thần » (Panthéisme existentialiste). Nó vốn làm say mê nhân-loại từ thuở xưa và hiện còn làm say mê biết bao nhiêu người: phái lãng-mạn hay phái tượng-trưng, sở dĩ có ảnh-hưởng sâu rộng trong quần chúng, cũng vì bắt nguồn ở chủ nghĩa phiếm thần, không nhiều thì ít. Cũng là một thuyết rất gần với sự thực, nếu giải quyết nổi những vấn nạn sau đây.

Trong vạn-vật đồng nhất thể, cái thể đó là gì? Tác-giả trích câu của Tagore:

« Chúng ta thật có gặp gỡ Thượng-Đế chừng nào chúng ta đi đến Ngài với tâm hồn kính dâng, phụng sự chứ không phải với những nhu-cầu. Và cái chuyên chở những vật kính dâng ấy là nghệ thuật ». (trg 165). Còn Đức Phật thì sao ? Phật giáo có tin đến Đấng Tối-cao không ? Hay chính Đức Phật là Đấng Tối-cao ? « Tinh thần tham gia thấu triệt đến cái chân tướng của mọi lẽ phải trái rút cục cũng ngang nhau bình đẳng. Mà con mắt hiển sinh của Đức Phật từ-bi bác-ái nhìn xem thiên-đường địa-ngục hay Ma Cung Phật Quốc chỉ là hai phương-diện của một thực thể tâm-linh của Phật tính... Phật tức tâm, tâm tức Phật » (trg 244, lặp lại trg 250).

Tâm đó là gì ? Phải chăng « là một cái đại-đồng tính-biểu thị đặc-biệt mà người ta chỉ có thể hiểu bằng kinh nghiệm .. Cái giống miên tục tính ấy cũng là Citta (tâm thức). Nó là nguồn của ý thức bất thường, thay đổi, hạn định và thành hiện như thực nghiệm đã chứng minh... Tâm thức để ra tất cả những sự khác nhau ở tất cả các vật thể ». (trg 227, 228, 229).

Vị Thượng-Đế đó phải chăng là Lý, là Đạo, là Trời, Hóa-công, Hóa-nhi, Nhạc-Công của Trung-hoa ? Các nhà triết-học phân vân, không dám quyết. Tác-giả bình-tĩnh cho là giống nhau, ở nguyên thủy : « Văn-nghệ-sĩ Việt-Nam tin có trời, có vũ-trụ, nhưng không phải tin là một vật trừu-tượng của danh-từ, Vũ-trụ đối với chúng ta không những dẫn dụ ta về đạo-lý cao cả của con người hành-động trong nhân-sinh đối với gia-đình, đối với tồ-quốc, đối với nhân-loại thiên hạ, mà vũ-trụ đối với chúng ta còn có tính cách thâm trầm về nghệ-thuật. Vũ-trụ là cả một bản nhạc vĩ-dại vô cùng !

Và nhạc-sĩ ấy là Hóa-công, Thượng-đế !... » (trg 217, 218).

Tin vào một Đấng mà lý-trí khó bề thấu triệt, thì sao lại có thể đem lòng yêu thương tha-thiết ? Biết đâu vì thế mà chính Đấng đó đã tự mặc khải, tiết lộ mình cho nhân-loại, như một Đấng vừa nội tại vừa trác tuyệt (immanent et transcendant). Quá nhấn mạnh hay chỉ biết có phương-diện nội-tại e rằng sẽ đưa ta đến phiếm-thần.



Thuyết phiếm-thần cũng không giải-quyết được vấn-đề bản-vị. Ở đây cần phân biệt bản-vị (personne), nhân-vị (personne humaine) và cá-nhân (individu). Nhiều lần, tác-giả đã kích rất đúng chủ-nghĩa cá-nhân đang hoành hành ở Tây-phương. Nhưng về nhân-vị, bản-ngã, tác-giả viết : « Ta cũng chỉ là con hát của hàng hà sa số con hát trong vũ-trụ. Ta chỉ biết đóng trò theo sứ-mệnh của ta cho đến khi ta giác-ngộ là không có ta mà chỉ có ý-chí của tạo-hóa xui khiến mà thôi... Đến đây là sẽ ý-thức vũ-trụ với ta là một... trước sau ta vẫn đứng trong vũ-trụ để thực hiện bản-ngã vô-biên vũ-trụ thái-hòa... » (trg 220). « Loài người chẳng qua như một hạt cát trong sa-mạc, một giọt nước trong đại-dương, một phần tử trong Đại-thể, mà sớm chầy cát lại trở về với cát, nước lại trở về với bể, phần-tử lại nhập vào toàn-thể, thì mới mong tồn tại trường-cửu » (trg 211).

Tác-giả nghiêng về thuyết vô ngã trong Phật-giáo : « Chính đây là đặc-tính của nghệ-thuật Phật vì nó cũng giống như triết-học Phật, cần đưa ta ra khỏi cái vòng vô thường, vô ngã đến chỗ Phật tính của vũ-trụ, của Niết Bàn » (trg 230). « Chúng ta ở Đông-phương không cần đi vào chi-

tiết và phóng đại-chúng, vì rằng cái vật quan-trọng hơn hết là cái tâm-hồn đại-dồng mà các nhà hiền-triết Đông-phương đã trầm-tư mặc-niệm »... (trg 234).

Thiết-tưởng trong nhân-vị có hai trào lưu cần được duy trì : vừa quy tâm vừa ly tâm. Quy về mình để làm nảy nở khả-năng của mình, hướng về người để tăng-cường nhân-phẩm : trong khúc hòa nhạc, trong bài hòa âm, mỗi dấu phải hết sức giữ vững địa-vị mình, thì khúc nhạc, bài hát mới duy nhất, dịu dàng. Nghĩa là nhân-vị vừa chỉ bản-ngã, vừa chỉ phần-tử của một đoàn-thể : quá đề cao « cái tâm đại-dồng », « cái toàn-thể tâm-linh » sẽ làm cho bản ngã bị phai nhạt lu mờ, nếu không hủy diệt, và đồng-thời cái toàn-thể tâm-linh cũng không còn lý do tồn tại.

Chính vì con người bị chìm đắm trong vũ-trụ mà khoa-học ở Á-đông phần nào bị ngừng trệ. Dĩ-nhiên, thi-sĩ muốn có nguồn hứng sâu xa cần « đồng nhất với vũ-trụ, lặn chìm trong vũ-trụ » (219) và khoa-học cần được chút tình yêu, thì các bệnh-viện hay trại lính đỡ bất nhân, buồn tẻ, thì con người đỡ bị khinh-miệt. Đúng như tác-giả nói, con người toàn-diện « đầy đủ phải được thỏa-mãn về cả ha tác-dụng của một cái tâm là lý-trí, tình-cảm và ý-chí » (trg 252).

Cần thuần-hóa (humaniser) khoa-học, vâng. Nhưng thuần-hóa đến mức nào ? Quá chủ-quan trong khoa-học sẽ có hại cho khoa-học, nếu không phải là hủy-diệt khoa-học : khoa-học không thể không « tìm phổ-biến và xếp hạng » (trg 233).

« Tây-phương có thể tin vào linh-hồn của nhân-loại, nhưng nó không thực tin rằng vũ-trụ có một tâm-hồn ; vậy mà đây

là tin-tưởng của Phương Đông và tất cả sự cống-hiến về đường tinh-thần của Đông-phương cho nhân-loại thì tràn ngập với cái ý tưởng ấy vậy... » (trg 233)

Ở đây thiết-tưởng cũng nên phân-biệt : về triết-học, ai cũng nhớ đến Spinoza... Về văn-học, phái lãng-mạn Đông-Tây hầu tin như nhau. Tác-giả ám-chỉ văn-học sử Pháp, nói đến « Le Lac » của Lamartine (trg 205) mà không nghĩ đến « Le Vallon » :

« Mais la nature est là qui t'invite et qui t'aime.

Plonge-toi dans son sein qu'elle t'ouvre toujours...

hay « La Prière », « l'Immortalité ».

« Salut principe et fin de toi-même et du monde !... »

Objets inanimés, avez-vous donc une âme.

Qui s'attache à notre âme et la force d'aimer... »

Về khoa-học, Tây-phương coi thiên-nhiên như một « di ghẻ ác-nghiệt » (Ô Vrayment marastre nature : Ronsard) hay như « một nắm mồ lạnh lẽo » :

« On me dit une mère, et je suis une tombe,

Vivez, froide nature et revivez sans cesse... » (Vigny)

Đó là đặc-sắc của Tây-phương, một di sản của Thiên-Chúa Giáo. Từ nguyên thủy, đạo này đã chống lại thuyết phiếm-thần dưới bất cứ hình-thức nào. Nhờ đó mà con người Tây-phương không đồng-hóa với vũ-trụ mà đã đứng đối-lập : đối-lập để chinh-phục và lướt thắng vạn-vật. Đều rồi đối-lập với cả Thượng-Đế... Nhưng đây là cái đà của chủ-nghĩa cá-nhân, vị kỷ, chứ không phải là lỗi ở khoa-học, kỹ-thuật, vì khoa-

ĐIỀM SÁCH

học kỹ-thuật cũng có một nhân-bản, diềm mà tác-giả chừng như không lưu ý tới. Bergson chủ-tương cần đem lại cho Tây-phương một tinh-thần, một linh-hồn, thì Tây-phương đây là con người Tây-phương chứ không phải là khoa-học Tây-phương. Làm thế nào để Tây-phương biết sử-dụng khoa-học Tây-phương đã phát-minh.

Phải chăng vì không lưu ý đến nhân-bản của khoa-học, nên tác-giả đã viết : « So nghệ-thuật tấm hình của nhà nhiếp-ảnh với nghệ-thuật của họa-sĩ vẽ nên một nhân-vật, không ai bảo nhà nhiếp-ảnh có một nghệ-thuật cao hơn nhà họa-sĩ. Sở dĩ người ta đề cao giá-trị nghệ-thuật bức họa của họa-sĩ hơn tấm hình của nhà nhiếp-ảnh là vì họa-sĩ đã thêm cái gì của mình vào sự vật tự-nhiên, đã có công phu, nghệ-thuật hóa của tinh-thần, chứ không phải chỉ có công mô phỏng mà thôi... » (trg 156).

Chắc hẳn các nhà nhiếp-ảnh bất-đồng ý-kiến, vì ngày nay nhiếp-ảnh trở nên một khoa-học kỹ-thuật. Chúng ta đã biết chuyện

bức hình Churchill do Joussouf Karsh chụp năm 1941, được rửa ra một triệu tấm, và chính bức hình đó một phần nào đã làm cho nước Anh và thế-giới tự-do quyết-chiến... Mỗi tấm hình mà nhà nhiếp-ảnh trên đây chụp trị giá 210.000 quan Phạt-lăng !



Đúng như tác-giả nói : Sứ-mệnh của Việt-Nam là sứ mệnh văn-hóa. Sách « Triết-lý văn-hóa khái-luận » cổ vạch một con đường bắt nguồn từ nguyên thủy và tác-giả đã trình bày con đường đó với tất cả tâm-hồn, với nhiều tư-tưởng sâu xa và đã nhiều phen làm cho ta rung động, cảm-phục.

Nhưng liệu con đường đó, chúng ta có thể theo được chăng để chu toàn sứ mệnh ?

« Ở quan-diềm Việt-Nam ngày nay, lời tác-giả — chúng ta cần phải tin-tưởng vào Tuyệt-Đối. » Nhưng tuyệt-đối phải thế nào mới thỏa-mãn những nhu-cầu hiện-dại ?

NGUYỄN-ANH-LINH

THƠ DỊCH

Hoài thượng biệt cố nhân

Dương tử giang đầu dương liễu xuân
Đương hoa sầu sát độ giang
nhân

Sở thanh phong địch li đình vân
Quân hướng Tiêu-tương, ngã hướng
Tần

TRỊNH-CỐC

Biệt cố-nhân trên sông Hoài

*Bến Dương, dương liễu xuân tươi,
Hoa dương buồn chết lòng người
sang sông ;*

*Li-đình sáo vắng thu không,
Mây Tần, sóng Sở (1) vời trông
hai người...*

GIẢN-CHI dịch

(1) Tiêu-tương thuộc đất Sở.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-lộ* NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Bureau de Représentation

HONGKONG

8/8 *A Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box n° 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ibadan (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

« TÔI ĐÓNG PHIM TẠI PHÁP »

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

(Tiếp theo B.K. số 65)

Ngày đầu tiên tại phim trường Epinay

« Mời ông đến phim trường Epinay sáng thứ năm vào lúc 12 giờ trưa. Quay phim « *La rivière des trois jonques* » (*Trên sông có ba chiếc thuyền*) ».

Tôi đi vắng luôn, họ gọi điện thoại không gặp nên gọi cho tôi điện tín hẹn ngày đóng phim.

Tôi hơi ngạc-nhiên vì họ bảo tôi đến lúc 12 giờ trưa. Bên Anh, kịch-sĩ bắt đầu làm việc từ 8 giờ sáng. Đến 5 giờ chiều là họ xong công việc. Bên Pháp bắt đầu làm việc vào lúc 12 giờ trưa, đến chiều 8 giờ mới xong. Giờ làm việc sắp đặt như thế tại các nhà sản-xuất phim phải tùy kịch-sĩ. Có nhiều kịch-sĩ ban ngày đóng phim, ban đêm đóng tuồng trên sân khấu mấy rạp hát ao. Bên Anh, buổi hát bắt đầu từ 7 giờ rưỡi và đến 10 giờ rưỡi đêm là văn hát kịch-sĩ về nhà bắt đầu ngủ từ 12 giờ thì sáng có thể dậy 6 giờ rưỡi hay 7 giờ để quay phim. Bên Pháp, buổi hát thường bắt đầu 8 giờ rưỡi hay 9 giờ và 11 giờ rưỡi hay 12 giờ khuya mới xong. Đi ăn uống về nhà đến một hai giờ sáng. — Thành ra phải để cho họ ngủ giấc sáng. — Thỉnh-thoảng họ cũng làm việc buổi sáng, nhưng thường thì các phim trường bắt đầu làm việc từ 12 giờ.

Epinay ở vùng ngoại ô Ba-lê phía Bắc. Từ Porte de Clichy hay Porte de Clignan-

court (Cờ-li-nhăng-cua) có xe ô-tô-buýt đi đến Epinay (số 138 từ Clichy, số 254 từ Clignancourt). Tôi ở tận miền Nam Ba-lê đi từ nhà tôi đến Epinay, mất gần 2 giờ đồng hồ. Sáng sớm, tôi ăn thật nhiều như người Anh, rồi đi xe ô-tô-buýt vào Epinay. Bên Pháp, phim trường Epinay thuộc vào cỡ nhỏ, không sánh được với phim trường Boulogne hay Nice, nhưng cũng có 4, 5 sân khấu. Phòng cho kịch-sĩ không rộng rãi bằng phòng của phim trường Pinewood. Tại công, có người gác chỉ cho tôi đến một ngôi nhà cách đó không xa. Tôi đến hỏi thăm phòng của tôi, họ bảo chỉ có phòng riêng cho những đào kép chánh, còn các vai phụ thì tùy theo có phòng trống hay không. Tôi tỏ vẻ bức mình họ dẫn tôi đi qua một dãy phòng của các « fi-guy-răng », tìm không được một phòng trống. Sau cùng họ dẫn tôi đến phòng dành riêng cho cô Chantal (Săng-tan) người « doublure » (1) cho cô đào chánh Dominique Wilms (Đô-mi-nich - Uim-zơ). Hôm nay không phải phiên Dominique Wilms quay thành ra cô Chantal không đến nên phòng cô trống.

(1) Mấy đào kép chánh chỉ ra đóng tuồng khi nào quay thật. Lúc thử ánh sáng người « doublure » phải ra đứng cho nhà nhiếp ảnh đo ánh sáng. Người « doublure » phải cao bằng người đào kép chánh mà họ đứng thế, cùng một màu tóc, màu mắt, để nhà nhiếp ảnh có thể thử ánh-sáng cho đúng mà quay phim màu.

Phòng này không được rộng lắm lối ba thước bề dài, hai thước rưỡi bề ngang. Trong phòng, bước vào phía tay mặt có một tủ treo quần áo, bên trái có bàn phấn, có chỗ rửa mặt. Trong phòng có một ghế bành nhỏ và một cái đi-văng (divan). Vậy cũng tạm yên. Chỉ cần có một chỗ thay quần áo và nằm nghỉ lưng mấy lúc họ ngừng quay.

Vào thay đồ, mới thấy họ chưa may cái lon bạc trên vai và trên ngực chưa có dấu hiệu huy-chương.

Hỏi thăm chỗ làm việc của người lo quần áo, họ chỉ tôi lên tầng thứ nhứt. Một bà béo tròn, đang quay mòng mòng trong một căn phòng đầy quần áo. Bà than phiền rằng trong này không có trật tự. Một mình bà phải lo quần áo cho đạo kép chánh, phải giặt, ủi để lúc họ đóng máy xen « raccord » (2) (rắc-co) người khán-giả không thấy rằng đoạn phim ấy quay trong nhiều ngày khác nhau. Sáng nay bà vừa phải kết nút vào áo cho ông đóng vai người Trung-hoa bán đồ cồ, kết nút cho mấy áo lính, làm việc túi bụi mà chưa xong. Nói với ai, bà thường quen miệng gọi « mon petit » (như người Việt gọi con) « Lại đây con, xong cái nút rồi ; mặc thử nếu không vừa đem tôi kết lại cho. » Thấy bà vừa may vừa nói luôn miệng, công việc bà chưa xong tôi ngại không muốn đem thêm việc cho bà. Nhưng không làm sao khác được cả.

« Cái áo của tôi, bà chưa kết lon vào vào còn thiếu dấu hiệu huy-chương. »

(2) « Raccord » là quay một xen tiếp theo xen đã quay dở. Nhiều khi quay người đạo chánh từ trong nhà mở cửa ra ngoài đường nhưng có thể quay trong nhà hôm nay rồi 10 hôm sau mới quay xen ngoài đường. Trong khi đó áo quần tóc tai phải y như trong lần quay trước.

— Cái lon thì tôi kết được, còn dấu hiệu huy-chương tôi biết màu gì và bên nước Việt dấu hiệu có khác hơn bên này chăng ? »

Lẽ tất nhiên là khác. Nhưng tôi xa quê hương hơn 7 năm rồi (3), và từ trước đến giờ không có làm việc gì để được thưởng huy-chương, tôi làm sao biết các dấu hiệu. Người phụ tá đạo-diễn bảo gán một miếng lụa đỏ và một miếng lụa xanh lá cây. Ông đạo-diễn cho rằng một miếng lụa đỏ cũng đủ rồi. Nhiều quá trông rườm-rà. Thành ra, nhờ ông đạo-diễn, tôi được mang dấu hiệu của một huy-chương, chẳng rõ của nước nào, và thưởng về công trạng gì. Lần này tôi khỏi bị dậm mặt, nhưng loay hoay tự này giờ đã khá lâu. Khi tôi tới phim trường đồng hồ chỉ một giờ hai mươi phút. Hôm nay quay xen tôi đến xét nhà ông Champion, một thương gia đang ở tại Saigon, nhưng anh ta có chân trong một cơ-quan phản gián-diệp và đang tìm manh mối của một tổ-chức buôn súng lậu. Ông bị bọn buôn lậu vu cáo nên cảnh-sát đến xét nhà ông.

Mọi người đều tề tựu đông đủ tại sân khấu C. Buồng giầy và nơi chứa hàng hóa của ông Champion chiếm cả sân khấu. Trong buồng giầy có một bàn viết 2 chiếc ghế bành, một tủ đựng tài-liệu. Phía buồng chứa hàng hóa có vài thùng cây trong góc, và một ít rơm dưới sân nhà. Ông André P. giảng cho ông Robert Dalban (Rô-be Đan-băng) người đóng vai Champion, mấy người đóng vai cảnh-sát và tôi nghe cách ông định quay xen này :

« Ông Văn-Ca từ phía góc đi về bàn giầy. Máy quay phim đặt trên đường rầy

(3) Tôi ra đi từ đầu năm 1949 mà lúc đóng-tưởng là mùa hè năm 1956.

theo ông. Đến bàn giấy, thấy cả 2 người ông Văn-Ca và Robert. Lúc đó, ông Văn-Ca soạn xấp giấy đề trên bàn. Máy ảnh vẫn thụt lùi. Hai anh cảnh-sát lục xét tủ đựng giấy tờ. Vừa lúc đó Robert bắt đầu nói : « Ông đừng tìm nữa unction công. Chẳng có gì khác nữa đâu ». Ông Văn-Ca không thèm nhìn Robert. Cứ soạn đóng giấy và trả lời : « Biết vậy, nhưng chúng tôi vẫn cứ tìm ». Đến khi Robert nộ rằng nếu trực xuất ông ta, thì chuyện sẽ to ra. Ông Văn-Ca trả lời, có vẻ hơi kiêu ngạo :

« Ồ ! Sẽ có một thông-diệp ngoại-giao phản-đối và chúng tôi sẽ trả lời bằng một thông-diệp ngoại-giao. Thế thôi ! » Lúc đó, máy ảnh chụp ông thật gần (gros plan). Rồi thì chúng tôi sẽ chụp hai phía đề sau này ráp phim, tùy câu nói mà lựa hình ảnh. Các ông hiểu hết rồi chưa ? Đo ánh sáng đi. Rồi tập thử vài lần kể quay thật.

Nói xong, ông ra phía ngoài hút thuốc. Người nhiếp ảnh cầm máy đo ánh sáng thử. Đèn số 1, số 2, số 3 đến số 10 lần lượt cháy. Người phụ-tá đạo-diễn sợ tôi chưa quen đóng tuồng nên đến mời tôi dượt lại mấy câu đối-thoại. Khi đâu đó an bài, ông André P. đến nhắm sau ông kiếng máy ảnh rồi chúng tôi bắt đầu tập thử.

Ông phụ-tá hô to : « On met le rouge ! » (Bật đèn đỏ lên !) Trong lúc tập thử hay lúc quay thật, các đèn đỏ trong hậu trường và ngoài các cửa cháy lên đề cho những người giúp việc thấy đỏ mà đừng nói chuyện hoặc đừng đi ra vào.

« Silence ! On répète » (Im cho người ta tập tuồng !) Trong hậu trường còn nói chuyện xì xào. Tức mình ông phụ-tá la to : « Fermez vos gueules ! » (Câm mồm bây lại !) Ông André P. ra lệnh : « Partez ! » (Bắt đầu đi !).

Tôi đi từ phía góc nhà lại bàn viết rồi làm y như lời ông dặn khi nãy.

— Được lắm ! Ông André nói, Albert ! Coi chừng đọc cho rõ tên Tcheliabruskoï (Chê-li-a-bờ-ru-xơ-coi). Ông Văn-Ca, khi nói câu cuối cùng : « Ông Champion, nóng giận có ích gì đâu ! », hơi mỉm cười có vẻ chế nhạo một chút nhé. Thôi quay thật.

Ông phụ-tá hô to : « Bật đèn đỏ lên ! Im ! »

Ông André P. ra lệnh : « Moteur ! (Cho máy chạy !) » Độ một phút sau ông hô tiếp : « Partez ! » Máy quay chạy nhẹ trên đường rầy theo tôi từ góc đến bàn viết — Và đang đối đáp nhau trôi chảy ông Albert vấp chữ Tcheliabruskoï — Tên gì mà ác nhọn quá. Đọc cứ lú lẫm luôn.

Quay lại. Đến lượt tôi bị chỉ trích.

— Ông Văn-Ca, ông nên nhớ rằng khi ông nói câu về thông-diệp ngoại-giao, chúng tôi quay ông thật gần. Thành ra, mặt ông chiếm gần phân nửa màn ảnh, mà màn ảnh scope thì dài lắm, một cử động nhỏ của ông tại đây lúc chiếu ra sẽ phóng đại gấp mấy lần. Ông nên đứng yên thì hơn. Lúc nãy, đầu ông lắc qua lại hơi nhiều. Ông có rảnh chiều mai đến coi chiếu thử một lần cho biết.

Sau 8 lần quay đi quay lại, đặt máy phía trước mặt rồi phía sau lưng tôi, xen ấy quay xong thì đã hơn 7 giờ chiều.

Thay quần áo, đến tìm người thư ký của ông giám-đốc sản-xuất đề lãnh tiền. Lần này phải đợi xe ô-tô-buýt để đi về. Hết thời kỳ oanh-liệt bên Anh, có ô-tô riêng của hãng đưa về tận Luân-đôn. Nhưng đầu đường xa, tiền đi xe ô-tô-buýt vẫn ít hơn tiền nước tôi mỗi lần tôi phải cho tài xế.

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

KỶ TỚI : Kịch-sĩ làm khán-giả.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

TRONG ĐỒNG HOANG

MARXIME GORKI

(1868-1936)

NGUYỄN (dịch)

Trong số những đại văn-hào của Nga, M. Gorki có thể coi như một cây cầu độc nhất nối liền hai thế-hệ : Quân-chủ và Cộng-sản. Năm 1934 văn-sĩ được suy tôn như một bậc lão-thành đại-bát trong làng văn-ngệ Nga. Trong một dịp kỷ-niệm Cách-Mạng thành công tại « Công Trường Đỏ », ông được đứng ngang hàng với Staline tại khán đài. Hai năm sau văn-sĩ từ trần, có tin đồn cái chết đó có dính líu đến chính-trị.

Xuất thân từ đám bình-dân, chính ông đã từng sống vất-vường phiêu-dạt một thời, giống hệt như cuộc sống văn-sĩ đã tả trong truyện-ngắn « Trong đồng hoang » cùng nhiều truyện và kịch khác nữa. Chính ông đã rõ cuộc sống « cặn bã » như thế nào. Vì vậy M. Gorki không bao giờ quên được gốc gác mình, cũng như chẳng bao giờ quên niềm căm phẫn về tính-cách bất bình đẳng của xã-hội.

Chính Chekhov đã dạy ông học, dù dẫu ông trên được văn-ngệ, hiến cho thế-giới một văn tài lỗi lạc.

« Trong đồng hoang » không có tính-chất cách-mạng hiểu theo nghĩa chính-trị hay một nghĩa nào khác, nhưng nó quả là điển hình cho tính-chất mãnh liệt của ngòi bút Gorki, cũng như tính-chất xác thực đặt nền tảng trên kinh-nghiệm của những đoạn mồ-xé cơn đói hành hạ con người.

CHÚNG tôi rời Perekop trong một tình-trạng cực-kỳ bi-thảm, đói như xé ruột và thù ghét tất cả mọi người. Suốt 12 giờ liền chúng tôi tận dụng một cách tuyệt-vọng toàn-thể sức cố gắng cũng như mọi mảnh khoé ra, mong trộm được, hoặc kiếm được một chút gì, và rồi cuối cùng, khi nhận thấy cả 2 phương sách đều vô vọng, chúng tôi quyết-định đi nữa. Đi đâu ? Chỉ biết là xa hơn nữa mà thôi.

Quyết-định này được mọi người thông-cảm và hoàn-toàn đồng-ý, nhưng đồng-thời chúng tôi cũng sẵn sàng về mọi phương-

diện dẫn bước tiến xa hơn nữa, trên con đường đời mà chúng tôi hằng theo đuổi ; quyết-định này đến một cách thăm lặng ; tuy không phát-biểu bởi một người nào trong bọn, nhưng phản chiếu rõ rệt trong ánh mắt giận dữ phát-xuất từ những cặp mắt đói khát của chúng tôi.

Bọn tôi gồm 3 người cả thầy. Chúng tôi mới biết nhau được ít lâu, trong lúc loạng choạng đi qua mặt nhau trong một quán rượu tại Kherson, bên bờ sông Dniepr. Một gã trong bọn tôi đã từng là quân-nhân trong một tiểu-doàn thiết-lộ và rồi là một

công-nhân tại một thiết-lộ ở Vistula, Ba-lan. Hẳn ta gân guốc, tóc hoe, biết tiếng Đức và vào tù ra khám đã nhiều.

Hạng người như bọn tôi không ưa nhắc đến quá-khứ của mình, chúng tôi có chẳng nhiều thì ít lý-do chính đáng buộc chúng tôi như vậy, vì thế ai nói sao chúng tôi thừa nhận ngay như thế ; thực ra đó chỉ là bề ngoài, chứ còn trong thâm tâm, chúng tôi chỉ tin có chính bản-thân mình.

Khi một thằng bạn của chúng tôi, một gã nhỏ thó có đôi môi hoài nghi, mỏng dính, lúc nào cũng mím chặt, bảo rằng trước kia hẳn ta là sinh-viên Đại-học đường Mạc-tư-khoa, gã quân-nhân và tôi thừa-nhận ngay điều đó. Xét cho cùng, đối với tụi tôi hẳn là một sinh-viên, một tên trộm hay một tên lính kín chẳng nữa cũng đến thế mà thôi. Chỉ có một điều đáng đề ý là khi gặp nhau hẳn cũng chẳng hơn gì chúng tôi, ở chỗ hẳn cũng đang đói rách, thích được cảnh-sát lưu-ý, bị dân quê nghi ngờ và thù ghét cả hai hạng vừa kể với một niềm căm-hờn bất-lực của một con thú đói bị săn, lòng những ước mơ một cuộc phục-thù nhân-loại đại-quĩ mô — tóm lại, địa-vị dở ông dở thằng và tình-trạng của hẳn khiến hẳn trở nên kẻ đồng hội đồng thuyền với chúng tôi.

Cơn hoạn-nạn liên-kết những kẻ tính tình trái nghịch nhau hiệu-quả nhất, chúng tôi đều cảm thấy có quyền coi mình như những kẻ đại bất-hạnh trên đời.

Kẻ thứ ba là tôi. Với bản-tính khiêm-nhượng thiên bẩm, biểu-lộ từ hồi thơ-ấu, tôi sẽ không dả-dộng gì đến những đức-tính của tôi và vì cũng chẳng muốn lộ vẻ ngây-thơ, nên tôi cũng xin kín miệng

về những thói xấu. Đề tạm có một khái-niệm về tâm-tính tôi, tôi xin cho bạn rõ là lúc nào tôi cũng cho là mình hơn hẳn kẻ khác và cho đến tận bây giờ cũng vẫn vậy.

Vì những lý-do đã kể, chúng tôi rời Perekop để đi xa hơn nữa. Chủ-dịch của chúng tôi lúc bấy giờ là gặp được bọn mục-tử trong vùng đồng hoang, xin họ màu bánh chẳng phải là chuyện khó vì họ chẳng hẹp gì với những kẻ lữ-hành.

Tôi đi cạnh gã quân-nhân, gã « sinh viên », ở phía ngoài rìa, lẻo đẻo đằng sau. Hẳn khoác trên đôi vai một thứ mà hình như trước khi là áo cộc trên cái đầu nhọn và gồ ghề, tóc cắt sát, ngắt ngưỡng phần sót lại của một chiếc mũ rộng vành, chiếc quần dài xám vá chẳng vá đụp che đôi cẳng gầy guộc, chân hẳn dận trên hai cái đế giầy ủng nhật được ở dọc đường buộc chặt vào bàn chân bằng những sợi dây rút ở đường viền quần áo, hẳn mệnh-danh cái đó là « Săng-dan ». Hẳn đi lăm-lúi, kéo bụi mù mịt, đôi mắt xanh nhỏ sáng ngời. Gã quân-nhân mặc một chiếc áo sơ-mi đỏ, cẩu bần, mà theo lối phát-biểu riêng của anh ta, thì anh ta đã « thâm-luộm được bởi chính tay mình » ở Kherson ; bên ngoài áo sơ-mi là một cái áo di-lê kép ; chiếc mũ nhà binh chẳng biết gọi là màu gì cho đúng, đội xụp xuống tận mắt theo đúng tác-phong quân-nhân, chiếc quần dài vải thô rộng thùng-thình bay lất phất quanh hai cẳng, hẳn đi chân đất.

Tôi cũng đi chân đất.

Chúng tôi cứ đi mãi. Quanh chúng tôi đồng hoang trải rộng tương-xứng đến lạ-lùng, úp gọn trong chiếc vòm xanh chói-lòa

ánh dương của bầu trời hạ quang mây, đồng hoang nằm phẳng lì, đen đui và tròn như một cái đĩa lớn — con đường bụi-bậm xám xịt cắt chéo một vệt lớn, hun bông gan bàn chân. Đó đây những gốc rạ còn sót lại sau vụ gặt, giống cặp má lâu ngày không cạo của gã quân-nhân một cách lạ-lùng.

Hắn ta vừa đi vừa cất giọng hát khàn khàn :

« Hỡi ngày Thánh-lễ tôn-nghiêm, ta ngợi ca tôn kính... »

Hồi còn phụng sự trong quân ngũ hắn thường gia-nhập ban hát lễ trong tiểu-đoàn, do đó hắn có một kiến thức rất dồi dào về thánh ca, một kiến-thức mà hắn hết sức lạm-dụng mỗi khi thấy câu chuyện có chiều uể oải.

Án ngự phía chân trời đối-diện là những hình khối đường nét mềm mại, màu sắc dịu-dàng ngả từ sắc tím sang phớt hồng. Gã « sinh-viên » khàn khàn lên tiếng :

« Kia chắc là dãy núi Crimea ».

Gã quân-nhân nói :

« Núi ? Trông thấy có hơi sớm đấy bạn ạ ! Đó là mây... chỉ là một đám mây đó thôi. Chà đám mây đến lạ ! Trông cứ hệt như là nước nham-lê (1) cô đặc và sữa ấy thôi. »

Tôi nghĩ thầm, giá đám mây kia là nước quả cô đặc thật thì sung sướng biết mấy, ý-nghĩ ấy khuấy động cơn đói, một cực hình trong thời chúng tôi.

Gã quân-nhân khạc nhổ, chửi thề :
« Mẹ kiếp ! Mãi chẳng gặp ma nào. Không có đến một bóng người... Đến phải mút chân trừ bữa như thề lú gấu trong mùa lạnh mất thôi ! »

(1) Một thứ quả sắc đỏ tía.

Gã sinh-viên lên tiếng, có ý làm giảm tình-trạng bi-quan :

« Tôi đã bảo các anh, chắc chắn là trong vùng có cư-dân mà ».

Gã quân-nhân tiếp lời :

« Bạn bảo chúng tôi vậy à ? Bạn có quyền bảo vậy vì bạn là con người học rộng biết nhiều. Nhưng đâu là vùng có dân-cư ngụ ? Họa là trời biết ! »

Gã sinh-viên nín lặng, mím chặt đôi môi. Mặt trời lặn, vầng mây ở chân trời vẫn vự trong muôn hồng ngàn tía. Mùi đất mẫn mẫn thoang thoảng xông lên, mùi hương khô nồng ấy làm vị-giác của chúng tôi càng thêm bén nhậy. Niềm đau đớn cào xé dạ dày gây nên một cảm-giác kỳ lạ, khó chịu ; nhưa sống dường như từ từ thấm qua từng thớ thịt trên thân thể, se cứng lại, mất hẳn tính dẻo dai sống động. Mồm và họng chúng tôi se lại khô rát, trí não thác loạn, muôn vàn diêm đèn bay múa trước mắt, lúc thì trông như những tảng thịt bốc hơi nghi - ngút, lúc là những khoanh bánh sữa, ký ức phả vào những ảnh tượng cảm uín xa xưa tất cả những hương-vị đặc biệt của chúng, chúng tôi cảm thấy như có một con dao đang nạo khoét dạ dày mình

Chúng tôi vẫn cứ dần bước, mồm thảo-luận về những cảm-giác của mình, mắt đảo quanh tìm tòi bóng dáng những bầy chiên, tai rộng lên lắng nghe thanh-âm rầm rộ của đoàn xe Tartar chở hoa quả ra chợ Armenia.

Nhưng đồng hoang đều hiu, lặng lẽ.

Ngay trước ngày cực khổ này, 3 đứa chúng tôi đã ăn 4 pounds (1) bánh lúa mạch đen, 5 trái dưa và cốc bột chừng 40

(1) 1 pound = 373g 24

versis (2) — quả là ăn một bát cháo chạy 3 quãng đồng — đoạn ngủ lẫn ngủ lúc tại chợ Perekop đề rồi bị cơn đói dựng dậy.

Công-bình mà xét, thì giờ gã « sinh-viên » quả đã khuyên chúng tôi là đừng có ngủ mà nên làm ăn về đêm... Vì mưu toan (đào tường khoét vách) không được đả-động tới trong giới lịch-sự, nên tôi miễn nhắc tới chuyện ấy. Tôi muốn nên người chánh trực, thô-bi là điều nghịch ý tôi. Tôi biết rằng trong cái thời buổi tối ư văn-minh này, con người ngày càng trở nên đa cảm. Khi một kẻ nắm cổ kẻ bên cạnh định bóp cho chết, thì hành - động ấy được thực - hiện hết sức ân-cần tử-tế, và khung-cảnh phải thích - hợp với hoàn-cảnh. Kinh-nghiệm về chính cái cơ của tôi đã khiến tôi có nhận xét về sự tiến-bộ luân-lý ấy, cho nên trong niềm vui gây bởi tin-tưởng, tôi dám quả - quyết rằng, vạn-vật trong vũ-trụ này đến phát-triển và tiến-bộ. Sự tiến-bộ này đặc-biệt thể-hiện ở sự tăng-gia số nhà giam, quán rượu và nhà chứa mỗi năm.

Cứ vậy, chúng tôi đành nuốt nước bọt và say-sưa tán gẫu cho dịu cơn cầu xé của dạ dày. Trong lòng đồng hoang quanh quẽ điu hiu, chúng tôi thất thểu đi về hướng mặt trời lặn, lòng tràn ngập một niềm hy-vọng vu-vơ. Trước mặt chúng tôi, mặt trời đang chìm sau một vầng mây êm ái rực rỡ ánh tà huy ; sau lưng chúng tôi bóng đêm xanh thẫm từ lòng đồng hoang dâng lên, thất dần những chân trời xa lạ bao quanh.

Gã quân-nhân nhặt một khúc cây, bảo chúng tôi :

« Các cậu nhặt nhanh ít củi đóm về

nhóm lửa đi. Mình phải ngủ lại đây, có sương đấy. Cánh nhỏ, phân khô cũng được. »

Chúng tôi chia làm hai tốp, mỗi người đi một ngả nhặt nhanh cỏ khô và nhiên-liệu. Chốc chốc chúng tôi lại bắt buộc phải cúi xuống đất, thân xác chúng tôi chỉ muốn gục ngay xuống đấy, nằm lịm mà ăn đất, ăn... ăn cho đến khi không còn nhồi nhét được nữa, rồi ngả thiếp đi. Dù cho ngủ giấc ngàn thu cũng chẳng hệ gì, nếu được ăn và cảm thấy cái tạp chất sánh đặc âm-âm trôi dần từ mồm qua cuống họng khô rát xuống đến chiếc dạ dày còn cào đang nóng bỏng lên vì chờ đợi một cái gì để nghiền-ngấu.

Gã quân-nhân thở dài :

« Giá tụi mình tìm được một cái rễ cây hay một thứ gì nhỉ ? Có loại rễ có thể ăn được... »

Nhưng lòng đất cây đen dúi kia chẳng chứa một nhánh rễ nào. Phía nam, đêm xuống mau ; những tia mặt trời vừa tắt ngấm muôn sao đã lấp lánh trên bầu trời xanh đen, bóng tối quanh chúng tôi thắt lại ngày một gần, phủ kín mặt đất phẳng lì vô tận của đồng hoang. Gã sinh-viên thì thảo :

« Này anh, có một người nằm gần đây ». Gã quân-nhân bán tín bán nghi :

« Một người ? Sao hắn ta lại nằm đây ? » Gã sinh-viên đưa đà :

« Thử đến hỏi hắn xem. Chắc hắn ta có bánh mới nằm đườn ra mà nghỉ ở đây chứ » Gã quân-nhân nhìn theo hướng chỉ dẫn, khắc mạnh ra về quả quyết :

« Được, chúng mình thử đến xem sao ». Phải có đôi mắt xanh sắc sảo như gã « sinh-viên » mới có thể thấy được một kẻ

(2) 1 verst = 1km 069

nằm lù lù một đống đen ngòm, cách phía trái đường chừng 50 sajens (1) Chúng tôi tiến đến phía hắc, bước vội trên những tảng đất cày lờn nhồn niềm hy-vọng có ăn vừa dâng lên làm cơn đói của chúng tôi càng thêm thôi thúc. Chúng tôi tiến đã gần tới bên hắc mà không thấy hắc cự quây.

Gã quân-nhân rầu rầu nói lên ý kiến chung :

Chúng tôi ngừng lại trước lệnh truyền, nín lặng vài giây, lòng bối rối trước sự đón tiếp quá ư sốt sắng ấy.

Gã quân-nhân cay cú làm bầm :

« Đồ đều ! »

Gã « sinh-viên » ra chiều tư-lự :

« Hừ ! Đi xa mà lại có sủng, quân này hắc xộp lắm đây ». Gã quân-nhân chắc định mưu mô gì, gọi lớn : « Này ! » Gã đàn ông không đòi thể ngồi, nín lặng.



« Có lẽ không phải là người dàu ».

Nhưng sự ngờ vực của chúng tôi tiêu tan ngay tức khắc. Cái đống lù lù trên mặt đất đột nhiên chuyển động, nhòm dậy, và chúng tôi nhận thấy đấy đúng là một con người bằng da bằng thịt, hắc quì gối, chìa tay về phía chúng tôi.

Hắc cất giọng run rẩy, khàn khàn : « Dừng lại, không tôi bắn ! » Một tiếng « cách » sắc gọn vang lên trong bầu không khí ngột ngạt.

« Này ! Bác ơi ! Chúng tôi không có ý hại bác đâu... Cho chúng tôi xin một ít bánh... Chúng tôi đói khát. Bác ơi, hãy rủ lòng thương chúng tôi đôi chút ! Quân trời đánh ».

Câu cuối cùng lẫn trong hơi thở.

Gã đàn ông nín lặng.

Gã quân-nhân run lên vì sức giận và thất-vọng :

« Bác có nghe thấy không ? Cho chúng tôi xin ít bánh. Chúng tôi không đến gần bác đâu. Ném ra đây cho chúng tôi .»

(1) 1 Sajen (hay Sagine) = 2m134

Gã đàn ông buông sống một tiếng :

« Được ! »

Giả thử hân ta nói « Các bạn thân mến » và đặt vào câu nói những ý-tưởng thiêng-liêng cao-khiết nhất, ắt hẳn khiến chúng tôi xúc-dộng hơn hoặc khiến chúng tôi hiền-lành hơn là cái giọng khàn khàn buông sống : « Được ! »

« Nhà bác hảo-tâm kia ơ, bác chớ có sợ chúng tôi. »

Gã quân-nhân nói một cách dịu-dàng, môi nở một nụ cười mua chuộc, mặc dầu gã đàn ông không thể trông thấy vì cách chúng tôi đến 20 bước.

« Chúng tôi là những người hiền-lành lương-thiện, chúng tôi ở Nga đi Kuban. Chúng tôi bị mất sạch cả tiền nong, nhất được cái gì ăn cái nấy. Đã hai ngày nay chúng tôi chưa có được một miếng bánh đỡ lòng. »

« Đợi đây » gã đàn ông vung tay. Một khối đen bay vụt ra rơi trên mảnh đất gần chúng tôi. Gã « sinh-viên » nhảy bổ xoài vồ lấy chiếc bánh.

« Đợi chút, đây nữa, đây nữa. Thôi, hết rồi. Tôi hết cả rồi ». Khi gã « sinh-viên » thu thập tất cả các tặng-phẩm đặc-biệt kia lại, chúng tôi thấy tất cả chừng 4 pounds (1) bánh mì đen đã iu, nhem nhuốc những dất. Đất cát nhem nhuốc chúng tôi chẳng cần, còn bánh cũ thì chúng tôi càng thích lắm, bánh iu ăn ngon hơn bánh mới vì nó ít ẩm hơn. « Đây... đây... đây » Gã quân-nhân đưa cho mỗi người một phần. « Phần bánh chia không được công-bình lắm. Ông bạn học giả, tôi buộc lòng phải bớt một mẩu bánh của bạn, kéo tên kia dùng không đủ. »

(1) 1 pound = 373g24.

Gã sinh-viên nhẩn-nhịn chịu mất một khoanh bánh chừng một ounce (2) Tôi cầm lấy miếng bánh bỏ vào mồm và bắt đầu nhai. Tôi nhai chậm-chậm, cố kìm những cử-dộng nghiêng-ngẫu của hai hàm đang sẵn sàng nhai cả sỏi đá. Tôi thích thú nhận xét sự rạo rức của cuống họng một cách tinh-tế, và làm nó dịu dần dần bằng từng mẩu bánh nhỏ một.

Vị ngọt âm ỉ khó tả của bánh từ từ trôi vào dạ dày cháy bỏng, chúng hầu như biến thành máu thành óc ngay tức thì. Vui, một niềm vui thanh-thản rộn ràng, bùng lên trong tim hòa với nhịp thức ăn dồn xuống dạ dày. Cả bọn người như lơ mơ, ngây ngất. Tôi quên cả cơn đói thường xuyên của những ngày khốn-nạn cũ, tôi quên cả các bạn hiền cũng đang lơ-mơ thường-thức những cảm-giác như tôi. Nhưng khi chụm lòng bàn tay hất những mảnh bánh vụn cuối cùng vào miệng, tôi lại thấy đói ghê gớm.

Gã quân-nhân ngồi phệt trên mặt đất, lấy tay xoa bụng lăm lăm : « Thằng quỉ ấy chắc còn có nữa, tôi dám chắc là nó còn có cả thịt nữa kia. »

Gã « sinh-viên » tiếp lời trong hơi thở : « Chắc-chắn là nó có. Bánh có phảng-phất mùi thịt. Tôi tin là nó còn có bánh nữa. Nếu không vì khẩu súng... »

« Hẳn là hạng nào đấy nhỉ ? »

« Anh bạn Do-thái của chúng ta chứ còn ai nữa. »

Gã quân-nhân kết-luận :

« Đồ Chó ! »

Chúng tôi ngồi chụm lại gần nhau, liếc về phía vị ân-nhân đang lăm-lăm tay súng

(2) 1 ounce = 31gr1035.

một cách ngờ vực. Không một thanh âm chứng tỏ có sự sống nào từ phía hắc phát ra.

Bóng đêm dồn lực-lượng bao quanh chúng tôi. Một niềm yên lặng ngự-trị trên khu đồng hoang, chúng tôi nghe thấy cả hơi thở của nhau. Chốc chốc lại văng lên tiếng kêu ảo não của con ngân thừ (1). Ngàn sao, những đóa hoa lung linh của vòm trời, sáng ngời trên đầu lũ chúng tôi... Chúng tôi đói.

Tôi có thể hãnh-diện mà nói rằng, tuy tôi chẳng khá hơn, nhưng cũng chẳng đến nỗi tệ hơn những ông bạn tình-cờ của tôi trong cái đêm kỳ lạ ấy. Tôi gọi ra ý kiến là chúng tôi có thể tiến sang phía gã đàn ông kia. Chúng tôi chẳng cần hại hắc làm gì, nhưng chỉ cần lấy nốt chỗ lương-thực còn lại. Nếu hắc bắn, mặc hắc. Trong ba đứa chúng tôi chỉ có một đứa là có thể bị bắn trúng mà thôi, mà điều đó chưa chắc đã xảy ra, và lại nếu có bị trúng đạn chắc vết thương cũng không đến nỗi trầm trọng.

Gã quân-nhân nhẩy chồm dậy : « Đi ! »

Và chúng tôi đi, tất tưởi như chạy, gã « sinh-viên » theo sau.

Gã quân-nhân gọi một cách hắc học : « Này, bạn ! »

Một âm-thanh ậm ự khan khan đáp lại, tiếng mở khóa hăm súng lách cách, một tia sáng loè ra và một tiếng nổ chát chúa vang lên.

« Trượt ! » gã quân-nhân vui mừng reo lên, nhẩy chồm tới bắt gã đàn ông : « Thằng quỉ, giờ thì mày biết tay ông ».

(1) Ngân thừ (marmotte) : một loài thú trông gần giống như con sóc, lớn bằng con thỏ, còn gọi là củ-li — Dormir comme un marmotte.

Gã « sinh-viên » xục xuống tay nải của gã đàn ông. « Thằng quỉ » nằm lăn lộn rên rĩ, giơ tay che thân thể.

Gã quân-nhân giơ chân lên định đá, mồm quát : « Đến là sốt ruột ! Chắc hắc quân này lại bắn phải chính nó chứ chẳng sai. Này ! Này anh kia ! Bị đạn đấy hử ? »

Gã « sinh-viên » reo lên sung sướng : « có thịt, pa-tê, bánh nhiều lắm, anh em ơi ! »

Gã quân-nhân hét : « Trời ơi ! Mày chết quách đi cho rồi... Lại đây chén cái đã các cậu ! »

Tôi đoạt khẩu súng lục trong tay gã đàn ông. Hắc đã thôi rên rĩ, nhưng vẫn nằm bất động. Bể đạn chỉ còn có một viên.

Một lần nữa, chúng tôi lại ăn, ăn trong yên lặng. Cả gã đàn ông cũng nằm im thỉn thít, cùng lắm chỉ dăm cựa chân. Chúng tôi không thêm đếm xỉa đến hắc.

Một giọng nói khàn khàn run rẩy, đột ngột vọng lên :

« Có thật các bạn làm vậy, chỉ vì muốn đoạt bánh mì ? »

Chúng tôi giật nảy mình. Gã sinh-viên phát nghẹn, ho sặc-sụa, cúi gập mình xuống đất.

Gã quân-nhân vừa nhai nhồm nhoàm vừa chửi :

« Đồ chó ! Sao mày không rục ra như khúc gỗ mục cho rồi đời ! Mày tưởng chúng ông định lột da mày chắt ? Da mày thì chúng ông dùng làm cái thá gì cơ chứ ? Đồ ngu ! Vô trang đề rồi bắn vào người khác, đồ quỉ sứ ! »

Vừa ăn vừa chửi nên những lời nguyện rủa của hắc cũng bị giảm hiệu lực.

Gã « sinh - viên » đe dọa : « Đợi ăn xong, chúng ông sửa cho mày một trận ».

Những tiếng ước - nỡ rền-rỉ phá tan niềm yên lặng của đêm trường làm chúng tôi sồn gáy.

« Các bác ơi... tôi còn biết làm thế nào nữa ! Tôi bắn vì tôi sợ quá. Tôi đi từ Tân Athens... tới huyện - lỵ Smolensk... Trời ơi ! Tôi bị cơn sốt hành không đi được... tôi sốt từ lúc mặt trời lặn. Khốn-khổ cho cái thân tôi... chỉ vì sốt mà tôi phải rời Athens... tôi làm nghề mộc ở đây... tôi là thợ mộc chuyên-nghiep... Tôi có vợ và hai con gái ở quê. Đã bốn năm nay tôi không gặp vợ con... Các bác... cứ ăn hết đi ! »

Gã sinh-viên đáp : « Không cần yêu cầu, chúng ông cũng ăn hết. »

« Trời ơi ! Tôi chỉ mới biết các bác là người tốt bụng hiền lành... Các bác không ngờ là tôi bắn ư ? Nhưng trong lúc đêm hôm các bác làm gì ở chốn đồng không mông quạnh này... Tôi có đáng trách không ? »

Hắn vừa khóc vừa nói, hay đúng hơn, thốt ra những thanh-âm run rẩy, rền-rỉ, rợn người.

Gã quân-nhân ra chiều khinh-bĩ : « Bây giờ nó lại dài mồm ra mà than mới vãn. »

Gã « sinh-viên » đưa ý-kiến : « Chắc thế nào nó cũng có ít tiền ».

Gã quân-nhân lim dim đôi mắt, nhìn hắn cười lớn.

« Người anh em đoán tài lắm... Nào nhóm lửa rồi đi ngủ ».

Gã « sinh-viên » hỏi : « Còn hắn thì định sao ? »

« Mặc cho quỉ bắt nó. Người anh em không định quay nó đấy chứ ? »

Gã « sinh-viên » lắc chiếc đầu nhọn, nói : « Hắn đáng thế lắm ».

Chúng tôi lại đi lượm những thứ đã vứt bỏ lúc gã thợ mộc hét lên đe dọa bắt dừng lại. Thâu thập cả lại, chẳng mấy chốc chúng tôi đã quây quần bên ánh lửa. Ngọn lửa cháy dịu dàng trong đêm thanh, chiếu sáng một khoảng không-gian nhỏ hẹp chỗ chúng tôi ngồi. Chúng tôi đều buồn ngủ, nhưng còn có thể ăn được nữa.

Gã thợ mộc gọi : « Các bác ơi ! » Hắn nằm cách chúng tôi chừng 3 bước, thỉnh thoảng hình như lại nghe thấy hắn nói rì rầm.

Gã quân-nhân hỏi : « Cái gì ? »

« Liệu các bác có cho phép tôi tới gần... tới bên đống lửa được không ? Tôi chết đến nơi rồi... Xương cốt tôi nhức nhối quá... Chúa ơi, chẳng còn bao giờ con về được đến nhà ».

Gã « sinh-viên » truyền : « Bò lại đây ».

Gã thợ mộc lết chầm chậm tới đống lửa như sợ chân tay rụng rời ra mất. Hắn cao và gầy nhom đến sợ. Quần áo rộng thùng thình kinh tởm, đôi mắt to, lơ lảo, phản chiếu niềm đau đớn đang dày vò. Khuôn mặt hốc hác mỗi một, mặt dầu kẻ bên ánh lửa nước da hắn trông vàng vọt, xám ngoét, thiếu sinh khí. Hắn run đây đây, khiến chúng tôi vừa thương mà lại vừa tởm. Hắn thò đôi tay dài khăng khiu ra gần bên ngọn lửa, chà xát những ngón tay xương xẩu, những đốt tay quắp lại từ từ, yếu ớt. Trông hắn đến tởm.

Gã quân-nhân sáng giọng : « Người ngợm thế này mà lại còn đi bộ ? Sao thế hử ? »

« Họ khuyên tôi đừng đi... họ bảo vậy... bằng đường thủy mà nên đi qua Crimea... vì khí hậu... họ bảo vậy... Mà bây giờ, các các ơi... tôi không đi được nữa... Tôi chết mất ! Tôi sẽ chết cô đơn trong cánh đồng hoang này... Chim muông sẽ rĩa xác tôi, chẳng còn ai nhận ra tôi... Vợ tôi... con gái tôi đang ngóng đợi... Tôi đã viết thư báo vợ con tôi... Rồi đây năm xương tôi sẽ gọi gió dầm mưa chốn đồng không mông quạnh này Trời ơi ! Trời ơi ! »

Hắn tru lên như một con sói bị thương.

Gã quân-nhân nổi giận, chồm dậy, kêu lớn : « Trời ơi, khổ quá ! Cầm mồm lại ! Đê chúng ông yên thân ! Sắp chết hả ? Thế thì ráng chịu, đừng có làm om sòm lên ! Tránh sao khỏi số hờ con !

Gã « sinh-viên » dề-ghị : « Nện cho nó một cái vào đầu ».

Tôi can thiệp : « Thôi ngủ đi. Còn nhà bác kia, nếu muốn nằm bên đồng lửa, thì cầm được rên rĩ, than vãn ».

Gã quân-nhân cúi kinh : « Nghe thấy chưa ? Mà có chịu tuân theo lời hắn không. Mà tưởng chúng ông sắp động lòng trắc ẩn mà ru mà dỗ vủ vì mà quảng cho chúng ông vài miếng bánh và bắn vào chúng ông hả ! Đờ khốn kiếp ! Đứa khác thì... Hừm ! »

Gã quân nhân ngưng lời, nằm ruối dài ra mặt đất. Gã « sinh-viên » cũng đã nằm xuống. Cả tôi cũng vậy. Gã thợ mộc sợ hãi thu mình lết đến bên đồng lửa, dương mắt nhìn thần-thờ. Tôi nằm bên phải hắn và nghe thấy cả tiếng rãng hắn va vào nhau. Gã « sinh-viên » nằm co ro bên trái, có vẻ đã ngủ say. Gã quân-nhân nằm giữa, tay đệm dưới đầu, nhìn lên trời. « Chà, sao có một đêm đẹp đến thế ! Sao mới nhiều

làm sao ! Trông cứ mờ mịt như hơi. Một lát sau hắn quay sang tôi. « Trời đẹp làm sao. Trông cứ như tấm mền chứ chẳng phải bầu trời. Mình thật thú cuộc đời phiêu bạt này cậu ạ... Có thể đây là một cuộc đời đói rét nhưng tự-do... Chẳng ai khống chế mình. Mình là chủ mình. Dù có muốn vịn đến cả cò mình cũng chẳng ai cấm... Sung sướng làm sao ! Vì mấy ngày rồi đói khát mà mình trở nên tội lỗi... nhưng giờ này mình nằm đây nhìn lên bầu trời... những vì sao đang nháy mình. Chúng như thăm bảo : « Lakatin, đừng sợ cứ tiếp tục đi tới chốn tận cùng của thế-giới. Nhớ nhé, chớ có vì ai mà bỏ dỡ... Chà !... Tâm hồn mới thoải mái làm sao ! Này, bác thợ mộc bác có sao không ? Chớ có giận tôi, mà cũng đừng sợ gì cả... Nếu chúng tôi ăn hết bánh của bác thì có sao ? Bác có bánh, chúng tôi không, nên chúng tôi phải ăn của bác. Hơn nữa bác bắn vào chúng tôi như một kẻ dã man. Bác làm tôi nổi giận, nếu bác không ngá, chắc tôi cũng cho bác quì, vì sự xấc láo của bác. Còn bánh thì sáng mai đến Perekop bác mua thiếu gì. Bác có tiền, tôi hết... Bác sốt bao lâu rồi ».

Tôi nghe thấy tiếng trầm trầm uể oải của gã quân-nhân và giọng nói rung rẩy của gã thợ mộc một hồi lâu.

Đêm tối mịt mùng dần dần chìm sát xuống mặt đất ; lồng ngực căng phồng không khí ngọt ngào thơm ngát. Ngọn lửa còn le lói tỏa hơi ấm áp. Đôi mi khép lại, qua giấc ngủ chập chờn, một ánh hưởng thanh-khiết, êm ái phát sinh.



« Dậy ! Mau ! Chuồn gấp ! »

Biết có chuyện, tôi chồm dậy và được

gã quân-nhân phụ-lực, hấn nắm tay áo tôi lôi dậy.

« Chuồn gấp ! »

Mặt hấn đăm chiêu, bối rối. Tôi nhìn quanh. Mặt trời đã mọc, những tia nắng hồng rọi trên khuôn mặt nhợt nhạt bất động, của gã thợ mộc. Mồm hấn há hốc, con người lòi ra khỏi tròng nhìn trợn trừng, lơ dờ, biểu-lộ niềm kinh-hoàng. Ngực áo bị xé rách, bộ điệu của hấn co quắp, thiếu tự-nhiên.

Gã quân-nhân kéo tay tôi : « Nhìn chưa đã hay sao ? Chuồn ngay đi ».

Rùng mình vì khí lạnh ban mai, tôi hỏi : « Hấn chết rồi à ? »

Gã quân-nhân lên giọng giảng giải : « Chắc thế. Nếu tớ bóp cổ cậu, chắc cậu cũng tử chứ, hở ? »

Tôi kêu lên : « Có phải... gã sinh-viên ? »

« Ai nữa ? Cậu chắc ? Hay tớ ? Đã có nhà học-giả đảm-nhiệm giúp cậu rồi... Hấn hành-động thật tuyệt rồi bỏ mặc bạn bè trong cơn bối-rối. Hôm qua mà tớ biết vậy thì tớ giết ngay bạn « Sinh-viên » nhà ta, chỉ cần cho một cái bạt tai là nó chết không kịp ngáp. Cho một cú vào thái-dương là đời bớt được một thằng khốn-nạn. Cậu đã rõ nó làm gì chưa ? Bọn mình phải chuồn ngay, kéo có người thấy mình ở vùng đồng hoang này. Hiểu chưa ? Thế nào nội-nhật ngày hôm nay họ cũng thấy gã thợ mộc bị cướp và bị bóp cổ. Họ phải truy-tầm những thằng như tội mình. Họ sẽ khảo xem mình ở đâu tới... đã ngủ ở đâu. Và họ sẽ bắt cả hai thằng... Mặc dầu trong mình bọn mình chẳng có gì... Nhưng khẩu súng

của hấn còn nằm trong ngực mình đây. Đến là khó xử !

Tôi khuyên hấn : « Giết quách nó đi ».

Hấn có vẻ tự lự : « Sao ? Đây là một vật quý... Và lại họ bắt thế nào được tội mình. Không tớ nhất định không viết đi. Đáng giá đến 3 roubles đấy chứ ít à ? Lại còn có cả một viên đạn nữa. Mình phân vân không hiểu nó cướp của gã kia bao nhiêu tiền, đồ đều !

Tôi nói : « Tội cho hai đứa con gái nhỏ của gã thợ mộc ».

« Con gái ? Con gái nào ? À, con hấn... Chao ôi, rồi chúng nó sẽ lớn lên, nó có lấy mình đâu mà phải bận tâm... Thôi cậu, mau lên... Đi đâu bây giờ ? »

« Mình cũng chẳng biết nữa. Đi đâu bây giờ ? »

« Tớ cũng thế nhưng tớ cũng biết rằng đi đâu cũng đến thế mà thôi. Đi về phía phải vậy. Bên ở phía ấy ».

Tôi ngoảnh lại. Cách khu đồng hoang một quãng xa, sừng sững một ngọn đồi, trên đồi mặt trời chiếu chói lọi.

« Quay lại xem nó chết chưa hả ? Đừng có sợ, chúng nó không dám bắt mình đâu. Nhà học-giả của chúng ta đến là khéo. Tính đâu vào đấy. Quả là bạn hiền... Bỏ mặc anh em trong thế bí như không. Này, cậu ạ, con người ngày càng tội lỗi. Năm tháng càng trôi chảy tội lỗi càng chồng chất ».

Gã quân-nhân nói rầu rầu.

Vùng đồng hoang tĩnh mịch cô liêu — tấm mình trong ánh mặt trời mai chói lọi — dần dần trải rộng trước mắt chúng tôi, chạy mất hút vào chân trời xa. Cả khu đồng hoang nhuộm một ánh sáng dịu dàng êm ả ; tất cả những hành vi bất công hắc

ấm hầu như không thề xảy ra trong cánh đồng vô tận nằm bát ngát dưới vòm trời xanh ngất này.

Gã bạn của tôi, vẫn một điệu thuốc lá loại xấu, phát biểu ý-kiến :

« Tớ đói, cậu ạ ».

« Nhưng mình ăn gì và ăn ở đâu ? »

« Đây là cả một vấn-đề ».



Đến đây người kể — một gã nằm giường bên cạnh tôi trong bệnh viện — kết-luận :

« Thế là hết. Gã quân-nhân và tôi trở thành đôi bạn chí-thân. Chúng tôi cùng đi đến tận miền Kara. Hẳn ta thật khả ái và quả là một tay giang-hồ kiêu-mẫu, lão-luyện. Tôi phục hẳn lắm. Chúng tôi cùng đi mãi đến tận Cận-Đông thì lạc nhau. »

Tôi hỏi : « Thế anh có nhớ gã thợ mộc không ? »

« Như anh đã thấy, hay rõ hơn, như anh đã nghe ».

« Không ư ? »

Hắn cười :

« Anh định tôi phải nghĩ sao về hắn ? Tôi nào có trách-nhiệm gì về chuyện rủi ro của hắn, cũng như anh chẳng có trách-nhiệm gì về những chuyện đã xảy đến với tôi. Chẳng có ai có trách-nhiệm về bất cứ một chuyện nào, vì chúng ta cũng như nhau — một bầy thú.

Dịch theo bản dịch Anh văn

« In the Steppes »

của R. S. Townsend

NGUYỄN

★ Người trên phải biết cố-gắng tạo ra cho mình và cho người dưới một bầu không-khí và những mối liên-quan cộng-tác thành thật. Muốn được vậy, phương thế hay hơn hết phải chăng là làm cho họ tha-thiết đến công việc chung ; và muốn làm cho họ tha-thiết đến công việc chung, phương thế hay hơn hết phải chăng là để họ cùng chia sẻ với mình lý-tưởng mình theo đuổi ?

ĐÍNH CHÁNH

Trong Bách-Khoa số này (Bách-Khoa 66) bài : « Liên-Bang Xô-viết và Trung-hoa Cộng-sản, đồng tình hay tương-khắc », của Ông Hoàng-Minh-Tuynh nơi trang 9 cột 1 dòng 18, trân trọng xin các bạn sửa lại cho đúng như sau :

« Tai Mạc-tư-khoa luôn luôn hướng về phía Vạn-lý-trường-thành, tỉ-mỉ ghi nhận những biến chuyển rộng lớn tại Trung-hoa, những biến chuyển tuy nói là kéo dài và mờ phông cuộc cách-mạng tháng Mười — cuộc cách-mạng mà Mạc-tư-khoa cho là chân thật, duy nhất và cuối cùng — song những biến chuyển đó không phải là không có lúc phản nghịch lại cuộc cách-mạng ấy một cách trắng trợn... »

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

đầy đủ :

— Sách, Báo quốc tế

— Dụng cụ văn-phòng

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY

176, Hai Bà Trưng — Saigon

Hộp thư Bách - Khoa

Cùng các bạn gửi bài về số « Bách-Khoa Đặc-biệt
kỷ - niệm Đệ tam chu - niên » (15 - 1 - 1960)



Đề có đủ thời-gian lựa chọn, trình bày, minh họa chu-đáo số
« Đặc-biệt kỷ-niệm Đệ tam chu-niên Bách-Khoa », trân trọng mong
các bạn bắt đầu gửi bài về Tòa-soạn Bách-Khoa từ ngày 15.9.59 này.

Những bài gửi đăng xin các bạn viết cho một mặt giấy và rõ ràng
để tiện việc sắp chữ. Xin ghi địa chỉ cùng tên thật để chúng
tôi tiện liên - lạc trao đổi ý kiến với tác - giả.

B. K.

ĐI TRONG ĐÊM

TÀN - VŨ

HÒA ra khỏi nhà Lãng thì trời đã tối hẳn. Bóng đêm âm-thăm nhuộm đặc không gian. Hòa băng-khuâng. Anh chậm-chạp bước trên đường nhựa loáng ánh đèn. Gió lạnh và dài lê-thê kéo về thoảng từng đợt se-sắt trên làn da. Hòa dựng cao cổ áo, lăm lăm in bước trên lối vắng. Chiếc bóng Hòa đen âm-u ngả dài nhoáng về phía sau, và từ-từ thu ngắn lại, đổ tròn dưới chân, rồi sải miết lên trước mặt Hòa. Hòa dấn cả lên bóng mình.

Trời có lẽ về khuya. Hòa đoán vậy thôi vì anh không có đồng hồ ; anh căn cứ vào thời-gian chơi nhà Lãng đến bây giờ, ít nhất cũng mất đi ba bốn tiếng. Hòa thọc tay vào túi quần, lấy điều thuốc, gấn lên miệng. Anh bật que-diêm, châm thuốc, hút. Ánh sáng vàng kạch vừa lóe lên, liếm khuôn mặt Hòa những nét nham nhở. Hòa nuốt từ-từ khói thuốc như muốn lấn áp nỗi buồn nhẹ - nhẹ tự đáy lòng. Hòa không biết có phải anh đã nghiện thuốc lá không, từ bao giờ và trong trường-hợp nào ? Anh chỉ thấy mỗi khi lòng anh thao - thức rỗng - tuếch như thế này, chất khói cô-đặc sẽ làm ấm dịu những ý nghĩ lại rất nhiều. Tuy vậy, Hòa cũng không thích xác định hay phủ nhận thói quen ấy. Đối với anh lúc có thuốc hút thì như thế, thản hoặc những khi không tiền

mua, anh vẫn giữ được quân-bình sự thêm muốn. Hòa chẳng muốn mình là kẻ nô-lệ của bất cứ cái gì, dù chỉ là thói quen tầm-thường ; hay ngay trong tình yêu cũng vậy.

Hòa ngược nhìn phía trước. Dây đèn hai bên lề đường sáng và đỏ quạch dăng-dăng như hai sợi lửa dài. Một chiếc xe hơi phóng ngược lại Hòa pha hai mắt đèn sáng quắc. Hòa nghiêng nhìn, tránh tia sáng tọc mạch, lỗ-măng ấy. Có tiếng hát từ máy thu-thanh thoát ra, giọng người ca-nữ chua và run run như ngọn gió rét. Ngay lúc ấy, một vệt vàng nhẹ từ phía sau Hòa rọi trên mặt nhựa xám lăm-lì. Hòa đi sát vào lề phải. Chiếc xe đạp thoảng qua. Đầu bình diện nghiêng vào vỏ bánh rè-rè. Hai bóng người gầy gập hắt đề lên bóng Hòa. Người đàn bà ngồi sau xe tay phải ôm vòng bụng gầy đàn ông, tay trái vén vạt áo dài thu gọn vào lòng. Ánh đèn gấn phía sau đỏ chót, chiếu qua mẫu quần lụa mỏng tung bay phần phật.

Hòa đi trong cô - độc. Hòa thấy sự hoang trống của không - gian đang xâm-nhập vào hồn anh rõ-rệt như vết dầu loang trên nền lụa trắng. Anh ngược nhìn trời. Vòm không vào hạ tuần vắng ánh sao và như thấp, như gần-gũi với anh hơn. Hòa có cảm ý, nếu anh dơ thẳng tay lên cũng với chạm tới từng mây đen âm-đạm.

Cái ý-tưởng này đã một lần đến với anh. Đạo ấy anh còn đang ôm ấp nhiều cao-vọng. Có lúc Hòa muốn linh-hồn mình thoát hẳn ra ngoài thể xác, từ-từ tỏa lên cao, lên cao mãi chỗ tận cùng thăm-thăm của nền trời thanh-thoát. Anh nhớ hồi còn nhỏ sống bên lũy tre xanh ngắt, vào những mùa gió lên phới-phới, anh cùng mấy thằng bạn trẻ con rủ nhau thả diều. Ngày ấy, khi nhìn cánh giấy dướn trên gió, giầy buông căng cao vút, nhạc sáo vi-vu, Hòa cũng thấy thích-thú say sưa như chính hồn anh đang chao chao trong gió đồng nội. Bây giờ nghĩ đến ngày vui trẻ dại, lòng Hòa bỗng nhiên quặn thắt lại, xót xa như rưng hân bàn tay. Hòa đau-dớn đến cùng độ. Anh thêm thường sống với dĩ-vãng như đứa trẻ khát khao tím núm vú mẹ. Hòa tưởng đến mỗi giọt sữa thơm mát từ lòng người mẹ nhiều xuống miệng trẻ, đôi môi non dại sẽ mọng và thơm lên biết bao.



Tâm-hồn Hòa dạo này dần mỏng, dễ rung động như sợi dây đồng nhỏ căng thẳng, nhẹ chạm tới cũng ngân lên âm-thanh trong vút. Một việc tầm thường, một hình-ảnh mong-manh cũng gọi cho Hòa phút giây suy nghĩ. Có lúc Hòa thấy mình cằn-cỗi và già trước tuổi. Nhiều lần Lãng đã bảo anh là người mắc phải « căn bệnh suy tưởng ». Hòa không chối cãi. Đối với anh, sống mà không suy xét, không tìm căn-bản cho sự sống của mình, chẳng khác kẻ mù trên đường xuân, lúc chợt nghe pháo nổ mới hiểu giao mùa, niềm băng-khuâng bắt đầu rung rung

trong huyết mắt câm nín. Anh thấy chính lòng anh cũng đã có thời-gian ngủ gục giữa tiềm-thức sâu kín. Giấc ngủ mê mệt và dài dằng-dặc những hình-ảnh hắc-ám, quái-gở. Lúc bấy giờ chung quanh anh chỉ là màu sắc pha trộn hỗn-độn, không phân-biệt được rõ-rệt. Khi mở bừng mắt, Hòa có cảm-giác ngỡ ngàng và mới mẻ như lúc ban sơ bước chân vào lòng đời.

Bây giờ, ý nghĩ ấy trở nên tầm-thường vì quen thuộc với anh nhiều rồi. Anh thấy mọi vật, ngay đến ý tưởng anh cũng già cỗi, sù sì như thân cây đa cỗi-thụ mọc đầu làng anh thuở nào, tàn cây vươn

HƯƠNG CHIỀU...

Nhà em ven chân đồi xanh,
Gió núi trắng ngàn im vắng,
Thu sang đường về thanh thanh
Có đôi bướm vàng say nắng...

★

Tôi đến một chiều tha-hương,
Mang mang tình... người viễn-xứ.
Áo tôi bạc màu phong sương,
Hồn tôi vương nhiều tư-lự...

★

Đơn-sơ cốc nước chè tươi
Ngát thơm — đậm tình sơn-dã,
Dáng duyên em đem mời tôi,
Đẹp thắm nụ cười trang-nhã.

★

Êm êm... chiều về trên sân,
Cỏ-liều khỏi vờn, nắng ngả,
Xa-xôi... ngày chìm bóng-khuáng,
Mấy cánh hoa thu tàn-tạ,

★

Tôi nghe tiếng thời-gian đi,
Mắt em màu xanh! xanh quá!
Chưa khóc một ngày chia-ly,
Sao tiếng lòng tôi rộn-rã...

★

Mênh-mông... màu chiều cô-đơn,
Khởi sương phủ đầy lau lách,
Trơ-vơ tình người lữ-khách,
Nghe chiều sơn-cước thấm buồn.

Sơn-cước, một chiều

KIM-THU

ra che rợp mái quán xác xơ. Đôi lúc Hòa ví lòng mình như chiếc quán lá bốn mùa đón gió lộng ấy. Nắng rồi mưa phả thốc vào lòng quán cô-đơn. Một bà lão má tóp, da nhăn ngồi lăm-nhăm tính tiền hàng và tính những ngày phiên chợ. Vài người đặt gồng-gánh, bước vào quán, uống vôi-vã bát nước chè tỏa khói ngái, lại vôi-vã ra đi, bỏ mặc bà già với hàng bát sứ mẻ trên trống tre cùng dăm bày nải chuối lay lắt.

Hòa cũng thấy mình có nhiều giây phút sống lăm lụi như hình ảnh người đàn bà già nua ấy. Lắm lúc, anh đang bước mà tưởng như đứng dừng hẳn lại, ngoảnh nhìn phía sau trống rỗng, rồi ngược trông khoảng trước mơ hồ. Hòa muốn cởi mở tất cả ý nghĩ lúc này cho thoát hẳn khỏi tâm tư. Cả đến hình ảnh Trang thắm thiết anh cũng không dám giữ lại trọn vẹn nữa. Hòa cho rằng anh đã là kẻ ích-kỷ trong tình yêu. Lúc ban đầu, Hòa thích thú sự ích-kỷ này. Anh thường bảo Lãng, mình phải tham lam phải thắm thiết thì tình yêu mới bền chặt. Lãng chỉ cười. Hòa không hiểu Lãng cười như vậy có ý nghĩa gì. Cho đến bây giờ Hòa vẫn còn thắc mắc này. Có lẽ Lãng nghĩ anh là thằng đa tình? Hay Lãng biết những kẻ mới biết giao-động tâm hồn ban đầu đều như Hòa cả?

Lúc này Hòa lại mâu-thuẫn với nội tâm trong lần gặp gỡ Trang buổi đầu. Anh muốn buông tha, tung hê những ý tưởng có sẵn trong lòng lên không trung, Hòa làm được như thế có lẽ anh cảm thấy thành thoi, nhẹ nhõm lắm, trước khi Hòa bước tới cung đường hoang vắng. Hòa biết mình đang đi vào hoang tàn. Vì thế anh không muốn lôi kéo Trang theo anh. Như vậy, anh đã giành cho người yêu

một niềm thương thắm thiết. Lòng Hòa se sắt, Nước mắt hoen hoen hàng mi. Hòa không nghĩ là anh đang khóc. Có thể vì khói thuốc phả thốc vào mắt, khiến túi lệ bị cay tứa ra. Có thể vì ngọn gió vừa thổi mạnh, lùa tê giá vào lòng người Hòa. Hình như vậy thôi vì Hòa không nhận định được dứt khoát. Anh ít khi thấy nước mắt mình trào ra như vậy. Ngay đ n lần đau khổ nhất trong đời anh là lần mẹ anh chết. Chết vì mảnh bom đạn trong thời kỳ loạn lạc, thân quần quai, máu nhuộm bết cả vành khăn vẫn còn thừa đuôi gà. Hòa chỉ quì gục đầu bên xác mẹ, môi mím chặt, mắt anh mở rộng và run run nắm đầu ngón tay vuốt mắt cho người thân yêu. Lòng Hòa thất quân nhưng tuyệt nhiên mắt vẫn ráo hoảnh.

... Hòa đang bước vào quảng đường thành phố đang sửa chữa. Ánh sáng cuối cùng của dây đèn dài cũng lùi về sau anh, hắt trả bóng anh nhoe vào lòng tối ! Thoáng ở giữa đường, một tấm biển tròn sơn đỏ có gạch trắng được dựng lên. Hòa biết anh đang đi vào chỗ đường cấm.

Hòa nhớ đến thời gian vừa qua, lúc anh đến từ già Lãng. Bạn anh đã mời anh ở lại ăn bữa cơm chia tay đột ngột. Suốt bữa ăn, Lãng chỉ trầm ngâm, mãi sau mới hỏi Hòa :

— Đi vào ngày mai thật à ?

— Ừ !

— Đột ngột nhỉ ?

Hòa thần thờ :

— Xin Lãng đừng cho Trang biết chuyện này vội. Tôi sẽ thư sau đề Trang hay.

Lãng cũng không hỏi là Hòa sẽ đi về đâu. Có lẽ trong tình bạn giữa hai người, Hòa tìm thấy niềm an ủi Lãng là ở chỗ tâm tình Lãng kín đáo như thế. Hòa đoán Lãng đã hiểu anh, hiểu tâm-trạng một chàng người sống đang đi tìm cái sống. Cùng đường sắp đến này, Hòa cũng không cảm thấy mấy nao nao, vì anh nghĩ, trong đời anh đã có nhiều chuyến giang-hồ vạt như vậy rồi,

Hòa vẫn âm-thầm đi trong bóng đêm rộng rãi. Trong óc Hòa vụt hiện hình ảnh một con tàu lặng lẽ vượt sóng đi trong thời gian nửa đêm về sáng. Phía cuối trời, một vầng hồng dịu từ-từ vượt lên, nhuộm thắm mặt biển biêng biếc xanh trẻ. Sương mờ dần tan trên sóng nước. Nắng ban mai bừng dậy chan, chứa tơ vàng.

Hòa mỉm cười thoải mái. Anh muốn có mãi khung cảnh ấy trong lòng...

TÀN-VŨ

(Trong Thăm Lãng)



Chúng tôi đã in xong tập « Mục lục theo bộ môn » của Bách-Khoa từ số 25 đến số 48. Vậy những bạn nào mua Bách-Khoa dài hạn hoặc đã mua toàn tập Bách-Khoa, muốn có thêm tập « Mục lục » đó xin biên thư ngay về Tòa soạn Bách-Khoa, kèm theo tem (cò) 0\$50, chúng tôi sẽ gửi đến biếu các bạn.

GIAO - THÔNG - NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

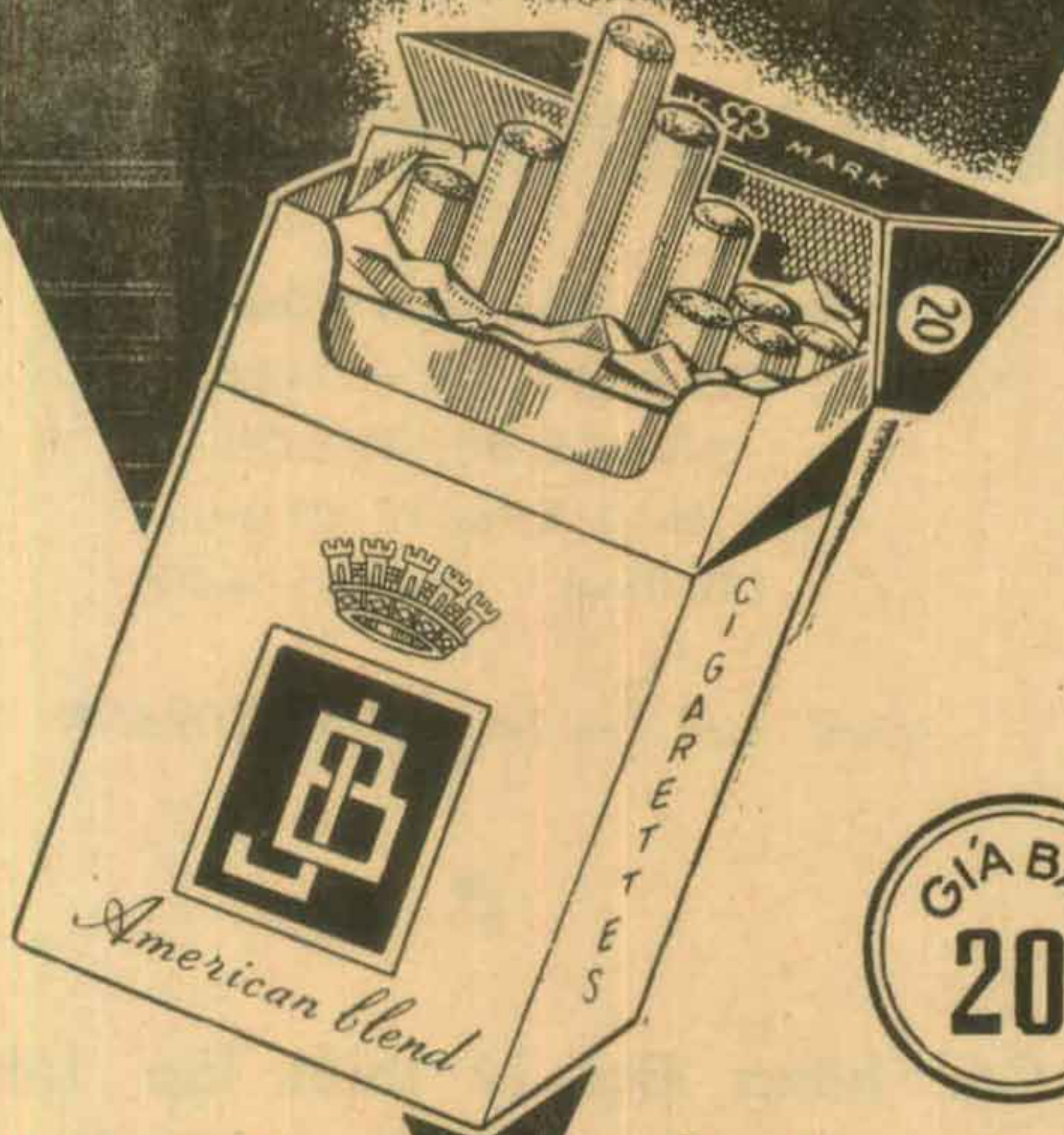
Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.



Long Size



Thuốc Thơm  *điếu dài*

HƯƠNG-VỊ HOA-KỲ

THÁC ĐỒ SAU NHÀ

VÔ-PHIẾN

ĐÁNG lẽ hôm đó tôi không đi dự tiệc với nhà tôi. Một phần là vì tôi chưa từng quen ra mặt ở những chỗ tiệc-tùng đông đảo mà đám cưới hôm đó thì nhà trai mời rất đông. Và lại hồi ấy tôi có mang trên ba tháng, thân hình đã có những nét thay đổi, một người đàn bà dù không hay làm đom cũng không thấy có hứng-thú gì chen đến chỗ đông người với một thân hình như thế.

Tuy vậy khi nhà tôi sắp ra đi thì vợ chồng anh Thủy ghé vào. Chị Thủy kéo tôi vào nhà trong, và cứ nhất định năn-nỉ đòi tôi cùng đi với cho có bạn. Chị bảo rằng nếu không có tôi thì chị cũng không chịu đi dự tiệc, nên muốn cho chắc-chắn chị không cho anh Thủy đi thẳng mà bắt ghé vào nhà tôi đề rủ. Chị xốc hai tay vào nách tôi, lôi tôi đứng dậy, vuốt vuốt trên bụng tôi, rồi ghé đầu ngấm ngấm, cười ngắc nghẻ, thì-thào bảo :

— Đẹp chết đi. Không can gì đâu. Có ai thấy bụng dạ gì đâu nào ? Thôi đi, đừng làm bộ. Đi với người ta cho rồi.

Tôi bật cười, và rất ngượng. Vẫn với vẻ đùa đùa, nhanh nhẹn láu táu, chị mở tủ lấy áo ra cho tôi, lấy lược chải tóc cho tôi, lấy kem lấy phấn dàn ra.

Vì cái tính láu-táu đó mà chị Thủy cứ dồn-dập, bắt ép khăn khoản xua chị em tôi, đòi làm cho kỳ được những điều chị ta muốn. Kỳ-thực chị không biết là mình muốn, mình cần điều đó tới đâu. Cho nên nhiều lần, sau khi xảy ra chuyện đáng tiếc, chị Thủy ân-hận là vì xét lại điều mà chị vội-vã ép chị em làm không có gì cần-thiết lắm cho chị. Tôi vừa trang-điểm vừa nghĩ đến chỗ đó. Nghĩ thế mà tôi vẫn cứ phải làm theo sự thúc dục vui vẻ của chị Thủy.

Từ đầu cho tới giữa bữa tiệc tôi ngồi khá dễ chịu. Bên phải tôi là chị Thủy, bên trái là một bà đã có tuổi, nhã-nhận, nói chuyện có chừng mực và nhỏ nhẹ. Giọng nói bà ta có cái vẻ thân-mật tự-nhiên, vì thế chẳng bao lâu thì chúng tôi trò chuyện với nhau dễ-dàng như trong phòng khách thường của nhà mình, mà quên đề ý đến cảnh đông đảo xung-quanh. Vẻ nhỏ nhẹ và kín-đáo của chúng tôi cũng khiến cho không ai chú-ý đến phía chúng tôi ngồi, và như thế lại càng làm cho tôi tránh khỏi cái ngượng ngùng lúng-túng khó chịu mà tôi tưởng-tượng lúc ở nhà.

Chợt trong phòng tiệc tự-nhiên im-lặng, chỉ có tiếng một người nói. Bà khách ngồi

bên tôi ngẩng lên nhìn. Tôi cũng ngó theo. Người khách đang nói, chẳng biết tự lúc nào đã rời bỏ cái ghế của mình, bung ly rượu đi đi lại lại. Cũng chẳng biết bắt đầu làm sao mà ông ta được mọi người chú-ý. Hiện thời thì trừ một số khách đàn bà, còn bao nhiêu đều ngừng chuyện riêng lại, theo dõi chăm chỉ chuyện của ông ta. Thỉnh-thoảng mới có người nêu lên một câu hỏi ngắn, cũng là thuộc về câu chuyện ông ta đang nói. Ông ta nói về chuyện săn bắn.

Đó là một người thấp, vào khoảng năm mươi tuổi, có vẻ dày dặn. Nước da đen, dày, và đường nét trên khuôn mặt lại hơi thô. Nhưng hai mắt thực lạnh. Đầu tóc ông ta không chải, khô và quăn, nhưng không bù xù. Ông ta mặc một bộ đồ nỉ màu tím sẫm đắt tiền, mà không có chút gì chải chuốt. Cử chỉ ông ta nhanh nhẹn, dễ-dãi, tự nhiên. Trông qua, người ta có cảm-tưởng ngay là một người từng trải, không kiêu cách, quen với một đời sống vật-chất đầy đủ, quen với những cảnh hội hè, đám tiệc. Nhưng người đó thực-tế, giản-dị, tránh những ước vọng cao xa, với một khinh-bĩ ngôn-ngôn.

Thoạt tiên tôi nhìn thấy ông ta rồi liền cúi xuống tiếp-tục gắp món ăn. Nhưng giọng nói của ông ta vẫn vang bên tai. Tôi lắng nghe câu chuyện. Bỗng nhiên tôi hoảng-hốt. Một lo sợ chơi-vơi không rõ vì sao làm tôi nôn nao. Người đàn ông đó nhắc lại một cái gì hẳn có liên-quan đến tôi. Tôi ngẩng đầu lên nhìn lại. Ông ta đã trở về đứng ngay sau chiếc ghế của ông, một tay đặt lên lưng ghế, lắng tai chờ nghe một câu hỏi của người khách ở một bàn xa. Vụt một cái ông ta sụn người xuống, rùn

cổ thụt đầu vào nhô hai vai cao lên, và dơ cả hai bàn tay lên, há miệng trợn mắt, « À ! » một tiếng. Mọi người cười. Rồi ông ta chụp mạnh một tay, nắm lấy lưng ghế, một tay trả cái ly xuống bàn, lắc đầu nói :

— Không ! Không ! Ban đêm không bao giờ trông thấy được voi ở xa đến thế. Bọn thợ săn chúng tôi chưa con voi ra, còn lại tất cả đều dưới quyền chúng tôi. Chúng tôi đội ngọn đèn trên đầu tiến vào trong rừng là có thể trông thấy tất cả muôn thú, trừ con voi. Và con người, vâng, và con người nữa. Là vì mắt voi và mắt người không phản chiếu ánh đèn. Thế cho nên nhiều khi tôi đi đến gần bên một con voi mà vẫn cứ tưởng là tảng đá. Ngoài trừ con voi, bọn thợ săn chúng tôi làm chủ núi rừng. Quét một ngọn đèn bắn trong đêm thì trong vòng đường kính năm mươi thước chúng tôi có thể thấy từ cặp mắt con cọp, con heo rừng, cho đến những chấm sáng li-ti của mắt con nhện, mắt những con nhái, con cào cào, châu chấu, đến những cặp cánh lông la lông lánh của sâu bọ lẫn tẩn. Sáng nhất là mắt cọp và nai. Mắt cọp sáng ngời, có tia sao. Còn những mắt heo rừng, thỏ, chồn... thì mờ mờ như màu mã não. Có lần chúng tôi...

Tôi cúi xuống bàn, tâm trí hoàn toàn rối loạn. Nhất định là giữa người đàn ông đang nói đó và giọng nói của ông ta có một liên quan gì với tôi hết sức hệ trọng. Khổ nhất là người ta không có phương pháp gì có thể tự ý gọi lại một ký ức khi tự nó chưa chịu hiện ngay đến. Tôi biết chắc rằng lúc đó thần sắc tôi biến đổi khác thường. Bà khách bên cạnh nhìn tôi, dấu vẻ lo ngại, nghiêng người tới với một vẻ săn sóc, tìm một câu nói :

— Ông ấy thạo quá.

Tôi cười và đáp như máy: « Vàng, thạo quá ».

Chị Thủy quay sang phía chúng tôi, nói thêm:

— Ông quận Toàn đấy mà. Chị không biết sao? Quận Toàn mà nói chuyện săn bắn không thạo thì ai thạo? Từ hồi thầy tôi còn làm phán-sự tòa sứ ở tỉnh, cách đây hai mươi năm, chúa nhật nào ông ta cũng có thú rừng bắn được đem biếu...

Tôi cười vu vơ, không đáp, lắng tai nghe tiếng ông quận Toàn tiếp tục nói. Ông ta mỗi lúc mỗi xưng « bọn thợ săn chúng tôi » mặc dù trong tiệc chỉ có ông ta là thợ săn. Xưng đến « bọn thợ săn chúng tôi » ông ta uốn ngửa ra, hãnh diện như sắp hàng trong một giới đề bênh vực quyền-lợi. Nhưng ngoài khi nói về chuyện săn bắn, thì ông ta bất thiệp, nhũn nhặn, thân mật vô cùng. Ông ta thân với chủ-nhân và tự coi như người nhà. Thỉnh thoảng ông ta ngừng nói chuyện rót thêm rượu vào ly cho khách, mời một món ăn. Khi đó ông ta hạ giọng xuống, có khi ông ghé vào tai pha trò một câu nhỏ, một tay thân mật đặt lên vai người khách, săn đón, vồn vã. Rồi thì ông ta lại ngẩng lên, lớn tiếng tiếp tục chuyện săn thú, như chiếc phi-cơ lại cất cánh hiên ngang lên trời, bỏ lại những nhà của xe cộ dưới đất.

Ông ta dơ một bàn tay với những ngón to và ngắn ngắn lên ngang đầu, ra dấu cho mọi người im lặng chú ý, rồi lên tiếng:

— Này nhé, làm thế nào phân biệt được mắt con thú với sao trên trời? À, cái đó mới ngộ! Nếu không phân biệt được thì có người đang đi trong rừng trông thấy hai vì sao lọt qua kẽ lá sáng bên nhau như hai

con mắt thú, thế là cứ nhắm mà bắn bừa thôi. Hà! Muốn phân biệt thì thế này, bọn thợ săn chúng tôi bao giờ sau khi chiếu đèn về một phía nào mà gặp những chấm sáng cũng cần thận quất đèn về hướng khác, rồi liếc con mắt ngó xiêng lại chỗ cũ. Nếu những chấm sáng vừa rồi tắt đi thì đích là mắt thú, còn nếu vẫn cứ sáng thì đó là sao rồi. Sao trời hoặc là lửa, vàng, lửa...

Ông quận Toàn dơ bàn tay lên, vung vung, ra dấu cảnh cáo:

— Cái này mới nguy-hiểm đây. Ở trên núi thường có những đóm lửa bất ngờ như thế. Bọn thợ săn chúng tôi thường gặp nhau luôn. Hoặc là thợ rừng ngủ lại, hoặc là người đi lối đường, hoặc là những người cầm bò trên núi, họ đốt lửa lên cho ấm rồi nằm ngủ xung-quanh. Về khuya, lửa tắt, còn lại những đóm lẻ tẻ giữa đồng tro. Khi ấy mà lầm là mắt thú rừng, cứ bấm cò súng một cái là thế nào hà, hà? Thế nào cũng một vài nhân mạng đó nhé?

Trong phòng nổi lên những tiếng ồm-ồm. Ông quận Toàn ngừng nói. Tôi không dám nhìn lên mặt ông ta nữa. Tôi đã gần nhớ ra câu chuyện, gần hiểu sự liên-hệ giữa ông ta với tôi là như thế nào rồi. Vô tình tôi tìm ngó mặt nhà tôi đang ngồi ở góc phòng bên kia. Rồi tôi cúi đầu xuống. Khó chịu nhất là lúc này bà khách bên cạnh tôi lại bắt đầu nói chuyện. Thực là khổ, trong lúc tôi cần yên tĩnh một chút, mà phải vờ lắng tai nghe, dạ dạ vâng vâng. Tôi không biết bà khách bên cạnh nói những gì, và có đề ý đến thái-độ của tôi không. Đột-nhiên tôi giật mình vì bà ta cười lên một tiếng ngắn. Tôi sợ hãi ngược nhìn, nhưng thấy nét mặt bà đang còn vui-vẻ thực-tình. Và bà đã bỏ câu chuyện của

mình để theo dõi chuyện của ông quận Toàn. Ông quận nói :

— Có một lần thế này, thật là chết người ! Chuyện xảy ra cách không lâu, vâng cũng chẳng lâu gì. Nguyên là trước chiến-tranh tôi đã làm việc ở đây gần mười năm rồi cho nên tôi thông-thạo hết núi rừng. Bởi vậy lần này, hồi mới được đòi trở về đây tôi có thể đi bắn một mình trên đèo Vạn. Độ mười một giờ đêm, tôi vừa leo lên một cái động tranh thì ngọn đèn của tôi chiếu vào một đám mắt sáng lố nhố. Thật nhiều mắt. Tôi vừa ngạc-nhiên vừa mừng. Tôi chưa từng gặp một đàn nai nào đông đến thế. Tôi quật đèn sang một bên, liếc lại nhìn : quả là mắt thú chứ không phải lửa. Tôi đặt súng lên vai, định bụng lấy luôn hai phát đạn một lượt. Hai phát đạn vào cái đám mắt đó thế nào cũng được hai con nai. Tôi bóp cò. Đạn thúì ! Úi chao ! Tôi đi sẵn hăm bốn năm rồi, trường-hợp đó chưa khi nào xảy ra : cả hai viên đạn đều hỏng hết cả...

Ông Toàn bấu chặt lấy lưng ghế, chồm người tới, trố mắt lên tròn xoe nhìn mọi người, kinh - ngạc. Rồi ông ta lắc lắc cái đầu, lặp lại :

— Hỏng cả hai viên đạn, thật là kỳ-cục. Tôi vừa tức giận vừa lo lo, hạ súng xuống thay đạn. Không biết lật bật thế nào tôi đánh rơi một viên đạn xuống tầng đá dưới chân, nó lăn nhảy lóc cóc mãi đến lúc lâu xuống tận dưới khe xa mới dừng lại. Tôi bực mình, sợ đàn nai hoảng hốt chạy mất. Nhưng quái lạ, chúng vẫn cứ đứng yên, dương mắt lố-nhố nhìn. Tôi lại chợt nghe phát thoang-thoảng một mùi khai khai, hôi hôi quen thuộc. Tôi hơi sinh nghi. Đã đặt súng lại lên vai rồi,

nhưng tự nhiên tôi hạ xuống và rón rén đi lần tới. Nếu là đèn pin đội trên đầu thì cách xa hai chục thước đã có thể trông thấy hình thù con vật, nhưng hôm đó tôi dùng đèn đá cho nên phải tiến đến gần độ mười hai thước tây. Ngọn đèn của tôi chiếu thấy một đàn trâu trên năm chục con, đứng có năm có, giữa một cái rừng cây sồi sài bằng cây tươì vừa dẫn trong núi. Sát bên cạnh rừng nhốt trâu là cái chòi của người giữ trâu ! Úi chao ; trời đất ơi ! Tôi bủn rủn tay chân...

Ông quận Toàn xuôi cả hai tay, nghèo đầu thất vọng một lúc. Rồi ông ta vùng tỉnh táo, chồm tới :

— Trong đời bọn thợ săn chúng tôi toàn gặp những a-văng-tuya như thế. Thật là chết người. Hú vía ! Nếu mà hai viên đạn không hỏng, hay nếu tự nhiên tôi không nghi ngại, bước tới, thì thế nào đêm đó cũng gây một vụ án mạng rồi. Nhân mạng thực sự chứ không phải là đèn trâu thôi đâu nhé. Nếu tôi nổ viên đạn hôm đó thế nào cũng lọt vào trong chòi người giữ trâu. Trời ơi ! Khi tôi chạy xỏ tới, giật cái cửa chòi ra, thấy hán ta vẫn còn nằm ngủ, không hay biết gì cả, tôi hét lên như điên...

Ông quận Toàn đang nói hăng. Rất có thể ông ta nói tiếp nữa. Tôi thấy bùng-bùng trong người, và chóng mặt, như ngồi trên một chiếc xe đang phóng nhanh xuống dốc.

Nhưng tự nhiên quận Toàn ngừng lại. Những lúc ta cố tìm hiểu ý-nghĩa biểu-thị trên một nét mặt, thì lại chính là những lúc ta không đoán được gì cả : các chi tiết đơn-giản nhất cũng hóa ra khó hiểu, thật là đáng giận. Lúc đó về mặt ông quận Toàn tự dưng tắt mất cái hăng-hái, ông cúi xuống đĩa đồ ăn làm cho cái việc ông khếp thành

lình câu chuyện có vẻ như là dành riêng đoạn sau giữ lại cho mình thưởng thức, kín đáo. Trên môi ông như có phảng-phất bóng dáng một nụ cười ranh mãnh. Nhưng mà tôi cũng không tin hẳn như thế. Là vì cái vẻ chăm chú thận-trọng khi ông bôi cho đều « xốt » vào con tôm và sự khoan khoái biểu lộ rõ rệt trên nét mặt lúc ông ta vừa nhai nhồm nhoàm vừa quay sang bên cạnh bình-phẩm món ăn với người bên cạnh khiến tôi lại nghĩ rằng ông ta là một người thực-tế, không thêm bận tâm đến đoạn sau của câu chuyện, cho rằng đó là một chuyện không đâu, đáng bỏ qua. Và cái thoáng cười vừa rồi lại có lẽ có ý-nghĩa giấu cợt.

Ông quận Toàn bỗng ngừng cao đầu, ngả lưng ra, uốn người khoan-khoái, nhìn một loạt khắp phòng tiệc. Có vẻ như muốn kể xong câu chuyện sẵn sẵn đến chỗ kết-thúc đó là rồi một nhiệm-vụ của ông, bây giờ ông ta có quyền thành-thời và bày tỏ sự thành-thời với mọi người. Nhưng cử-chỉ tầm-thường đó làm tôi khiếp vía. « Nếu mà ông ta trông thấy tôi ? »... Tưởng như ông ta đang quất ngọn đèn sẵn trong rừng và « bọn thợ săn của ông ta » đang làm chủ núi rừng, còn tôi thì chỉ là một con nai nhỏ, trốn sao cho khỏi cái thứ ánh-sáng có thể soi thấu từng con mắt chuột, mắt nhái li-ti đó. Thực vậy, tôi có cảm-tưởng như cái hột-xoàn tí hon gắn trên đôi hoa tai của tôi cũng sáng quá, có thể khiến ông ta chú-ý đến tôi... Cặp mắt của ông ta lướt qua như một chiếc oanh-tạc-cơ lướt ngang đầu. Tôi găm đầu xuống, lạng người đi một lát.

Bên tai tôi chị Thủy lại nhanh-nhau nói về ông quận Toàn :

— Ông quận Toàn này bắn thì thôi khỏi nói. Hồi tôi còn nhỏ có một hôm ông ấy đi với thầy tôi về quê. Từ lúc chiều đến chạng-vạng tối, ông ấy cho gánh về nhà tôi bảy con công. Bảy con công bự, đã khiếp chưa ? Chị biết, công nó khôn lắm nhé, khó mà lần mò đến gần nó cho nó khỏi thấy. Ông ta không thêm rình mò gì cả chỉ hồi thăm thợ rừng xem chúng nó thường ngủ chỗ nào. Thường thường chúng nó lựa một cây trụi lá vì chúng sợ chồn. Cây trụi lá càng dễ nhắm dễ bắn. Ông ta cứ việc đến sớm, tìm chỗ nấp cẩn-thận dưới gốc cây. Chiều, công nó cứ về từng con từng con. Con nào về đậu vừa yên ông ta liền nỏ súng, nó rớt đánh đùng một cái như quả dừa rụng. Mặc kệ, ông ta cứ ngồi yên trong bụi, không ra. Ra ngay lúc đó là hỏng đó nhé. Cứ ngồi yên một tí là có con công khác về ngay. Nghe có tiếng nỏ chúng nó về xem thử, cứ thế lần lượt giết hết đàn công. Nghĩa là đừng bắn trượt con nào. Trượt một con là hỏng, vì nó báo tin cho những con sau...

Chị Thủy đã nói tới cái câu có vẻ kết thúc :

— Quận Toàn, thôi khỏi nói, ông ta sẵn sẵn kinh-nghiệm và khôn ghê lắm...

Nhưng bất ngờ chị chuyển qua ý khác :

— Trời ơi ? Ông ta mê bắn cách lạ. Cái đêm Nhật đảo-chánh năm 45, suốt đêm ông ta bắn trên núi không hay một chút xiu xiu. Hồi đó ông ta làm việc ở tòa sứ ngoài Nghệ-an. Gà gáy, ông ta xách súng về nhà, đi ngay vô phòng ngủ, cũng vẫn chưa hay gì. Đến chừng tới giờ làm việc ông ta sắp sửa mặc đồ đạc vào thì ông sứ cho người tới mời, ông ta cảm nhàm

tưởng có chuyện gì gấp bận rộn. Tôi chừng đến tòa sứ nghe nói mới ngã ngựa ra tung hứng. Thôi thì lúc đó sứ tây nó lo phần nó, công-chức người mình thì nó cho nghĩ việc, chờ Nhật tới định đoạt. Thế là trong mấy ngày chờ đợi ông quận Toàn lại xách súng đi bắn, thản nhiên như không ? Đến khi Nhật tới, gọi công-chức lại tiếp tục công việc thì ông ta đã bắn thêm được ba con nai chà. Ông thân tôi mỗi lần nói đến tật mê bắn của quận Toàn đều nhớ chuyện đó.

Quận Toàn lúc ấy đang ngồi lơ đãng xía răng. Đối với mọi người ông ta đã lặn mất vào đám đông thực khách, không còn là một nhân-vật đáng chú ý nữa. Có lẽ chính ngay ông ta cũng không còn nghĩ đến câu chuyện vừa qua. Trông cái môi ông nhếch lên, lưỡi ông quơ soát lại hàm răng, và ông chíp chíp nho nhỏ trong miệng, tôi đoán có lẽ cái vị của món thịt chim bồ câu ăn với xà-lách còn một chút lưu luyến nơi ông. Nhưng chắc ông đã bắt đầu nghĩ đến ly cà-phê mà ông sắp thưởng thức rồi.

Càng theo dõi quan-sát ông quận Toàn tôi càng tin rằng con người đó nhất định không thể bận rộn vì những ý tưởng phức tạp hơn. Tôi càng nhìn càng thấy các ngón tay ngắn ngắn với làn da thô dày và dùn lại sù sì ở các đốt cũng như vẻ mặt của ông ta đáng lẽ là của một người nông-dân tâm-lý thô sơ, chất phác, siêng làm và thực-tế. Chừng ấy nét tính tình ở một người trí-thức có tiền của lại làm ra một mẫu người cầu an ích kỷ, không thêm bận tâm đến một lý-tưởng xa vời nào, siêng tìm và khéo biết tổ-chức biết thưởng thức những giải trí dễ dãi, siêng tìm những thú vật chất.

Tôi chăm chăm ngó hai bàn tay và cái trán thấp tẹt của ông ta ; có lẽ cái nhìn của tôi lần lần có một vẻ căm giận lộ liễu ; nên tôi giật mình thấy trong ánh mắt của chị Thủy có ý ngạc nhiên khi chị sức quay lại phía tôi.

Bà khách ngồi bên tả chia cho tôi một que tẩm. Tôi ngả người dựa lưng ghế, xía răng, và tự-nhiên tôi có cảm-tưởng thư thái dễ-chịu, thoát khỏi mọi hồi hộp, lo sợ thắc mắc. Chị Thủy đang mở chiếc ví đặt trên đùi ra, soi gương chăm những chăm mồ hôi trên mặt. Phòng tiệc lộn xộn ồn-ào, đàn ông vừa hút thuốc vừa nói chuyện từng nhóm riêng với nhau. Rồi người ta bắt đầu xô ghế đứng dậy. Thôi thế là xong.

Khi quận Toàn bước ra cửa tôi ngó theo ông ta bằng một khoe mắt. Một tay ông ta níu lấy cánh tay một ông bạn, tay khác ông vung lên làm những cử chỉ ngăn mà mạnh mẽ, mặt ông ngheo nhìn vào ông bạn, vừa đi vừa nói chuyện.

Tôi cảm thấy nhẹ nhàng an tâm, vì thế là hết, chuyện ông đang nói chắc chắn không thể là chuyện « hẩn ta », cho đến phút cuối cùng trong ông ta không có vẻ muốn dả động gì đến « hẩn ta » nữa. Nhưng đồng thời cũng chính cái vô tình đó làm cho tôi vùng sống lại y nguyên tâm trạng của mấy năm trước, tôi vừa xót xa tủi thân, vừa hối hận khinh-bí. Cái tầm thường và thái-độ vô tình thô-bí của ông ta như lảng mạ chà đạp tôi.

Thế mà vừa rồi đối với khách khứa trong phòng tiệc, ông đã nói về « hẩn ta » bằng một câu có thể khiến mọi người nghĩ rằng đó là một kẻ dằn-độn vô tư-lự : « khi tôi chạy tới, giật cái cửa chòi ra, thấy

hắn ta vẫn còn nằm ngủ, không hay biết gì cả ! ^.

Tôi phải nói rõ hơn về « hắn ta ».

★

Tôi lấy chồng sớm, từ năm mới có mười sáu tuổi. Người chồng đầu tiên của tôi lớn hơn tôi đến bảy tuổi, và chính là thầy dạy tôi học. Sự chênh-lệch đó làm cho Thọ bận tâm rất nhiều. Tuy tôi đã tìm mọi cơ hội để tỏ rằng tôi hoàn-toàn sung-sướng với anh, nhưng tôi biết càng ngày Thọ càng bị ám-ảnh bởi cái ý-tưởng cho là sự quyết định của tôi hồi còn nhỏ có thể bông-bột, tình yêu của tôi không bền chắc, nhất là vì bản tính nghiêm buồn hay suy tư làm cho vẻ mặt tinh-thần anh có vẻ già dặn hơn tôi nhiều quá, và vì chúng tôi lại không có con cái nữa.

Gia-đình của Thọ là một gia-đình nhà nho, Thọ lại là đảng-viên Cộng-sản. Từ ngày về nhà chồng tôi càng tự cảm thấy bé bỏng không đáng kể giữa cái sinh-hoạt tinh-thần luôn luôn thao-thức trong gia-đình ấy. Nhạc-phụ tôi nghiêm-khắc, đường hoàng, khiến bọn con cháu chúng tôi ở trong nhà ít khi dám gần người. Tuy vậy dần dà tôi lại biết rằng tính người hay sợ hãi : tất cả những người Âu từ tên lính lê-dương đến tên tây doan đều làm cho người khiếp sợ, tất cả những tai-họa rắc-rối xảy đến cho gia-đình đều khiến người bối rối lo hãi, người sợ những con ngựa có chứng và không dám đến gần những con bò hung dữ... Nhiều khi sự hoảng-hốt của người trước một đe-dọa quá tầm-thường làm cho đàn bà trong nhà phải nấp sau cửa bùm miệng cười rúc rích. Khi chiếc phi-cơ oanh-tạc đầu tiên đến bay quanh vùng chúng tôi thì cả nhà đang ngồi ăn cơm vùng bỏ chạy tán-loạn.

Mọi người đã nằm núp ngoài vườn xong mà mãi không thấy nhạc-phụ tôi đâu cả, anh Thọ đánh liều trở vào nhà để rước. Vào đến nơi, thấy người đã mặc xong áo dài và đội khăn đóng chỉnh-tề, ngồi ngay ngắn trước bàn, hai bàn tay đặt lên mặt bàn, run lẩy bẩy, hai mắt người nhắm lại. Anh Thọ gọi, người mở mắt ra nói :

— Người quân-tử dù đến chết cũng khăn áo chỉnh-tề.

Rồi người lại nhắm mắt ngồi chờ chết, hai bàn tay run trên mép bàn. Thì ra người yên-trí rằng khi đã có chiếc phi-cơ đó lượn trên đầu thì là hết cách thoát chết rồi. Lần ấy chiếc phi-cơ lại không bắn một viên đạn nào và thả trái bom nào, từ đó người mới chạy trốn bom.

Sau này, trước thái-độ độc-ác phũ-phàng của những cán-bộ Cộng-sản đối với tầng lớp địa-chủ thân-hào, người cũng ngạc-nhiên và sợ-hãi như thế. Khi được biết anh Thọ vào đảng Cộng-sản người không dám có ý-kiến phản-đối, nhưng trong gia-đình ai nấy đều thấy rõ sự cách biệt, có thể nói là sự xung-đột ngấm-ngấm giữa hai cha con. Xung-đột ấy chỉ thỉnh-thoảng mới biểu-lộ qua sự trung-gian của anh Kha, bạn thân của Thọ từ ngày còn ở nhà trường.

Kha ở cùng làng với chúng tôi. Nhưng khi anh đến chơi mà không gặp có Thọ ở nhà thì anh với nhạc-phụ tôi cùng nhau công-kích Cộng-sản. Khi gặp Thọ thì Kha với Thọ tranh cãi nhau, còn nhạc-phụ tôi lại lặng lẽ tiếp-tục những công việc của người, dù ở bên cạnh cũng làm như tuyệt-nhiên không nghe thấy lời nói của hai người thanh-niên.

Nhạc-phụ tôi và có lẽ cả Kha trong những lúc hăng-hái tranh cãi, đều yên

trí rằng Thọ là một kẻ cuồng tín. Mà thực ra lúc nào Thọ cũng bênh vực lập-trường tư-tưởng của mình một cách cương-quyết và kiêu hãnh. Nhưng chính vì thế mà tôi càng thương Thọ về những bứt rứt luôn luôn âm-ỉ trong tâm trí anh.

Tôi còn nhớ một đêm tháng sáu, trời sáng rực, nhạc phụ tôi cầm cúi xất một cuốn thuốc dài ngoài hiên, Thọ và anh Kha nói chuyện trong nhà. Tôi đang ngồi lột vỏ đậu phụng trước thềm, chợt đề ý đến thái-độ của nhạc phụ tôi, thấy người luôn luôn ngừng tay giả vờ sửa cuốn thuốc, đề theo dõi câu chuyện phía trong nhà.

Bất giác tôi chú ý đến giọng nói ồ-ồ xằng-xổm và cộc lốc của Kha :

—... Hừ! Có riêng gì cái chuyện đối với bà cụ? Tôi biết các cậu mỗi ngày mỗi tu luyện để trút bỏ hết tình-cảm, hết nhân tính. Các cậu biến thành lý-luận thuần-túy.

Chồng tôi bình tĩnh nhưng gay gắt :

— Vậy thì tình-cảm vợ vẫn là nhân tính? Thương mù quáng... một ông bác, một bà cô, một đứa em phản-động, một người bà con phản-động là nhân-tính? Còn thương yêu những người nghèo khổ bị áp bức, cứu gỡ họ ra khỏi sự bóc lột mà động chạm đến bà con mình là mất nhân-tính?

Trong bóng tối hình như nhạc phụ tôi có thoáng nhìn về phía tôi. Tự dưng tôi cũng hường-ứng thái-độ của người. Chồng tôi vừa kể ra, đề đối-lập với kẻ vô sản,



những ông bác, bà cô, đứa em... Đáng lẽ anh phải kể đến bà ngoại. Và có thể kể cả cha mẹ và vợ con nữa. Sự né tránh của anh không làm cho chúng tôi sung sướng, mà chỉ nhắc rằng anh vẫn nhớ đến sự hiện-diện của chúng tôi ngoài hiên, làm cho chúng tôi càng khó chịu. Chúng tôi biết rằng nếu phải chọn lựa giữa « người cha, người vợ phản-động » với hạnh-phúc của kẻ vô sản, thì chồng tôi cũng không có thái-độ khác hơn là đối với ông bác, bà cô, đứa em. Trước đó năm hôm, bà ngoại của Thọ mất trong một gia-đình địa-chủ bị bao vây, Thọ nhất

định không về dự đám tang. Mãi hơn một giờ sáng ngày hôm đó nhạc mầu tôi về kêu cửa, thất thểu bước vào, mặc áo cũt, đầu tóc lòa xòa không quần khăn tang. Bà sốt dữ dội, run lập cập, chúng tôi đốt lửa lên để sưởi. Hơ vuốt những ngón tay cứ co quắp lại. Ấm lại rồi, nhạc mầu tôi nhìn chúng tôi khóc như mưa như gió. Mãi khi nhạc phụ tôi về mới kể rằng dân làng không ai được phép chôn bà ngoại Thọ, và ba chị em của nhạc mầu tôi phải vừa đào huyệt vừa khiêng quan tài mẹ, chôn cất dập mộ suốt ngày !

Kha lên tiếng liền để trả lời Thọ :

— Các cậu thương người nghèo khổ à ? Hừm ! Thật không ? Cậu có chắc thế không ? Có bao giờ cậu thử soát lại coi trong lòng cậu có cái gì giống như thế không ?... Hừm ! Không có thương xót gì hết. Thực là lòng thương thì phải đối với từng cá-nhân, nó phải làm mình xót xa trước sự đau khổ của mỗi con người rõ rệt. Mà xã-hội các cậu lại muốn loại trừ thứ tình-cảm hướng về cá-nhân như thế. Một kẻ nghèo khổ, một cá-nhân, không nằm trong kế-hoạch, chương-trình, không được trừ liệu đến trong lý-luận cách-mạng. Cũng như một người vợ, một ông cha vậy thôi. Lý-luận cách-mạng chỉ biết tăng-lớp vô-sản và giải-phóng tầng-lớp đó để cho lịch-sử tự thực-hiện đúng theo lý-luận. Người đảng viên giết kẻ này cứu kẻ kia không vì thương ai ghét ai. Cậu tưởng hàng mấy chục triệu người bị giết bị dày bên Nga là vì lòng căm thù đó à ? Không có lòng giận thù nào, không có thứ tình cảm nào đủ mãnh liệt để giết đến chừng đó nhân mạng và kéo dài sự giết chóc dai dẳng đến thế. Chỉ có lối giết người không giận không thù, lối giết thần-nhiên không tình cảm

NÉT VẼ

*Nắng ngoài-ô không đi
Đứng im trong lòng chiều
Tay hoàng-hôn bóp nghẹt
Hơi thở vách nhà siêu
Từng trẻ nhỏ cánh thuyền
Đậu bên cành tay khó
Mẹ nhìn loang nắng quái
Mấy chiều mờ hàng mi*

*Đầy trẻ như họa-sĩ
Mở cửa đời ngáy thơ
Thăm nhìn như khe hồi
Vẽ gì đây ngày mai
Một bức họa tĩnh-vật
Chìm sắc đen u uất
Màu xám buồn đầy vơi
Hay nét bút rạo rực
Tuổi xuân tràn vui tươi*

*Chiều bơ vơ nhìn tôi
Từng mắt vuông khuôn cửa
Tay đường dài buông xuôi
Tiếng chiều lên bờ-ngõ
Cùng đọng một thời-gian
Trong giấc mơ huyền-ảo
Dâng mộng đẹp tuổi vàng
Tôi nhìn-nhận hiện-tại
Ở cửa chiều ngoài-ô
Mây buồn màu thép lạnh
Và đẹp như bài thơ.*

PHAN-LẠC-TUYÊN

mới đạt được cái thành tích đó. Tồ-chức Cộng-sản thực-hiện một lý-luận, lạnh-lùng ; những người điều-khiển cái tồ-chức đó cũng phải lạnh-lùng, mà những người sống trong cái tồ-chức đó rồi cũng phải lạnh-lùng..., và dần dà rồi cũng phải lạnh-lùng nếu không thì chỉ thêm khổ vì sự sốt-mướt không đầu, vô ích, chỉ vướng bận cho xã-hội. Hừm... Nếu không lạnh-lùng được thì lại còn bị xã-hội lợi dụng...

Nhạc phụ tôi gỡ cái tàn thuốc dính trên môi, ném ra giữa sân. Người lại cúi đầu xuống tiếp tục xác thuốc trước khi anh Kha dứt câu nói.

Ở trong nhà, Kha ngồi yên, hích mặt lên, cặp gương cận thị của anh sáng lóa. Anh Thọ cũng yên lặng, đưa một bàn tay sờ nhẹ cái chân đèn.

Một lúc lâu, chỉ nghe có tiếng tôi bóc vỏ đậu phụng cúc-cắc và tiếng thác nước chảy ào ào sau nhà. Rồi thỉnh thoảng Kha lại lên tiếng :

— Sống trong một xã-hội mà tất cả mọi hành-dộng không còn có động-cơ tình-cảm nữa .. cậu xem... chỉ có những bộ óc Tây-phương mới có thể tưởng-tượng được như thế. Mình không biết rồi cuối cùng người Tây họ có sống được trong cái thiên-đường trong veo xây-dựng thuần bằng lý-trí đó không, nhưng ít nhất sự mơ tưởng của họ cũng hợp với bản-chất duy-lý của họ. Mỗi một bản-tính có riêng một giấc mơ. Lý-trí của cậu có thể bị giấc mơ của họ quyến-rũ, nhưng cậu sống sao được trong cái xã-hội mơ-ước đó ? Chúng mình khác họ...khác... khác...

Anh Thọ mỉm cười lắc đầu :

— Sao cậu lại cho rằng người Cộng-sản không có tình-cảm ? Không thể nào làm cách-mạng nếu không có say mê thiết-tha,

không thương yêu cái này và công-phấn tốt độ đối với cái khác. Cậu cho họ vô-tình là vì sự thương ghét của họ khác với của cậu, những tình-cảm khác nhau không nhận ra được nhau đó thôi. Trong cái quang-cảnh ở một đấu-trường, cậu không thấy phùng-phùng căm-hờn sao ? Đó là một sân-khấu tình-cảm, đâu phải là lý-trí ?

Kha nóng nảy, hai ba lần đưa tay ra chặn lời của Thọ để phản-đối. Thọ vừa dứt anh ta vội la :

— Ai ? Không ? Không ? Cái đám quần-chúng la ó trước đấu-trường đó không phải là những kẻ làm cách-mạng, những kẻ nắm lý-luận và thực-hiện lý-luận cách-mạng. Đó chỉ là những phương-tiện để thực-hiện lý-luận cách-mạng. Phải cần có phương-tiện tốt. Nếu cần gây ra phản-nộ trong quần-chúng mới có một quần-chúng tốt, thì cứ gieo phản-nộ. Cũng như nhồi thuốc nổ vào súng. Đó là vấn-đề kỹ-thuật vận-dụng phương-tiện. Tình-cảm cũng là một phương-tiện, được sử-dụng như những thứ khác...

Sau khi nói một hơi dài, Kha há miệng ra như bị hóc, ngừng lại thỉnh-lành, rồi nét mặt anh ta dịu xuống như buồn rầu :

— Những kẻ thực-hiện lý-luận đã nhận thấy nhược-điểm của chúng ta. Họ biết rằng con người sống trong xã-hội cũ, từ mấy nghìn năm nay còn nhiều tình-cảm, chỉ hành-dộng quyết-liệt vì tình-cảm. Vì thế muốn dùng chúng ta để thực-hiện cuộc cách-mạng, họ sai khiến tình-cảm trợ-tá họ. Họ lạnh-lùng mở mắt mà điều - khiển. Còn quần - chúng thì say sưa nhiệt - tình, tối mắt vì lửa căm-thù, xông tới hành-dộng. Hừm... Hừm... Họ quá quắt. Thật là họ quá quắt. Cậu tưởng những người điều khiển họ cũng

DU HƯƠNG

*Có lúc tình cờ ta bắt gặp
 Nằm trong ngăn tủ cái chai không.
 Pha-li mờ bụi thời gian phủ,
 Nhân giấy đã phai cả sắc hồng.*



*Nấp kín đèn huyền, tay khẽ vịn :
 Một làn hương động thoảng đưa ra
 Êm như điệu sáo chiều thu lạnh,
 Gọi những giai nhân trắng nõn nà.*



*Mà trong nguồn mộng băng-khuâng ấy,
 Một giọt sương thơm cũng chẳng còn.
 Chắc hẳn hương xưa nồng mạnh lắm
 Đã dần thấm cả cái chai con.*



*Sự lòng âu cũng dường như thế ;
 Nhưng trái tim si chứa ái tình
 Chỉ một lần thôi hương khổ hận
 Đủ ngấm đượm cả thơ tình trịnh.*



*Một hôm rớt áo tình đi mất,
 Tiếng đắm hình say biệt hẳn rồi,
 Nhưng áng dư hương sâu tủi ấy
 Suốt đời vương vấn quả tim coi.*

Yā-Hạc
 NGUYỄN-VĂN-TRUNG
 (Hoang-đảo)

căm-giận những địa-chủ bà con họ như cậu vậy sao ? Hừ ! Họ lạnh như tiền, họ thản nhiên như không. Cậu là đảng viên sống sát quần-chúng, họ muốn cậu giống như quần-chúng, hợp với quần-chúng, nên khiến cậu nuôi dưỡng những tình-cảm nào có lợi cho hành-động cách-mạng. Lên tới một cấp bậc khác, họ sẽ giúp cậu gỡ khỏi những tình cảm đó. Cuối cùng sạch hết vương bận tình cảm, cậu mới thực là người cộng-sản, con người mới. Bây giờ có thể nghĩ là lòng căm giận của cậu đối với người này người khác có lợi cho cách-mạng, chứ cậu đừng tin rằng cậu đang sống chân-lý cách-mạng khi cậu căm răng nhằn tâm căm-hờn bà con cắt ruột...

Kha cúi gằm đầu xuống, hừ hừ trong mồm. Rồi anh ta lại tiếp ngay, không để cho Thọ kịp lên tiếng :

— Người cộng-sản đúng là con người mới như họ tự xưng. Họ đang lợi dụng chúng ta, những người cũ, vì chúng ta còn tình-cảm. Họ gây ra và điều khiển tình-cảm để thực hiện một chương-trình, kế-hoạch của họ...

Nhạc-phụ tôi đứng dậy, bước ra ngoài sân. Những câu lý-luận cuối cùng của Kha hơi lảng xa chuyện bà ngoại tôi, đã cắt được cái không khí nặng nề ngột ngạt đè trên ba chúng tôi. Nhạc-phụ tôi không muốn ngồi nán lại, sợ tính Kha vô tình, có thể quay sang câu chuyện về vấn-đề bà tôi nữa. Tôi biết mỗi lần nghe nhắc đến chuyện đó người ta đau khổ như cắt ruột.

Trong nhà, Thọ lắng tai nghe tiếng guốc của người tiến ra ngoài đầu sân. Anh chớp mắt mấy lần, không nhìn Kha, nói chậm rãi :

— Cậu có vẻ muốn cho rằng chúng tôi bị phình gạc. Trong hàng ngũ những kẻ thực hiện lý-thuyết, chúng tôi phải sống đúng theo cương-vị của chúng tôi, và những người điều khiển sống theo cương vị của họ. Ở chỗ tôi, hành-động bằng tình cảm là cần-thiết và đúng, vì thuận lợi cho sự thực hiện lý-thuyết, không phải là bị phình gạc, lợi dụng. Mỗi một phần tử trong xã-hội thấm nhuần lý-tưởng chung, nhưng hoạt-động trong phạm-vi của mình, xứng hợp với vai trò của mình, không tự-do phóng túng tự đặt mình vào vai trò kẻ khác, ở vị-trí khác. Một tế-bào của lá phổi không hoạt-động giống như một tế-bào của bộ não, nhưng cả hai đều sống đúng cái « chân-lý sinh-hoạt » của một con người.

Cậu không có cái quan-niệm kỹ-thuật luật...

Thình lình Kha hỏi :

— À Cậu có một cái ba-lô da lớn không ?

Thọ đang nói, ngừng lại ngạc nhiên. Kha hỏi tiếp :

— Một cái ba-lô chắc chắn và lớn.

Thọ gật đầu :

— Có, làm gì ?

— Tí nữa quên ! Định đi tìm mượn cho thằng Hải cái ba-lô mà mãi nói chuyện, tí nữa quên mất. Mai nó đi rồi, đi Đông-Mên, « cái hướng chiến lược ». Khuya rồi, mình về cho nó còn kịp sắp đặt. Cậu vào lấy cho mượn đi.

Thọ gọi tôi vào, bảo :

— Em soạn cái ba-lô, đưa cho chú Hải.

Tôi vừa đi vừa ngoảnh lại hỏi Kha.

— Mai chú ấy đã đi rồi à ? Thế mà mấy hôm nay không nghe chú ấy nói gì cả.

DIỆU VỢ

*Thoát giấc chiêm bao, rợn ảnh-hình,
Hồn ai chơi-với cõi u-minh.*

*Đêm nồng quỳn gọi vầng trăng chết,
Chợt tỉnh tung chân vẫn một mình !*

✱

*Hèn oan hay nghiệt thưở nào xưa...
Mang lụy nhân-sinh mãi tận giờ.
Đường đến tìm ta cô quạnh quá,
Vườn lau xào-xạc tiếng hoang sơ.*

✱

*Phải nàng là bạn những chiều quen ?
Ở trước lầu ta nắp bóng rèm,
Và lửa hờn sôi trong khe mắt
Trong lòng huyết kín rợn màu đen*

✱

*Nào ta có phụ bạc nàng đâu.
Mà hiện về đây rửa hận sâu,
Tóc rối còn vương niềm tủi hận
U hờn lảng đọng đáy mồ sâu*

✱

*Ta vẫn là thơ, bạn của nàng,
Hố đào dù chặn bước sang ngang
Vẫn mang lời nguyện cầu khai thủy,
Vẹn kiếp bình-sinh đạo ánh vàng.*

✱

*Thoảng mát mùi hương tỏa dịu lều,
Hồn ma điệu-vợ chuyện thương yêu.
Đêm càng lên bước, hoa đài nở,
Giải-thoát linh-hồn ngọn lửa thiêu.*

DIÊN-NGHỊ

Kha bảo :

— Nó cũng mới vừa biết quyết định. Nhận được quyết-dịnh thì là lo đi ngay đây.

Chồng tôi ngồi yên lặng, về suy nghĩ. Kha đứng dậy, vừa bước ra hè vừa nói lớn :

— Thưa bác, mai Hải nó đi Đông-Mên đây. Gấp quá, không kịp đi thăm chào ai cả.

Nhạc phụ tôi vội vã bước vào :

— Hải nó đi qua tận bên Mên à ?

— Dạ. Đi « các hướng chiến lược ».

— Bao giờ về ?

— Không chừng... Ít ra cũng nửa năm.

Nhạc phụ tôi mở cái trấp gỗ, lấy ra một thẻ thuốc Thần-công lớn bằng hai ngón tay trao cho Kha đưa lại Hải. Đó là một thứ thuốc trắng và kết-tinh lại như phèn chua, nhấm vào chát chát và tê lạnh ở đầu lưỡi, có thể trị bá-chứng như kiêu dầu vạn-ứng của Nhị-thiên-đường, mà đặc-biệt là chữa thỏ tả rất công-hiệu. Thứ thuốc đó nhà chồng tôi tự chế lấy, theo các toa bí-truyền từ ba bốn đời rồi, bảo là do một ông cố-đạo truyền lại.

Khi tôi đem chiếc ba-lô ra thì chồng tôi đã bước theo anh Kha ra ngoài hè nói chuyện :

— Cậu bảo lên tới một cấp-bậc điều-khiển nào đó thì người Cộng-sản có thể rũ thoát tình-cảm, hóa thành lý-luận... Dễ-dàng thế à ? Không thể được. Tình-cảm còn đeo đuổi chúng ta lâu... còn lâu. Những tình-cảm vớ-vẩn không hợp-lý của con người cũ còn sống lâu, không dễ gì dứt thoát. Chúng nó thành hình có lẽ cũng dần-dà lâu lắc, nhưng mà bây giờ chúng nó đã sống rồi thì xóa đi không

phải dễ-dàng gì. Những tình-cảm như lòng tha-thiết mù quáng đối với thân-thuộc mình, với tất cả những gì thuộc về của mình, như sự ghen tuông, ganh tị... có thể xưa kia không có. Rồi con người có tư-hữu, mỗi nhóm người lo bảo-vệ một cuộc sống riêng, lối sinh-hoạt đó phát-sinh ra những tình-cảm đó. Nếp sống với tư-hữu ấy kéo dài hàng mấy nghìn năm rồi, nhiều thứ tình-cảm đã có thứ thâm-căn cố-để trong lòng người, đã thành như thuộc về bản-tính của nhân-loại rồi,... cậu tưởng có thể luyện-tập đề tự chỉnh-đốn biến đổi mình được dễ-dàng thế à ? Ừ, thì rồi quen với nếp sống tập-thề, sẽ đến lúc người ta hết những tha-thiết ích-kỷ, sẽ chỉ yêu mến những cái gì thuộc về ích-lợi chung mà thôi. Rồi tình-cảm lành-mạnh hướng về tập-thề đó sẽ đâm rễ trong lòng người thay thế sự ích-kỷ. Nhưng tôi cho không chắc một hai thế-hệ đảng-viên đã có thể xóa được nếp sống tình-cảm cũ. Lên đến một cấp-bậc nào đó thì trong khi hoạch-trù chương-trình chiến-thuật, người ta không đề tình-cảm chi-phối, nhưng trong khi sống cuộc sống hàng ngày, làm sao được, làm sao tránh được ? Kha, cậu có thấy dù hết sức thành khẩn quyết-tâm sống đúng theo lý-luận của mình, trong cuộc sống hàng ngày cũng khó chế ngự những tình-cảm cũ không ? Cậu tưởng dễ sao ?...

Giọng Thọ mất bình-tĩnh. Ít khi tôi thấy chồng tôi bộc-lộ sự bất-khoản của mình rõ ràng như thế. Kha đi vào nhà, Thọ vừa bước theo vừa nói. Đến khi chợt trông thấy nhạc-phụ tôi, anh mới dừng lại.

Kha nhận thuốc và cái ba-lô, ra về. Thọ lại quay ra bước theo. Tôi còn nghe một câu nói của anh Kha ở ngoài đầu sân :

XA XÒI

Gặp nhau ngoài phố
 Như người không quen
 Một mình bơ-vơ
 Tôi đi và quên

Người ta đôi lứa
 Nhưng con chim nhỏ
 Máy trời xám ngắt
 Lòng hoang cửa ngõ

Mười năm vắng mặt
 Đời người bâng-khuâng
 Ngã tư gió mát
 Trở về lang-thang

Nắng lên đỉnh cây
 Màu vàng bệnh-viện
 Lòng buồn ngáy-ngáy
 Nhưng ngày chinh-chiến

Tám-sự mang mang
 Buổi chiều nắng quái
 Nhà ai ngói đỏ
 Đời như trẻ dại

Cỏ non mươn muốt
 Công-viên tươi cười
 Cái đầu chậm bước
 Tám-sự mây trôi.

VƯƠNG-TÂN

— Những cái mà cậu gọi là tình-cảm mù-quáng, tình-cảm cũ đó cần gọi vắn tắt là tình-cảm thôi. Chứ khi hết « mù-quáng », khi cậu mở thao láo cặp mắt của lý-trí mà theo dõi tất cả mọi hành-động...

Hai người đã đi ra khỏi ngõ, tiếng nói lạc mất trong gió.

Đêm ấy, khuya lắm tôi vẫn không ngủ được. Thọ nằm bên cạnh thường lòn một cánh tay dưới cò tôi, choàng sang ấp lấy vai và cách tay phía bên kia của tôi. Vì vậy mỗi một cử động, một cửạ mình trăn trở của tôi Thọ đều biết. Tôi cố nằm yên lặng, trong người bứt rứt. Có một lúc Thọ đưa bàn tay vuốt nhẹ nhàng lên trán tôi, vuốt ngược những sợi tóc xoa xuống trán tôi như âu-yếm một đứa trẻ. Một lúc khác anh lại với đỡ bàn tay tôi lên, bóp nhẹ nhẹ, và lơ đãng sờ nắn hết ngón tay này đến ngón tay khác, nắn đi nắn lại từng ngón, như thế rất lâu.

Tôi đoán biết Thọ đang nghĩ gì. Nếu anh thấy rằng tôi còn thức, có lẽ anh sẽ lại băn-khoăn thắc-mắc : anh sẽ tự hỏi có phải là tôi mất ngủ vì cái tin Hải lên đường ! Thọ ghen ! Tôi hiểu rõ sự ghen tuông của Thọ từ lâu rồi, nhưng vì lúc nào anh cũng im-lìm lặng-lẽ dấu kín cho nên tôi không sao có dịp thanh-minh. Và chính chỗ đó làm cho tôi khổ sở. Cũng như đêm ấy, không phải cái tin Hải đi Đông Mên làm cho tôi mất ngủ, nhưng chính là sự thao-thức thăm dò lặng-lẽ của Thọ làm cho tôi áy-náy, gila-giữ từng hơi thở, bứt rứt khó chịu và vì thế không ngủ được.

Thọ ghen, nhưng anh lại cố gắng chối từ sự ghen tuông đó. Anh tự bảo mình không có quyền dung thứ một tình-cảm ích-

kỳ. Anh khuyến-khích tôi mạnh dạn tham-gia công-tác, tiếp-xúc với cán-bộ. Sự ghen tuông không những Thọ dẫu tôi mà kỳ thực anh còn cố-tâm trấn áp nơi anh, cố tiêu-diệt đi. Tôi biết Thọ đau khổ, nhưng chỉ có thể làm một chứng nhân, một kẻ bàng-quan không can thiệp được.

Thọ cứ bị ám-ảnh vì sự chênh-lệch giữa chúng tôi, cứ tự có cảm-tưởng là già hơn tôi quá nhiều, cứ tự cho là lự-khụ, thuộc về lớp người khác tôi. Người anh gầy gò, và anh lấy làm xấu hổ về sự gầy gò ấy. Anh khổ sở, vụng về mỗi khi phô bày thân thể trước tôi. Mà những cố-gắng của tôi để phá chữa cái mặc cảm của anh cũng lại quá vụng về, cho nên kết quả càng thêm tệ hại. Tôi nhiều lần bắt gặp ánh mắt khác thường, khổ sở, và tuyệt vọng đầu hàng, của anh mỗi khi trông thấy tôi tiếp chuyện những thanh-niên vui vẻ hồn nhiên và cường tráng, những bạn học cũ của tôi. Ánh mắt của Thọ làm tôi bối rối hồi hận, không biết làm sao để cải chính sự lăm lăm đau đớn của anh. Có lần tôi tình cờ cầm giữ cò tay của Thọ hơi lâu và chợt để ý đến sự ngằn ngại của anh, tự nhiên tôi thương anh quá, tôi siết chặt cò tay gầy guộc ấy, áp vào ngực, và tôi đưa lên miệng hôn, tôi vuốt ve cái cò tay ấy. Như được đà đầy tới, tôi dạn dĩ quàng tay ôm vai anh kéo xuống, tôi hôn lên cái gáy gầy của anh. Tôi không kịp suy nghĩ và tìm kiếm trong lúc bất thần đột ngột, tự nhiên những chi tiết thân thể đó vụt hiện đến trí tôi và tôi hấp tấp quơ lấy vuốt ve hôn hít. Tôi không ngờ rằng lâu nay tôi đã để ý đến hai chỗ ấy : cái cò tay và nhất là cái gáy gầy lốm xuống một đường trông rất tội nghiệp. Lúc ấy tôi thấy thực tình yêu Thọ quá, yêu cả những chỗ

gầy gò tội nghiệp của Thọ. Tôi dè-mê ôm lấy Thọ nói rất lâu, cảm anh không được suy nghĩ thắc mắc vu vơ về tình yêu của tôi. Thọ ngạc nhiên, tuy thoát tiên có vẻ hơi lúng túng ngớ ngàng, nhưng dần dần anh sung sướng cảm động. Anh ôm đầu áp vào ngực, ngồi thật lâu, không nói gì.

Nhưng ngày hôm sau tự nhiên anh lại thẹn như là đã lăm lổ hành-động trong mê sảng. Anh lại càng ngờ vực lòng thành thực của tôi. Anh bối rối xấu hổ mỗi khi biết tôi nhìn đến tay và cò của anh. Anh cho rằng sự chú ý của tôi trong ngày vừa qua xác nhận cái xấu xí của những chỗ đó, anh hồ thẹn biết rằng tôi đã chú ý đến những chỗ đó, và chỉ thấy thái-độ của tôi vừa rồi là một thái-độ thương hại. Thọ làm cho tôi hết sức hối hận, tự dưng tôi cũng cảm thấy như mình đã lăm lổ, mình có tội, tôi hết sức hối hận mà không thể tìm ra cơ hội nào để phân trần : Thọ không hề nhắc gì đến việc hôm ấy nữa, và thái-độ khổ sở của anh khiến tôi không bao giờ dám nhắc lại chuyện đó.

Thọ âm thầm ghen tuông, đau khổ mà cứ nhất định trấn áp tình cảm mình. Nếu tôi tỏ ra nhận thấy sự ghen tuông của anh, anh cũng xấu hổ như tôi trông thấy những chỗ gầy gò già nua. Anh cho đó là một khuyết điểm bệnh tật tinh-thần không xứng đáng. Anh quyết sống theo tôn chỉ lý luận mình đã chấp nhận.

Nhưng tuy ghê tởm những tình cảm cũ mà anh vẫn chưa có thể diệt trừ nó.

Tôi sống bên cạnh Thọ, đêm đêm tôi nằm sát bên Thọ, tôi yêu Thọ, tôi theo dõi và thấy rõ những cố gắng đau đớn, những dằn-vò bứt-rứt bên trong của người đảng-viên đầy thiện-chí và chân-thành cố hết sức để tự thắng mình ấy. Vì thế tôi

càng khờ sớ vì thấy mình bất-lực, không có cách gì giúp đỡ Thọ. Thọ vừa ghen với Hải vừa tán-thành mọi cơ-hội tiếp-xúc giữa tôi với Hải, cũng như anh vẫn thương yêu bà ngoại vô cùng mà giữ được một thái-độ thực tàn-nhẫn đối với bà suốt ba tháng, từ ngày bà thọ bệnh cho đến khi qua đời. Chị em, anh em của Thọ, cả nhạc-phụ tôi, cả Hải, cả Kha đều không thấu hết những chịu đựng gay cấn âm-thầm trong lòng Thọ, và tỏ một thái-độ khó chịu với anh, nhưng tôi, tôi biết cả, tôi biết mà tôi không có cách gì can-thiệp.

Đêm đã khuya lắm rồi, bên cạnh tôi Thọ vẫn chưa ngủ. Tôi thương anh quá. Nhiều người khác nói ba hoa, tam-thiên xích-đế, mắt sáng quắc lên, rồi một lát sau lại có thể nhắm mắt ngủ ngon lành, hoặc lơ đãng nhìn nước sông trôi, nhìn cái bè tre chèo đi giữa giòng hay cái lá bàng rơi. Còn Thọ thì thường thường sau khi câu chuyện dứt rồi, rất lâu, tôi quay nhìn anh, anh vẫn ngồi lặng lẽ mà đôi mắt thao-thức soi thấu một đời sống nội-tâm sâu kín thăm-thăm đầy những băn-khoăn suy-tưởng không cùng. Những cặp mắt kia như ánh đèn điện sáng trưng rồi vụt tắt. Còn ánh mắt của chồng tôi như chiếc đèn con chong suốt đêm, âm thầm cháy mãi, trong chỗ yên lặng thâm u. Chồng tôi kiên trì và trung thực, chịu làm một phần tử ngoan ngoãn sống trong kỷ-luật tinh-thần của đoàn-thề, khuôn ép tư-tưởng và tình-cảm theo lý-thuyết, cố sống cái chủ-nghĩa của đoàn-thề mình, anh nhất định sống đúng vai trò một tế bào trong kỷ-luật sinh-hoạt của cơ thể xã-hội. Duy có điều cái tế bào đặc-biệt này tuy vẫn ở trong vị trí kỷ-luật của nó mà cứ long lanh những

THƯƠNG VỀ THÔN BẢN

Về đây gác trọ lạnh cò-liều
Đò thị mưa rơi ngập lối chiều
Mà nhớ mà thương về xứ Thương
Mấy mùa sim tím lịm thương yêu.



Mấy chiều mưa muộn mờ thôn bản
Vết khói hoàng hôn vắt lưng đèo
Ngơ ngác nai vàng bên suối vắng
Đăm chồi sơn cước đứng cheo eo



Rừng sim hoa tím rưng rưng nở
Tiếng hát trùn thương vọng núi đồi
Thoăn thoát bàn tay cô gái nhỏ
Hoa cài suối tóc đẹp buông lời.



Mấy nẻo trường môn heo hút gió
Nắng chiều đổ xuống tận lưng nương
Đường vào thôn bản tràn hoa cỏ
Vân lối đi về của mến thương.



Sương khói ôm trùm hang hốc núi
Trăng rừng chênh chếch vắt đầu non
Khèn vang nức nở âm ba lạnh
Vang nẻo rừng xa, lối cò mòn.



Về đây, đò thị cuồng sơn phấn
Nhớ ngút rừng xanh, đò ráng chiều
Rơi rụng trâm bụi, hoa nở trắng
Lung linh hoa nắng đẹp yêu kiều.



Tôi viết bài thơ thương nhớ
Nhớ về thôn bản xa xôi
Ôi thương, ôi nhớ niềm nhung nhớ
Mấy nếp lều tranh, mấy nếp đồi...

HOÀI-DƯƠNG



suy tưởng bí ẩn. Trời ơi ! đôi mắt long lanh thao thức ấy, nét mặt mệt mỏi nhọc nhằn ấy, vóc người gầy yếu ấy ! tôi thương hại cho tình trạng của chồng tôi vô cùng !

Đã khuya lắm. Lúc chúng tôi vừa vào giường nằm thình thoảng tôi nghe một vài cái lá gáo khô bị gió thổi chạy sẹt sẹt ngoài hè, sau nhà. Nhưng bây giờ bên ngoài đã đứng gió. Không còn tiếng lá cây chạy. Cũng không còn tiếng la gọi của những người đánh cá trên sông nữa. Ở xa, đã có tiếng gà rừng gáy é é. Đêm đó là một đêm trăng sáng, tôi hé mắt nhìn lên mái nhà, nhìn một đôi giọt ánh sáng lọt qua kẽ tranh hờ, tôi ao ước bước ra sau vườn, thở ra một cái thực mạnh, đứng một lúc nhìn ra bốn phía núi rừng,

sông nước mệnh - mông cho thư - thái trong người. Nhưng tôi ngần-ngại, không dám đề Thọ biết là vẫn thức.

Ở nhà ngoài, thỉnh-thoảng nhạc phụ tôi lại dậy, mở cửa bước ra, hoặc đề đi tiêu tiện hoặc bỏ rơm thêm cho bò. Tôi biết Thọ cũng theo dõi thái-độ của cha, nhưng anh không hề lên tiếng. Từ ngày xảy ra chuyện bao vây nhà bà ngoại tôi, hai cha con vẫn sống trong một tình trạng như thế. Câu chuyện vừa rồi giữa Thọ và Kha chắc chắn lại làm xao động những bức tức của nhạc phụ tôi. Người tránh Thọ như tránh không động chạm đến một thể lực uy-quyền, nhưng Thọ cũng không dám nói động đến người. Người biết rằng rồi có thể có ngày cái uy - quyền đó sẽ lạnh-

lòng chà đạp người. Nhưng người yên lặng chờ đợi. Và Thọ tự-nhiên cũng sinh kén-ré rụt-rè trước sự nghiêm-ngạnh của cha. Anh không bao giờ dám lý-luận trình-bày giải-thích gì với cha, tất cả sự bướng-bỉnh, tất cả nghị-lực của anh chỉ là cương-quyết xử sự theo con đường của mình thôi...

Những đêm như thế, sống giữa sự thao thức căng thẳng của gia-đình nhà chồng, giữa sự thao-thức của chồng, của cha chồng, tôi cũng bồi hồi trăn trở, tôi vừa xót xa thương Thọ, vừa thấy mình bất lực bé bỏng không nghĩa lý... Tôi vừa muốn áp mặt vào vai Thọ, ôm lấy an ủi, vừa thấy mình không thể làm gì ích lợi...

Cuối cùng tôi thiếp đi trong tiếng nước đồ ồ ồ ở cái thác sau nhà, trong trí mơ màng cái cảm-tưởng không đời nào thoát khỏi bầu không khí nặng nề đầy bí rít rứt

khó khăn dễ thở ra được một hơi dài khoan khoái cho trong người thanh thoi thư-thái...

(Còn tiếp)

VÕ-PHIẾN

CẦN MUA LẠI

Bác-sĩ Nguyễn - Trần - Huân, hiện ở Pháp, cần mua lại hoặc mượn để sao lại tất cả những tài liệu về đồng bóng ở nước Việt, nhất là loạt bài về môn này đăng ở tuần báo «Trung-Bắc chủ nhật» do Nguyễn - Doãn - Vương chủ-trương, khoảng 1943-45, cùng quyển «Đồng bóng» của Nhất-Lang, xuất bản năm 1952, ở Hà Nội.

Xin liên lạc với:

NGUYỄN-NGU-Í

160, Phan-Đình-Phùng — Sài Gòn

- ★ Một quân-nhân không cúi mình khi chào thượng-cấp. Trái lại, họ phải đứng thẳng người và cử chỉ nghiêm-chính của họ tượng trưng tinh-thần hiên-ngang phải có khi phục-vụ. Đáng diệu khúm núm chẳng những tỏ ra có tinh-thần hèn hạ và yếu đuối mà còn là một cách làm ô-nhục cử-chỉ cao quý của quân-nhân.
- ★ Bao giờ tôi cũng nghĩ người trên phải tôn-trọng nhân-phẩm người dưới; cố nhiên người dưới không bao giờ đạt được lý-tưởng tuyệt đối của người trên. Nhưng người dưới thế nào, chúng ta phải dùng họ như vậy, ta phải dùng đức của họ cũng như dùng tật của họ, vì tật cả của họ thường do đức quá độ của họ phát sinh ra. (De Maud'huy)
- ★ Đối với người giàu sang, có lễ-độ không khó, có thể-thống mới khó; đối với người nghèo khổ, có ân-huệ không khó, có lễ-độ mới khó (Lưu Cao).

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Những bài đã nhận được :

Thử kiểm-thảo Lưu-Bị (Lê-Dzân). Chim trời (Thủy-Thủ). Giấc ngủ (Trần-Sĩ-Huệ). Đ.S. những người áo trắng (Nguyễn-Văn-Đương). Người bạn đường (Hà-Li-Hải. N.T.). Mưa chiều phố (Trần-Hoài-Ngân). Khúc đàn thu (Hy - Tiều). Mơ phai (Nguyễn-Uyên). Chén rượu tàn đêm, Buồn khỏi động quỳnh (Phong-Lan). Một sắc hoa, Một mình (Uy-Vũ). Trăng bản xưa, Hững hờ (Hoài-Dương). Hình dung (Trần-Nam-Cư) Lối cũ (Tuyết-Linh). Thí nghiệm (Cao-Hoàng-Nhân). Sức hút của vạn-vật và sự đặt họ-tinh trên quỹ-đạo, Vài khái-niệm sơ-lược về lịch-sử (Nguyễn - Hữu - Đoan). Tự cảm, Khuya một mình đọc thơ Quách - Tấn (Vũ - Hân). Chiều về, Chờ anh (Trương-Thanh-Sơn). Tìm bóng thời-gian (Kim-Thu).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn .

Những bài không đăng :

Tiếng đàn xưa. Chốc lát. Buổi đầu Tim vào sông trăng. Tuyết vọng. Nhớ. Hẹn hò (T H T) Lý nhân-giang khúc (H.L.H.N.T) Thảo lan (C.L.D) Tôi khóc người yêu. (V. Đ. L.) Thao thức. Vào đời. Thu nhớ nhà (Lê-Đình-Học) Biệt cố-nhân (K.T.) Bàn tay (H.T.M-) Cô tô lẻ. Tình ta (H. S.) Một lần đầu. Buồn (Đ.T.T.) Trở về một bài thơ (T.Q.) Niềm thu (T.V.T.) Ngày mai (H. P.) Ở lại (C. H. V.) Tôi sang thăm em (L.H.) Rừng sao. Đêm nâu (T.T.) Mái tóc. Vào thu. Tình kinh thượng (P. T.) Chị tôi. Đợi

chờ. Mộng. Thăm kín (N.T.) Cúi mặt (V. T. L.) Biển cả. Quê tôi (Q.A.) Tôi ở đâu (T.D.) Đại-lộ trong Hoàng-hôn. Chiều thu. Hoài hương mùa cũ (T.L.M.) Nét thu. Phút mơ xưa. Thu tuổi trẻ (D.L.) Nàng thơ (N.H.P.) Trăng thu (H.V.)

Lên đường. Nỗi buồn vô cớ (và 6 bài) của Đ.T. Khi gió thu về (B.C) Phải chăng Tự-lực văn đoàn... (L.T.) Trăng rừng (H.V.) Sóng biển Trang sách (Đ. D. T.) Đọc trăng nước Tâm-dương của Thanh-Thuyền (C.H.N.)

Những bài trên đây vì nhiều lý-do nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Những bài sẽ đăng :

Tâm sự (Huy-Phương). Tàn đêm (Mặc-Phương-Đình). Dưới tấm bao lon (Khổng-Nghi).

Đương xem :

Phố lò lúc (T.A.). Tình chiến binh (N.H.P.). Đêm hoang (V.Đ.L.). Con bò câu trắng (CLD).

Bạn Nguyễn-Sơn.— Cảm ơn thư bạn. Thông-cảm sự thành thật trong thơ. Rất tiếc ý thơ nhiều chỗ hay, riêng biệt nhưng kỹ-thuật diễn-tả chưa đạt. Sẽ có thư riêng hay mong gặp bạn tại tòa-soạn để trao đổi ý-kiến.
Không-Gian.— Mong gặp để góp ý về mấy bài thơ.

Ô. Thanh-Việt-Thanh.— Đón đọc sáng-tác khác của ông. « Rừng bản trắng sao » nên sửa và bỏ bớt.

Bạn Mặc - Phương - Đình.— Câu 12 bài « Tàn tạ » xin sửa lại một chút.

Ô. Nguyên-Vũ.— Mong gặp hoặc cho địa chỉ để gửi thư riêng

Ô. Chu-Dương.— « Nhịp lẻ » hai đoạn dưới được. Mong sáng-tác khác của ông.

Ô. Vó - Thùy - Lam.— « Cúi mặt » kỹ-thuật khá, nhưng ý thơ cũ, không có gì đặc sắc riêng biệt. Mong các bài khác của ông.

Ô. Cung-Lữ-Dạ.— « Mưa đêm » có ít hình ảnh đẹp. Tiếc toàn bài chưa được hay. Đương xem « Con bồ câu trắng ». Mong sáng-tác khác của ông.

Bạn Diên-Nghị.— Báo lên khuôn vội, không kịp tin để bạn biết ý-kiến về mấy câu trong bài thơ của bạn. Mong gặp hoặc cho biết địa chỉ hiện giờ để có thư giải thích.

Bạn Đào-Văn-Thị (Nha-trang).— Đã nhận được thư. Xin cứ gửi bài về Tòa-soạn.

Bạn Trần-Đại.— Đã nhận được thư của bạn. Cách viết như vậy không phải là chủ-trương chung của Tòa-soạn. Bách-Khoa lúc nào cũng mong đợi và hoan-nghênh các bạn góp ý. Sự thất ý mà bạn dự-đoán do danh từ « ông » hay « bạn » rất sai lầm. Sẽ có dịp gặp để thông-cảm hơn.

Bạn Trần-Vũ.— Xin cho biết tên thực và địa-chỉ hiện-tại để tiện liên-lạc.

Bạn Lê-Điều — Mong bạn gửi thêm cho các sáng-tác phẩm khác nữa. « Truyện bên mớ » khá, nhưng nhiều chỗ không được thực lắm. Xin trân-trọng cảm ơn các bạn.



GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

— « Khảo-luận về Cao-Bá-Quát » của Doãn-Quốc-Sỹ và Việt-Tử soạn, do nhà xuất-bản Nam-Sơn gửi tặng. Sách soạn cho thí sinh tú-tài và Trung-học đệ nhất cấp — Giá 24\$00

— « Hoa trang trắng » thi phẩm của Phương-Cầm gồm 24 bài thơ, do tác-giả gửi tặng.

— « Địa-lý lớp ba » của nhà Nam-Sơn xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 130 trang, giá 24\$.

— « Tự-diễn Hán Việt nhỏ nhất » của Đào-Văn-Tập do nhà sách Vĩnh-

Bảo xuất-bản và gửi tặng. Tự-diễn Hán Việt bỏ túi này là công trình còn dở-dang của nhà soạn Tự-diễn quá cố Đào-Văn-Tập đã được bà nương phụ Đào-Văn-Tập hoàn thành.

— « Lược-khảo về các nước Á-châu : tập VIII : Nhật-bản » của Ô. Đoàn-Thêm do tác-giả gửi tặng.



Trân trọng cảm ơn các tác-giả và xin ân cần giới thiệu với độc-giả thân mến.

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA



Pipsy

một loại xe hai đít mới nhất
và đặc biệt nhất của Hãng

AUSTIN

Nhún rất êm, dầu cho đường hết sức xấu ! Có hai loại máy :

— chạy bằng essence, giá phồng định mỗi chiếc : 136.000\$.

— chạy bằng diesel, " " " " : 156.000\$.

Qui ngài muốn cần biết thêm chi tiết và đặt mua loại xe này,
xin do nơi :

SOCIETE DES GARAGES CHARNER

131-133, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Đ. T. 20.423 — 22.531 — 21.124

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam.

CE MOIS-CI, SUR LES ÉCRANS SAIGONNAIS :

ODONGO

Technicolor — Cinémascope

Juma Eleanor Summerfield

POLICE INTERNATIONALE

Cinémascope

Victor Mature — Anita Ekberg —

Trevor Howard

ET BIENTÔT

LE SEPTIEME VOYAGE DE SINBAD

Technicolor — Mégascope

Parlant Vietnamien

Kerwin Mathews — Kathryn Grant.

COLUMBIA FILMS OF VIETNAM, LTD

Nº 23, Rue GiaLong

Téléphone : 24.710

SAIGON

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BA



Công Ty bảo hiểm người Việt

Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529

BROWNELL, LANE (VIET-NAM), INC.

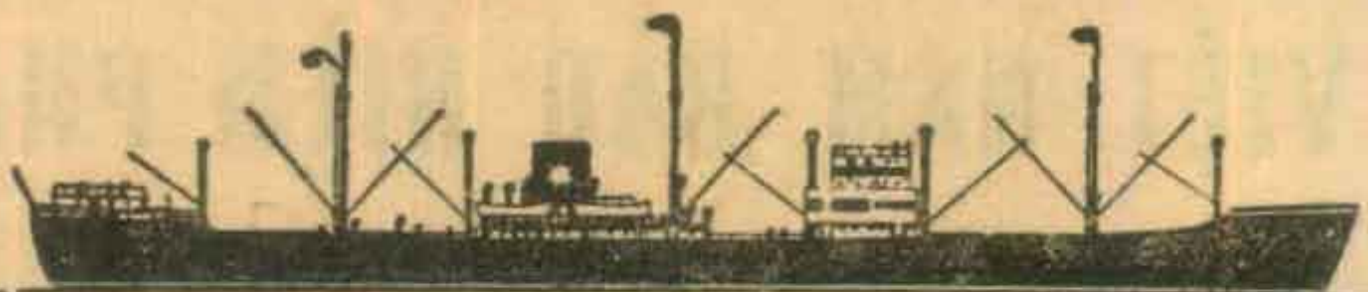
22-26 Đại-lộ Nguyễn-Huệ
SAIGON

Chuyên nhập cảng các sản phẩm hảo hạng
của Mỹ Quốc

NC-1 NC-4 NC-7 NC-16

G. N. 21.466

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

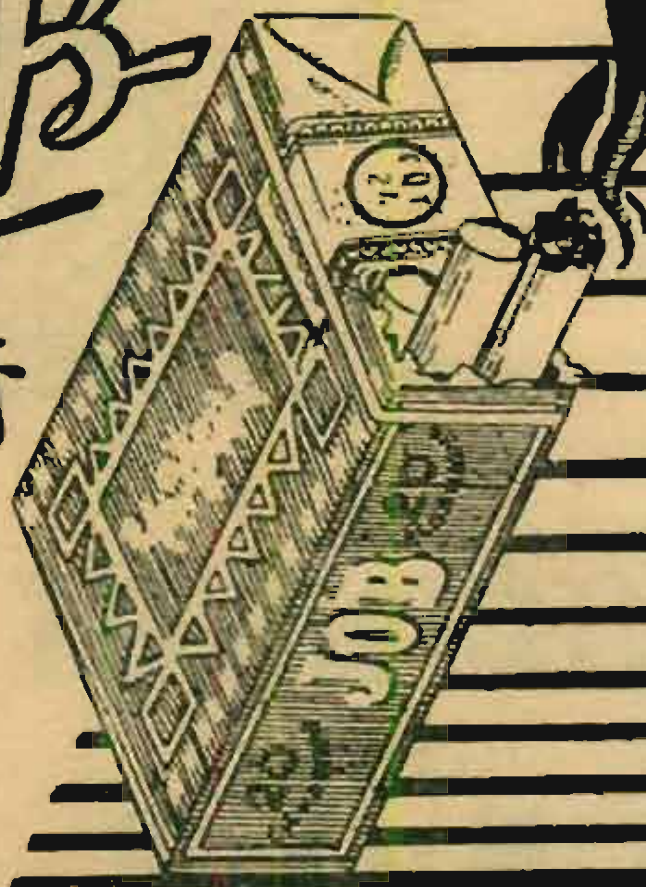
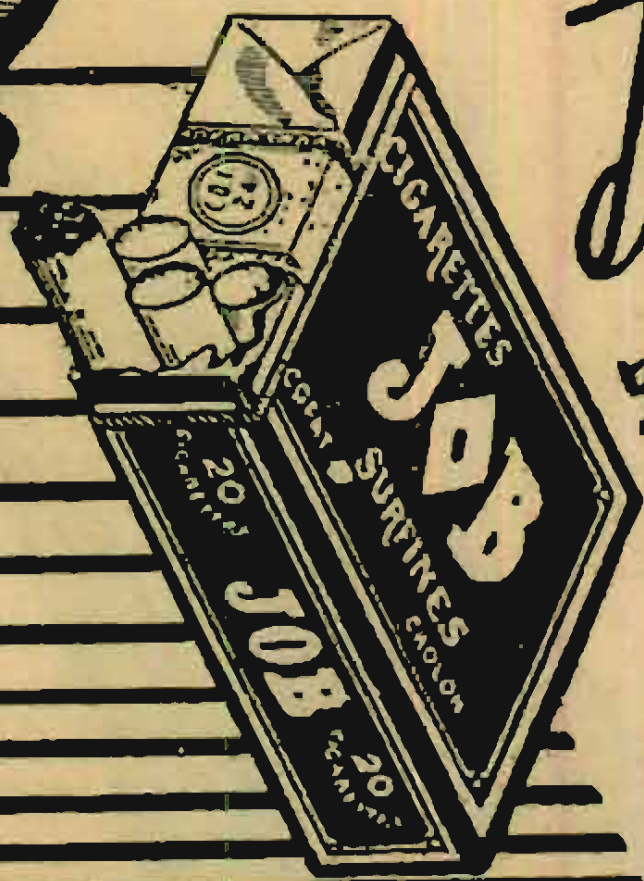
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
Mùi êm dịu
Khởi thơm say
Hương - vị ngọt ngào
Khắp gần xa nức tiếng.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
金字烟





NUỐC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TỊNH-KHIẾT
- BỔ-DƯỠNG



CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

ВАСНҚНОАВАСНҚНОАВАСНҚНОАВАСНҚНОА
ВАСНҚНОАВАСНҚНОАВАСНҚНОАВАСНҚНОА

百科雜誌

Nhà sách PHUC - THANH
58, Đại lộ Lê-Lợi Saigon

Chủ-nhiệm : HUỖNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Sơn :

160, Phan-Đình-Phùng — Sài-gòn
 Dây nói : 25.539

百科雜誌

Giá Công Sở : 15\$
GIÁ : 10\$

In tại nhà in VĂN - HÒA
412-414, Trần-Hưng-Đạo - SAIGON